



KINH TIỂU BỘ

Khuddaka Nikaya

“The Short Passages”

Hòa Thượng Thích Minh Châu Dịch Việt

MỤC LỤC TIỂU BỘ KINH - TẬP III

3.1 TRƯỞNG LÃO TĂNG KẾ

CHƯƠNG I - MỘT KỆ

PHẨM MỘT

- (I) Subhūti (Thera. 1)
- (II) Mahākotthita (Thera. 1)
- (III) Kankha-revata (Thera. 2)
- (IV) Punna Mamṭaniputta (Thera. 2)
- (V) Dabba (Thera. 2)
- (VI) Sīla- Vaniya (Thera. 2)
- (VII) Bhalliya (Thera. 2)
- (VIII) Vīra (Thera. 2)
- (IX). Pilinda-Vaccha (Thera. 2)
- (X) Punnamāsa (Thera. 3)

PHẨM HAI

- (XI) Cūlagavaccha (Thera. 3)
- (XII) Mahāgavaccha (Thera. 3)
- (XIII) Vanvaccha (Thera. 3)
- (XIV) Sivaka (Thera. 3) (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha).
- (XV) Kunda Dhàna (Thera. 3)
- (XVI) Belatthasīsa (Thera. 3)
- (XVII) Dàsaka (Thera. 4)
- (XVIII) Singālar-Pitar (Thera. 5)
- (XIX) Kula (Thera. 4)
- (XX) Ajita (Thera. 4)

PHẨM BA

- (XXI) Nigrodha (Thera. 4)
- (XXII) Cittaka (Thera. 4)
- (XXIII) Gosāla (Thera. 5)
- (XXIV) Sugandha (Thera. 5)
- (XXV) Nandiya (Thera. 5)
- (XXVI) Abhaya (Thera. 5)
- (XXVII) Lomasakangīya (Thera. 5)
- (XXVIII) Con Trai Của Jambugāmika (Thera. 5)
- (XXIX) Hārita (Thera. 5)
- (XXX) Ittiya (Thera. 5)

PHẨM BỐN

- (XXXI) Gahvaratīrya (Thera. 6)
- (XXXII) Suppiya (Thera. 6)
- (XXXIII) Soopaka, Một Tỷ-Kheo Trẻ Con (Thera. 6)
- (XXXIV) Posiya (Thera. 6)
- (XXXV) Sàmannakàni (Thera. 6)
- (XXXVI) Con Của Kunmà (Thera. 6)

- (XXXVII) Bạn Của Con Kumà (Thera. 6)
- (XXXVIII) Gavampati (Thera. 6)
- (XXXIX) Tissa (Thera. 6)
- (XL) Vaddhamàna (Thera. 7)

PHẨM NĂM

- (XLI) Sirivaddka (Thera. 7)
- (XLII) Khadira - Vaniya (Thera. 7)
- (XLIII) Sumangala (Thera. 7)
- (XLIV) Sànu (Thera. 7)
- (XLV) Ramnìyavihàrim (Thera. 7)
- (XLVI) Samiddhi (Thera. 7)
- (XLVII) Ujiaya (Thera. 8)
- (XLVIII) Sanjaya (Thera. 8)
- (XLIX) Ràmaneyyaka (Thera. 8)
- (L) Vimala (Thera. 8)

PHẨM SÁU

- (LI-LIV) Ghodhika, Subàhu, Valliya, Uttiya (Thera. 8)
- (LV) Anjana -Vaniya (Thera. 9)
- (LVI) Kutivihàrim (Thera. 9)
- (LVII) Kutivihàrim (Thera. 9)
- (LVIII) Ramaniyakutika (Thera. 9)
- (LIX) Kosalavihàrim (Thera. 9)
- (LX) Sivàli (Thera. 9)

PHẨM BÀY

- (LXI) Vappa (Thera. 9)
- (LXII) Vajji-Putta (Thera. 10)
- (LXIII) Pakkha (Thera. 10)
- (LXIV) Vimala- Kondanna (Thera. 10)
- (LXV) Ukkhepakàta vaccha (Thera. 10)
- (LXVI) Meghiya (Thera. 10)
- (LXVII) Ekadhamma Savanniya (Thera. 10)
- (LXVIII) Ekudàniya (Thera. 10)
- (LXIX) Channa (Thera. 10)
- (LXX) Punna (Thera. 11)

PHẨM TÁM

- (LXXI) Vacchapàla (Thera. 11)
- (LXXII) Atuma (Thera. 11)
- (LXXIII) Mànava (Thera. 11)
- (LXXIV) Suyàman (Thera. 11)
- (LXXV) Susàrada (Thera. 11)
- (LXXVI) Piyanjaha (Thera. 11)
- (LXXVII) Hatthàroha- Putta (Thera. 12)
- (LXXVIII) Mendasira (Thera. 12)
- (LXXIX) Rakkhita (Thera. 12)
- (LXXX) Ugga (Thera. 12)

PHẨM CHÍN

- (LXXXI) Samitigutta (Thera. 12)
- (LXXXII) Kassapa (Thera. 12)
- (LXXXIII) Siha (Thera. 12)
- (LXXXIV) Nita (Thera. 13)
- (LXXXV) Sunàga (Thera. 13)
- (LXXXVI) Nàgita (Thera. 13)
- (LXXXVII) Pavittha (Thera. 13)

(LXXXVIII) Ajjuna (Thera. 13)
 (LXXXIX) Devasabha (Thera. 13)
 (XC) Sàmidatta (Thera. 13)

PHẨM MƯỜI

(XCI) Paripunnaka (Thera. 13)
 (XCII) Vijaya (Thera. 13)
 (XCIII) Eraka (Thera. 14)
 (XCIV) Mettaji (Thera. 14)
 (XCV) Cakkupàla (Thera. 14)
 (XCVI) Khandasumana (Thera. 14)
 (XCVII) Tissa (Thera. 14)
 (XCVIII) Abhaya (2) (Thera. 14)
 (XCIX) Uttiya (Thera. 14)
 (C) Devasabha (II) (Thera. 14)

PHẨM MƯỜI MỘT

(CI) Belatthakàni (Thera. 15)
 (CII) Setuccha (Thera. 15)
 (CIII) Bandhura (Thera. 15)
 (CIV) Khitaka (Thera. 15)
 (CV) Malytavambha (Thera. 15)
 (CVI) Suhemanta (Thera. 15)
 (CVII) Dhammasava (Thera. 15)
 (CVIII) Phụ Thân Của Dhammasava (Thera. 15)
 (CIX) Langha Rakkhita (Thera. 16)
 (CX) Usabha (Thera. 16)

PHẨM MƯỜI HAI

(CXI) Jenta (Thera. 16)
 (CXII) Vacchagotta (Thera. 16)
 (CXIII) Vanavaccha (Thera. 16)
 (XIV) Adhimutta (Thera. 16)
 (CXV) Mahànàma (Thera. 16)
 (CXVI) Pàràpariya (Thera. 17)
 (CXVII) Yasa (Thera. 17)
 (CXVIII) Kimliba (Thera. 17)
 (CXIX) Vajji-Putta (Thera. 17)
 (CXX) Isidatta (Thera. 17)

CHƯƠNG II - HAI KỆ

PHẨM MỘT

(CXXI) Utara (Thera. 18)
 (CXXII) Pindola-Bhàradvàja (Thera. 18)
 (CXXIII) Valliya (Thera. 18)
 (CXXIV) Gangàtiriya (Thera. 18)
 (CXXV) Ajina (Thera. 18)
 (CXXVI) Melajina (Thera. 19)
 (CXXVII) Ràdha (Thera. 19)
 (CXXVIII) Suràdha (Thera. 19)
 (CXXIX) Gotama (Thera. 19)
 (CXXX) Vasabha (Thera. 19)

PHẨM HAI

(CXXXI) Mahàcunsa (Thera. 20)
 (CXXXII) Jotidàra (Thera. 20)

- (CXXXIII) Herannakàni (Thera. 20)
- (CXXXIV) Somamitta (Thera. 20)
- (CXXXV) Sabbamitta (Thera. 20)
- (CXXXVI) Mahàkàla (Thera. 21)
- (CXXXVII) Tissa (Thera. 21)
- (CXXXVIII) Kimbila (Thera. 21)
- (CXXXIX) Nanda (Thera. 21)
- (CXL) Sirimat (Thera. 21)

PHẨM BA

- (CXLI) Uttara (Thera. 22)
- (CXLII) Bhaddaji (Thera. 22)
- (CXLIII) Sobhita (Thera. 22)
- (CXLIV) Valliya (Thera. 22)
- (CXLV) Vitàsoka (Thera. 22)
- (CXLVI) Punnamàsa (Thera. 23)
- (CXLVII) Nandaka (Thera. 23)
- (CXLVIII) Bharata (Thera. 23)
- (CXLIX) Bhàradvàja (Thera. 23)
- (CL) Kanhadinna (Thera. 23)

PHẨM BỐN

- (CLI) Migasìra (Thera. 24)
- (CLII) Sivàka (Thera. 24)
- (CLIII) Upavàna (Thera. 24)
- (CLIV) Isidinna (Thera. 24)
- (CLV) Sambula - Kaccàna (Thera. 24)
- (CLVI) Khitaka (Thera. 25)
- (CLVII) Sona - Potiriyaputta (Thera. 25)
- (CLVIII) Nisabha (Thera. 25)
- (CLIX) Usabha (Thera. 25)
- (CLX) Kappata - Kura (Thera. 25)

PHẨM NĂM

- (CLXI) Kumàra-Kassapa (Thera. 26)
- (CLXII) Dhammapàla (Thera. 26)
- (CLXIII) Brahmàli (Thera. 26)
- (CLXIV) Mogharàjam (Thera. 27)
- (CLXV) Visàkha, Con Của Pancàli (Thera. 27)
- (CLXVI) Cùlaka (Thera. 27)
- (CLXVII) Anupama (Thera. 27)
- (CLXVIII) Vajjita (Thera. 27)
- (CLXIX) Sandhita (Thera. 28)

CHƯƠNG III

PHẨM BA KÊ

- (CLXX) Anganika Bhàradvàja (Thera. 29)
- (CLXXI) Paccaya (Thera. 29)
- (CLXXII) Bàkula (Thera. 29)
- (CLXXIII) Dhaniya (Thera. 29)
- (CLXXIV) Con Của Mátanga (Thera. 30)
- (CLXXV) Khujja Sobhita (Thera. 30)
- (CLXXVI) Vàrana (Thera. 30)
- (CLXXVII) Passsika (Thera. 30)
- (CLXXVIII) Yasoja (Thera. 30)
- (CLXXIX) Satimattyà (Thera. 31)
- (CLXXX) Upàli (Thera. 31)
- (CLXXXI) Uttarapàla (Thera. 31)

- (CLXXXII) Abhibhùta (Thera. 31)
- (CLXXXIII) Gotama (Thera. 32)
- (CLXXXIV) Harita (Thera. 32)
- (CLXXXV) Vimala (Thera. 32)

CHƯƠNG IV

PHẨM BỐN KỆ

- (CLXXXVI) Nàgasamàla (Thera. 33)
- (CLXXXVII) Bhagu (Thera. 33)
- (CLXXXVIII) Sabhiya (Thera. 33)
- (CLXXXIX) Nandaka (Thera. 33)
- (CXC) Jambuka (Thera. 34)
- (CXCI) Senaka (Thera. 34)
- (CXCII) Sambhùta (Thera. 34)
- (CXCIII) Ràhula (Thera. 35)
- (CXCIV) Candana (Thera. 35)
- (CXCV) Dhammika (Thera. 35)
- (CXCVI) Sabbaka (Thera. 35)
- (CXVII) Mudita (Thera 36)

CHƯƠNG V

PHẨM NĂM KỆ

- (CXCVIII) Ràjadatta (Thera. 37)
- (CXCIX) Subhùta (Thera. 37)
- (CC) Girimànanda (Thera. 38)
- (CCI) Sumana (Thera. 38)
- (CCII) Vaddha (Thera. 38)
- (CCIII) Nadikassapa (Thera. 39)
- (CCIV) Gayà-Kassapa (Thera. 39)
- (CCV) Vakkali (Thera. 39)
- (CCVI) Vigitasena (Thera. 39)
- (CCVII) Yasadatta (Thera. 40)
- (CCVIII) Sonakutikanna (Thera. 40)
- (CCIX) Kosiya (Thera. 41)

CHƯƠNG VI

PHẨM SÁU KỆ

- (CCK) Uruvelà Kassapa (Thera. 42)
- (CCXI) Tekicchakàrì (Thera. 42)
- (CCXII) Mahà-Nàga (Thera. 43)
- (CCXIII) Kulla (Thera. 43)
- (CCXIV) Mìlunkyaputta (Thera. 43)
- (CCXV) Sappadàsa (Thera. 44)
- (CCXVI) Kàtiyàna (Thera. 45)
- (CCXII) Migajàla (Thera. 45)
- (CCXVIII) Jenta (Thera. 45)
- (CCXIX) Sumana (Thera. 46)
- (CCXX) Nhàlaka - Muni (Thera. 46)
- (CCXXI) Brahmadatta (Thera. 46)
- (CCXXII) Sirimanda (Thera. 47)
- (CCXXIII) Sabbhakàma (Thera. 47)

CHƯƠNG VII

PHẨM BÀY KỆ

- (CCXXV) Lakuntaka-Bhaddiya (Thera. 49)
- (CCXXVI) Bhadda (Thera. 50)
- (CCXXVII) Sopàka (Thera. 50)
- (CCXXVIII) Sarabhanga (Thera. 50)

CHƯƠNG VIII

PHẨM TÁM KÊ

- (CCXXXLX) Mahà-Kaccàyana (Thera. 52)
- (CCXXX) Sirimitta (Thera. 52)
- (CCXXXI) Mahà-Panthaka (Thera. 53)

CHƯƠNG IX

PHẨM CHÍN KÊ

- (CCXXXII) Bhùta (Thera. 54)

CHƯƠNG X

PHẨM MƯỜI KÊ

- (CCXXXIII) Kàludàyin (Thera. 56)
- (CCXXXIV) Ekavihàriya (Tissa Kumàra) (Thera. 57)
- (CCXXXV) Mahà Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) (Thera. 58)
- (CCXXXVI) Cùla-Panthaka (Thera. 59)
- (CCXXXVII) Kappa (Thera. 59)
- (CCXXXVIII) Upasena, Con Của Vanganta (Thera. 60)
- (CCXXXIX) Gotama (Thera. 61)

CHƯƠNG XI

PHẨM MƯỜI MỘT KÊ

- (CCXL) Sankicca (Thera. 62)

CHƯƠNG XII

PHẨM MƯỜI HAI KÊ

- (CCXLI) Sìlavat (Thera. 63)
- (CCXLII) Sunita (Thera. 63)

CHƯƠNG XIII

PHẨM MƯỜI BA KÊ

- (CCXLIII) Sona-Kolivisa (Thera. 65)

CHƯƠNG XIV

PHẨM MƯỜI BỐN KÊ

- (CCXLIV) Revata (Thera. 67)
- (CCXLV) Godatta (Thera. 67)

CHƯƠNG XV

PHẨM MƯỜI LĂM KỆ

(CCXLVI) Anna-Kondanna (Thera. 69)
 (CCXLVII) Udàyin (Thera. 69)

CHƯƠNG XVI**PHẨM HAI MƯỜI KỆ**

(CCXLVIII) Adhimutta (Thera. 71)
 (CCXLIX) Pàràpariya (Thera. 72)
 (CCL) Kelakàni (Thera. 298)
 (CCLI) Ratthapàla (Thera. 75)
 (CCLII) Màlunkyaputta (Thera. 77).
 (CCLIII) Sela (Thera. 78)
 (CCLIV) Bhaddiya kàligodhàyaputta (Thera. 80)
 (CCLV) Angulimàlà (Thera. 80)
 (CCLVI) Anuruddha (Thera. 83)
 (CCLVII) Pàràpariya (Thera. 84)

CHƯƠNG XVII**PHẨM BA MƯỜI KỆ**

(CCLVIII) Phussa (Thera. 87)
 (CCLIX) Sàriputta (Thera. 89)
 (XXLX) Ananda (Thera. 91)

CHƯƠNG XVIII**PHẨM BỐN MƯỜI KỆ**

(CCLXI) Mahà-Kassapa (Thera. 94)

CHƯƠNG XIX**PHẨM NĂM MƯỜI KỆ**

(CCLXII) Tàlaputta (Thera. 97)

CHƯƠNG XX**PHẨM SÁU MƯỜI KỆ**

(CCLXIII) Mahà-Moggallàna (Thera. 104)

CHƯƠNG XXI**PHẨM BÀY MƯỜI KỆ (Đại Tập)**

(CCLXIV) Vangìsa (Thera. 109)

3.2 TRƯỞNG LÃO NI KỆ**PHẨM I TẬP MỘT KỆ**

(I) Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên (Theri. 123)
 (II) Muttà (Theri. 123)

- (III) Punnà (Therì. 123)
- (IV) Tissà (Therì. 123)
- (V) Một Tissà Khác (Therì. 123)
- (VI) Dhìra (Therì. 124)
- (VII) Một Dhìra Khác (Therì. 124)
- (VIII) Mittà (Therì. 124)
- (IX) Bhadhhà (Therì. 124)
- (X) Upasanà (Therì. 124)
- (XI) Muttà (Therì. 123)
- (XII) Dhammadinnà (Therì. 124)
- (XIII) Visàkhà (Therì. 124)
- (XIV) Sumànà (Therì. 124)
- (XV) Uttarà (Therì. 125)
- (XVI) Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già (Therì. 125)
- (XVII) Dhammà (Therì. 125)
- (XVIII) Sanjhà (Therì. 125)

PHẨM II TẬP HAI KỆ

- (XIX) Abhirùpa Nandà (Therì. 125)
- (XX) Jentì (hay Jentà) (Therì. 125)
- (XXI) Mẹ Của Sumangala (Therì. 126)
- (XXII) Addhakasi (Therì. 126)
- (XXIII) Città (Therì. 126)
- (XXIV) Mettikà (Therì. 126)
- (XXV) Mittà (Therì. 127)
- (XXVI) Mẹ Của Abhayà (Therì. 127)
- (XXVII) Abhaya (Therì. 127)
- (XXVIII) Sàmà (Therì. 127)

PHẨM III TẬP BA KỆ

- (XXIX) Một Sàmà Khác (Therì. 127)
- (XXX) Uttama (Therì. 128)
- (XXXI) Một Uttarà Khác
- (XXXII) Dantikà
- (XXXIII) Ubirì
- (XXXIV) Sukkà (Therì. 129)
- (XXXV) Sielà
- (XXXVI) Somà (Therì. 129)

PHẨM IV TẬP BỐN KỆ

- (XXXVII) Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapillà. (Therì. 130)

PHẨM V TẬP NĂM KỆ

- (XXXVIII) Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh (Therì. 130)
- (XXXIX) Vimala, Xưa Làm Một Kỹ Nữ (Therì. 131)
- (VL) Sìha (Therì. 131)
- (XLI) Sundari Nandà (Therì. 132)
- (XLII) Manduttara (Therì. 132)
- (XLIII) Mittakali (Therì. 132)
- (XLIV) Sakulà (Therì. 133)
- (XLV) Sonà (Therì. 133)
- (XLVI) Bhadda Kundalakess (Therì. 134)
- (XLVII) Patàcàrà (Therì. 134)
- (XLVIII) 30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Của Patàcàrà (Therì. 135)
- (XLIX) Candà (Therì. 135)

PHẨM VI TẬP SÁU KỆ

- (L) Năm Trăm Patàcàrà (Therì. 136)

- (LI) Vàsitthi (Therì. 136)
- (LII) Khemà (Therì. 137)
- (LIII) Sujàtà (Therì. 137)
- (LIV) Anopanà (Therì. 138)
- (LV) Mahàpajàpatì Gotamì (Therì. 138)
- (LVI) Guttà (Therì. 139)
- (LVII) Vijjayà (Therì. 139)

PHẨM VII TẬP BẢY KỆ

- (LVIII) Uttarà (Therì. 140)
- (LIX) Calà (Therì. 141)
- (LX) Upacàlà (Therì. 141)

PHẨM VIII TẬP TÁM KỆ

- (LXI) Sìsupacàlà (Therì. 142)

PHẨM IX TẬP CHÍN KỆ

- (LXII) Mẹ Của Vaddha

PHẨM X TẬP MƯỜI KỆ

- (LXIII) Kisà Gotamì (Therì. 143)

PHẨM XI TẬP MƯỜI HAI KỆ

- (LXIV) Uppalavanna

PHẨM XII TẬP MƯỜI SÁU KỆ

- (LXV) Punnà hay Punnikà (Therì. 146)

PHẨM XIII TẬP HAI MƯƠI KỆ

- (LXVI) Ambapàli (Therì. 147)
- (LXVII) Rohinì (Therì. 150)
- (LXVIII) Càpà (Therì. 151)
- (LXIX) Sundàrì (Therì. 153)
- (LXX) Subhà, Con Người Thợ Vàng (Therì. 156)

PHẨM XIV TẬP BA MƯƠI KỆ

- (LXXI) Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka (Therì. 150)

PHẨM XV TẬP BỐN MƯƠI KỆ

- (LXXII) Isidàsi (Therì. 162)

PHẨM XVI ĐẠI PHẨM

- (LXXIII) Sumedhà (Therì. 167)

3. GIỚI THIỆU TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ & TRƯỞNG LÃO NI KỆ

Trưởng Lão Tăng Kệ là quyển thứ tám của Tiểu Bộ Kinh, một tập hợp 264 tích truyện trong dạng các câu kệ do các vị tỳ kheo đệ tử của Đức Phật thuật lại về cuộc đời, công phu tu tập và tinh tấn hành trì của quý Ngài trên đường đưa đến đạo quả A-la-hán. Trong khi đó, Trưởng Lão Ni Kệ là quyển thứ chín, gồm 73 tích truyện về cuộc đời các vị tỳ kheo ni đệ tử A-la-hán của Đức Phật.

Qua hai quyển kinh này, chúng ta biết được các nỗ lực tu tập, đấu tranh nội tâm, thanh lọc tâm ý để đưa đến giác ngộ giải thoát. Cuộc đời tu hành của quý vị Tăng Ni như đã ghi lại trong hai quyển kinh là những tấm gương sáng ngời để chúng ta cùng suy gẫm và noi theo trên con đường hành đạo của mỗi người con Phật chúng ta.

Ngoài ra, các câu chuyện và vần kệ trong quyển Trưởng Lão Ni Kệ cũng là một chứng minh hùng hồn, cho thấy con đường của chư Phật mở rộng cho mọi người, không phân biệt nam hay nữ. Tâm gương dũng cảm quyết tâm tu tập để đắc đạo quả cao thượng của các vị tỳ kheo ni tiền phong trong Ni Đoàn của Đức Phật là một nguồn cảm hứng cho tất cả mọi người con Phật trong hơn hai ngàn năm trăm năm qua - nam cũng như nữ, già lẫn trẻ, người tại gia cũng như xuất gia. Đạo quả A-la-hán, đạo quả giác ngộ toàn bích, mở rộng cho tất cả những ai tận lực tu học, giữ gìn giới hạnh, thanh lọc tâm ý, khai phát tuệ minh, như các vị đại đệ tử tỳ kheo và tỳ kheo ni đó.

*Tỳ Kheo Ariyasilo
(Bình Anson Lược Dịch, Tháng 01-2001)*

-ooOoo-

3.1 TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ CHƯƠNG I - MỘT KỆ PHẨM MỘT

Đánh Lẽ Đức Thê Tôn Bậc A-La-Hán Chánh Đẳng Giác

(I) Subhuti (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong gia đình vị Cố vấn *Sumana*, em trai Ông *Anàthapindika* (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhuti*. Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thê Tôn cho một đê tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh Từ vô lượng. Khi Ngài đi khất thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị xứng đáng được bô thí đệ nhất. Do vậy, Thê Tôn có nói: 'Này các Tỷ-kheo, *Subhuti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường'.

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khất thực đi đến Vương Xá, vua *Bimbisàra* (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chõ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chõ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài *Subhuti* hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chứ không mưa ào ào. Ngài muôn quần chúng khỏi sợ hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!
Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần,
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!*

(II) Mahàkotthita (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là *Kotthita* (Câu-hy-la). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập *Veda* và thành tựu các đức tính của vị Bà-la-môn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hiện thiền quán từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh *Vedalla*, xác nhận ngài là bậc thiền quán đệ nhất.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ túc,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,*

*Ác pháp được virt bồ,
Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

(III) *Kankha-revata (Thera. 2)*

Trong thời đức Phật hiện tại ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Ngài chứng quả A-la-hán nhờ hành thiền, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là hành thiền đệ nhất.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lần chiêm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoan tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

*3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nghiệp phục nghi ngờ
Cho những ai đi đến.*

(IV) *Punna Mamtaṇiputta (Thera. 2)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão Kondanna và được đặt tên là Punna. Sau khi làm tròn bổn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sông gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miên phụ cận Kapilavatthu, chuyên tâm tu hành, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về mười căn bản của thuyết giảng, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mươi căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán. Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả Sariputta cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc thuyết pháp đệ nhất.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: 'Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu thân cận với bạn lành'. Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

*4. Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền minh thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, té, té nhẹ,
Bậc trí chứng đạt được,*

Không phóng dật, chủ tâm.

(V) *Dabba* (Thera. 2)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc *Mallà* ở *Anupiyà*. Khi mới bảy tuổi, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi sanh ngài. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cạo tóc.

Khi bậc Đạo Sư từ giã xứ *Mallà* để đi về Vương Xá, *Dabba* thiền quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chõ ngũ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng thần thông của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chõ ngũ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng.

Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với *Mettiya* và *Bhummajika* vu khống, làm hại và ngài được giáo hội che chở và biện minh, Tôn giả *Dabba* ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

5. *Ai thật khó nghiệp phục,
Nay đã được nghiệp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tĩnh.*

(VI) *Sila- Vaniya* (Thera. 2)

Đây là bài kệ của Trưởng lão *Sambhùta*, ngài được sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là *Sambhùta*. Với ba người bạn *Bhūmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập thiền quán thân bất tịnh, ngài ở luôn luôn tại *Sitavana* (rừng mát) và được gọi là *Sitavaniya* (vị ở rừng mát).

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: 'Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:

6. *Có Tỷ-kheo đi đến
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thắng trận, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm'.*

(VII) *Bhalliya* (Thera. 2)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavati*, con một người đánh xe cho đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lữ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: 'Thế Tôn vừa mới thành đạo

và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích'. Cả lữ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đên cúng dường Thê Tôn.

Khi Thê Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thê Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, Tapussa và Bhalliya hầu hạ Ngài và nghe pháp, Tapussa trở thành một cư sĩ, còn Bhalliya thời xuất gia và thành tựu được sáu thắng trí.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng Bhalliya đã vượt qua mọi sợ hãi, nêu nổi lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chét,
Với đạo binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tĩnh.*

(VIII) *Vira (Thera. 2)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là *Vira*. Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bỗng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được sáu thắng trí. Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, vợ của ngài muốn cảm dỗ ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: 'Người đàn bà này muốn cảm dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi'. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cảm dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

8. *Ai thật khó nhiếp phục
Nay đã được nhiếp phục,
Vira tự thỏa mãn,
Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không kinh hoàng,
Vira trú tịch tĩnh.*

Người đàn bà ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: 'Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta'. Rồi đi đến tịnh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chứng được ba minh.

(IX). *Pilinda-Vaccha (Thera. 2)*

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thê Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ. Ngài trở thành một ân sĩ và được một bùa phép tên là Tiếu *Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực. Khi ngài nghe được bùa phép Đại *Gandhàra* làm bùa phép tiếu *Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Sa-môn *Gotama* biết được bùa phép Đại *Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: 'Phải xuất gia', ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo. Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp thiền quán, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của *Pilinda* trong một đời trước, được sanh làm chư Thiền, vị này hầu hạ ngài sớm chiêu để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là vị Tỷ-kheo được chư

Thiên ái kính, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỳ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

*9. Lời khuyên đến, tốt lành!
Lời không tốt, không đến!
Lời khuyên đến với ta,
Không thuộc về tà ác!
Giữa các pháp phân biệt,
Ta đến pháp tối thượng.*

(X) Punnamasa (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi, ngài xuất gia được khi sanh được đứa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy bốn sự thật làm đê tài đê thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán. Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vướng bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tĩnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: 'Vì Trưởng lão này không đê ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cám dỗ ngài' nên nàng bỏ đi.

PHẨM HAI

(XI) Cùlagavaccha (Thera. 3)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia. Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavaccha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, phát triển trí tuệ và chứng quả A-la-hán. Thầy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thắt, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được đạo tịch tịnh,
Hành dừng lại an lạc.*

(XII) Mahàgavaccha (Thera. 3)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của Sammuddhi, một Bà-la-môn ở làng Nàlaka, Magadha. Ngài xuất gia vì Sàriputta đã xuất gia, và ngài biết Sàriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

*12. Trí tuệ lực, giới hạnh,
Định, thiền lạc, chánh niệm,
Chỉ ăn những món ăn
Dem lại quả tốt đẹp,
Ở đây, tham viễn ly,
Chờ đợi giờ mạng chung.*

(XIII) Vanvaccha (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh, và sanh tại đấy. Ngài trở thành một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật trong tương lai. Vì ngài thích rừng núi, ngài được biết với tên là Vanvaccha. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán. Để tán thán hạnh ở rừng, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: 'Ngài thích thú gì ở rừng núi?' Ngài đáp: 'Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!'

*3. Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong,
Kẻ chăn bò Inda,
Che kín cả ngôi rừng,
Những ngôi núi đá áy,
Làm hân hoan tâm ta'.*

(XIV) Sìvaka (Thera. 3) (Một Sa-di phục vụ cho Vanvaccha).

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chị của Vanvaccha. Khi mẹ ngài được tin Vanvaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: 'Này Sìvaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanvaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!'. Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanvaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau

nặng; khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão *Vanavaccha* đi tìm và thấy ngài bị đau. Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: 'Này *Sīvaka*, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng'. *Sīvaka* trả lời: 'Đầu thân con ở trong làng, nhưng tâm con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng'. Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sach tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

*14. Thầy ta nói với ta,
'Hãy đi, Sīvaka!'
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Đầu còn nằm ta đi,
Người biết, không trói buộc.*

(XV) *Kunda Dhāna* (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sāvatthi*, con một Bà-la-môn và được gọi là *Dhāna*. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe đức Phật thuyết pháp và xuất gia. Khi vua *Pasenadi* nước *Kosala* để ý đến ngài, cúng dường ngài các đồ dùng cần thiết nên ngài khỏi phải đi khất thực. Khi nàng *Subhadda* mời bậc Đạo Sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy *Kunda Dhāna* mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong tập sớ *Anguttara Nikāya*. Ngài nói lên các bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo:

*15. Năm pháp Thầy cắt đứt,
Năm pháp Thầy từ bỏ,
Và năm pháp thương nhân,
Thầy cố gắng tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm ái,
Được gọi là 'vượt bộc lưu'.*

(XVI) *Belatthasisa* (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sāvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia theo giáo đoàn của *Kassapa* ở *Uruvela* và thờ lửa. Khi *Kassapa* được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong ngàn người đệ tử của *Kassapa* chứng được quả A-la-hán, khi nghe đức Phật giảng kinh *Adittápariyàyāsutta* (Kinh Lửa Cháy).

Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả *Ananda*. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng, và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài:

*16. Như vật hiền giống tốt
Với sừng, kéo cái cày,
Đi đứng không mệt nhọc,
Cũng vậy, ta ngày đêm,
Đi đứng không mệt nhọc,
Được lạc không thể vật.*

(XVII) Dàsaka (Thera. 4)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của *Anàthapindika*, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá *Jetavana*. Được nghe đức tính và nguyện vọng của ngài, ông *Anàthapindika* giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay. Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi ngay. Thέ Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

17. Ai hôn trâm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lăn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.

Khi nghe vậy, *Dasaka* trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài suy nghĩ: 'Bài kệ của Thέ Tôn đã khích lệ ta nhiều' và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dù cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XVIII) Singàlar-Pitar (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở *Sàvatthi*, lập gia đình và đặt tên con là *Singàlaka* và tự mình được gọi là *Singàla-pitar* (cha của *Singàla*). Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thέ Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài để tài thiền quán là bộ xương người. Dùng để tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở *Sumsumàragira*, tại khu rừng *Bhesakalà*. Trong rừng ấy, một thằn rùng biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp tướng bộ xương.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,
Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: 'Vị thằn rùng này muốn ta cố gắng tu tập', nên ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thằn rùng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XIX) Kula (Thera. 4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định. Một ngày kia đi khất thực, ngài thấy người dân nước bằng cách đào cách kinh dân nước. Trong thành phố, ngài thấy người làm cung tên uốn nắn cung tên bằng neo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những người làm xe sửa soạn trực xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến ba phương pháp nghiệp phục này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm

của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

19. *Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm nên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc tự điều, điều thân.*

(XX) Ajita (Thera. 4)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở *Sàvatthi* con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua *Kosala*. Ngài trở thành một ẩn sĩ tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn *Kapittha* trên bờ sông *Godhàvari*. *Bàvari* bảo ngài cùng với *Tissa* và *Metteya* đi đến bậc Đạo Sư. *Ajita* được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. Lựa một đê tài để thiền quán, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

20. *Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

PHẨM BA

(XXI) Nigrodha (Thera. 4)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi. Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia. Khi phát triển thiền quán, ngài có thể đạt được sáu thăng trí, suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. *Đối với ta, sơ hãi
Không làm ta sơ hãi,
Thâm hiểu đạo bát tử,
Bậc Đạo Sư chúng ta
Không tìm được chân dung,
Ở đâu, sự sơ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo
Dẫn bước trên đường ấy.*

(XXII) Cittaka (Thera. 4)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, Cittaka đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lựa giới luật làm đê tài tu tập, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với thiền quán khai triển, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

22. *Chim công, màu xanh biếc,
Cô đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thíc dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

(XXIII) Gosàla (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: 'Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?'. Rồi ngài xuất gia, dùng giới luật làm đê tài thiền quán và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán. Mẹ ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài cháo, cơm nấu với mật và đường, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày. Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài phát tâm thiền quán và chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp. Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,*

*Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viễn ly.*

(XXIV) Sugandha (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão *Mahà Sela* thuyết pháp; sau bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

*24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy pháp tánh các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.*

(XXV) Nandiya (Thera. 5)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: 'Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà' và đặt tên ngài là *Nandiya*. Lớn lên, ngài xuất gia, khi *Anuruddha* và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống với Trưởng lão *Anuruddha* và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, Ác-ma muôn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dễ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: 'Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của ngươi. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh'.

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Nếu Nhà ngươi muốn chóng,
Hỡi này kẻ Quý đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

(XXVI) Abhaya (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con vua *Bimbisàra* (Bình-sa). Giáo chủ *Nàtaputta* dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn *Gotama* trong cuộc tranh luận, nhưng trong câu trả lời của Sa-môn *Gotama*, ngài thấy sự thất bại của giáo chủ phái Ni-kiền Tử và sự sáng suốt của Sa-môn *Gotama*. Do vậy, sau khi vua từ trần, *Abhaya* xuất gia. Nhờ giảng kinh Ví dụ cái lỗ trong cây gỗ, ngài chứng quả Dụ lưu. Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán. Do vậy, phần khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*26. Nghe được lời khéo giảng,
Bật bà con mặt trời,
Ta đâm thủng tinh vi,
Như tên chẻ ngọn tóc.*

(XXVII) Lomasakangìya (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu*, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yêu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi *Anuruddha* và một số hoàng tử trẻ *Sakya* xuất gia, ngài không theo. Rồi *Candana*, một người bạn cũ thời trước, hỏi về 'Nhứt dạ hiền giả - *Bhaddekaratta*', ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ. Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,*
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Tù noi ngực của ta,
Ta sẽ đây chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,
Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài băng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia. Sau thời gian học tập, ngài muôn đi vào rừng để thiền quán. Các Tỳ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng sáu thăng trí. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

(XXVIII) Con Trai Của *Jambugàmika* (Thera. 5)

Ngài sanh ở *Campà*, con một cư sĩ tên *Jambugàmika*, và được gọi với tên cha. Khi học tập hạnh Sa-di, ngài ở *Sàketa*, tại rừng *Anjana*, cha ngài sợ ngài không bền chí xuất gia, nên gửi ngài bài kệ để tìm hiểu ngài:

28. *Con có được thỏa mãn,*
Với y phục mang mặc?
Con có được hoan hỷ,
Với trang sức điểm tô?
Và mùi hương thơm này,
Do giới con tỏa ra,
Chớ không do người khác
Tạo mùi thơm như vậy!

Khi ngài đọc bài kệ này, ngài nghĩ rằng phụ thân ngài nghi ngờ ngài còn đang bị thế tục chi phối, và ngài cũng chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Do vậy, ngài cảm thấy xúc động, liền phát tâm tinh tấn tu hành và không bao lâu chứng được sáu thăng trí. Với bài kệ của người cha làm đè tài thiền quán, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Và vừa để nói lên chánh trí, vừa tán thán người cha, ngài nói lên bài kệ.

(XXIX) *Hàrita* (Thera. 5)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở *Sàvatthi*, con một Bà-la-môn giàu có. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài. Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết. Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về giới, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khất thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay

thắng, ngài suy nghĩ: 'Những người này còn làm cho một cây tên ngay thắng'. Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, phát triển thiền quán. Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

*29. Thầy hay làm tự ngã,
Được thầm nhuần hướng thương,
Như người thợ cung tên
Làm cây tên ngay thắng,
Hãy làm tâm ngay thắng,
Hồi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài phát triển thiền quán, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(XXX) *Ittiya (Thera. 5)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và xuất gia để tìm đời sống bất tử, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia. Vì giới hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, *Ittiya* học tập bài học này, phát triển thiền quán, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán. Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến căn bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.*

PHẨM BỐN

(XXXI) *Gahvaratìrya* (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*. Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thần thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đê tài để hành trì, ngài đi vào rừng *Ratira* và được biết với tên là *Gahvaratìrya*, phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở *Sàvatthi*, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muôn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lăng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lăng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

(XXXII) *Suppiya* (Thera. 6)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở *Sàvatthi*. Được bạn *Sopaka* thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất, và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phẫn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

(XXXIII) *Soopaka, Một Tỷ-Kheo Trẻ Con* (Thera. 6)

Ngài sanh trong thời đức Phật hiện tại ở *Sàvatthi*, từ một người đàn bà rất nghèo khổ. Khi bà mẹ đau đẻ, bà bất tỉnh và người ta tưởng bà đã chết nên đem thân bà đi thiêu. Một phi nhân không cho lửa đốt cháy, làm mưa làm gió và những người thiêu thân bỏ đi. Đứa con trai được sanh mạnh khỏe, còn người mẹ bị chết. Vị phi nhân hóa làm người, bế đứa con và bỏ trong nhà người giữ nghĩa địa, nuôi đứa con trong một thời gian với đồ ăn thích hợp. Sau đó, người giữ nghĩa địa nhận làm con nuôi, và *Sopaka* lớn lên với *Suppiya*, con trai nhỏ của người giữ cửa. Vì ngài sanh ở nghĩa địa, nên đặt tên là *Sopaka*. Khi ngài bảy tuổi, Thé Tôn với thiên nhãn thanh tịnh, vào buổi sáng, nhìn xem những ai có thiện căn tốt lành, thấy *Sopaka* và đi đến nghĩa địa. *Sopaka* được nghiệp duyên đòi trước, đi đến Thé Tôn với tâm tu hoan hỷ và đánh lễ Thé Tôn, Thé Tôn thuyết pháp và *Sopaka* xin xuất gia. Sau khi được phép người cha nuôi, *Sopaka* xuất gia và được dạy tình thương huynh đệ làm đê tài tu hành. *Sopaka* lấy đê tài này và sống ở nghĩa địa và chứng được cảnh giới thiền tương đương. Lấy cảnh giới thiền làm đê tài căn bản, ngài triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, ngài làm bài kệ, trong ấy ngài nêu cho các Tỷ-kheo rõ đê tài tình thương anh em, không có phân biệt người thân kẻ sơ. Với tất cả, tình thương phải là một, bao trùm mọi cảnh giới, mọi chúng sanh mọi thời gian:

*33. Như người mẹ tốt lành
Thương người con độc nhất,
Cùng vạy đời chúng sanh,*

*Đủ mọi loài, mọi chõ,
Hãy có lòng tốt đẹp,
Thương mến và từ ái.*

(XXXIV) *Posiya* (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một triệu phú ở *Sàvatthi*, là em trai của Trưởng lão *Sangāmaji*. Khi lớn lên, ngài lập gia đình. Khi sanh được đứa con trai, do nghiệp duyên đời trước, ngài cảm thấy lo lắng trước vấn đề sống chết, nên ngài xuất gia, sống một mình trong rừng và tu tập để tài bốn sự thật. Sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến *Sàvatthi* để đánh lễ Thê Tôn và về thăm lại nhà cũ, người vợ cũ cúng dường ngài và muốn cảm dỗ ngài sống lại đời sống cũ, ngài biết được dụng ý của vợ ngài nên cáo lui và về lại trong rừng, các bạn đồng tu hỏi vì sao ngài về sớm như vậy, ngài kể lại câu chuyện đã xảy ra và nói lên bài kệ:

*34. Không gần là tốt đẹp,
Kẻ trí thường biết vậy,
Từ làng đi đến rừng,
Từ rừng, ta vào nhà,
Từ đây, đứng dậy đi,
Không đoái hoài Bồ-syà.*

(XXXV) *Sàmannakàni* (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thần thông song hành; và nhờ thiền, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên *Kàtiyàna*, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. *Kàtiyàna* đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: 'Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hướng sự an lạc thuần nhất này'. Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.
Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám nganh,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

(XXXVI) *Con Của Kunmà* (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứ *Anvanti* thành *Velukanda*, và được đặt tên là *Nanda*. Nhưng vì mẹ tên *Kumà* nên ngài được gọi là con của *Kumà*. Khi nghe Tôn giả *Sàriputta* thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và sửa lại phương pháp tu tập, ngài mới chứng quả A-la-hán. Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỳ-kheo khác quá lo cho thân thể, nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp:

36. Lành thay, điều được nghe!
 Lành thay, hạnh phúc sống!
 Lành thay, thường an trú!
 Đời sống kẻ không nhà.
 Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp,
 Làm các hạnh cung kính,
 Đây là hạnh Sa-môn,
 Của bậc Vô sở hữu.

(XXXVII) Bạn Của Con Kumà (Thera. 6)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành *Velukanda*, trong một gia đình giàu có tên *Sudanta*. Có người nói ngài tên là *Vasuloki*. Ngài trở thành bạn thân với con của *Kumà*. Khi con của *Kumà* xuất gia, ngài nghĩ đạo của con *Kumà* không thể là đạo tầm thường nên đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Nghe xong, ngài cảm thấy nhiều xúc động và xuất gia. Ngài cùng an trú với con của *Kumà* trên sườn đồi để tu hành.

Trong lúc ấy, nhiều Tỷ-kheo bộ hành nhiều địa phương, đều an trú tại chỗ hai vị này và tạo nên cảnh ồn ào. *Sudanta*, tâm thiền định bị chi phối, lấy sự kiện này làm đề tài để tinh tấn tu hành và nói lên bài kệ này:

37. Bộ hành nhiều xír sở,
 Với hạnh không suy tưởng,
 Thiếu đốt phần thiền định,
 Đi khắp xír làm gì?
 Do vậy, ngăn vọng động,
 Không vọng hướng, hãy thiền.

(XXXVIII) Gavampati (Thera. 6)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của *Yasa* (Da-xá). Khi họ nghe *Yasa* xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống ở rừng *Anjana* tại *Sakela*, và hưởng lạc giải thoát. Khi bấy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại *Anjana*. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông *Sarabhà*. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trẻ la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo *Gavampati* can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với thần túc thông của mình, làm theo lời Phật dạy, dừng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dựng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông. Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy *Gavampati* vì lòng từ bi nghĩ đến đời, đức Phật tán thán các hạnh của *Gavampati* với bài kệ:

38. Ai với thần túc thông,
 Dụng đứng Sarabhu,
 Chính Gavampati,
 Không y lại, không động,
 Vượt qua mọi trói buộc,
 Chư Thiên đều đánh lẽ,
 Bậc Đại sĩ Mâu-ni
 Đã vượt qua sanh hưu.

(XXXIX) Tissa (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Kapilavatthu*, con người dì của đức Phật và được đặt tên là *Tissa*. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miệng liền hiện đèn trước ngài, thúc ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị kiém chém xuồng,*
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.

(XL) *Vaddhamàna (Thera. 7)*

Ngài sanh ở *Vesàli*, trong gia đình một vị vua *Licchavi*, ngài trở thành một thiêu niêc có tín tâm và phục vụ Tăng chúng. Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành biếng nhác và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

40. *Như bị kiém chém xuồng,*
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hưu.

PHẨM NĂM

(XLII) Sirivaddka (Thera. 7)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có. Khi vua *Bimbisāra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần *Vebhāra* và *Pandava*, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một con giông tó lớn nỗi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một nhiệt độ thích hợp, ngài có thể thiền định, thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đồi Vebhara,
Giữa đồi Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đứa con bậc Vô tỳ,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

(XLII) Khadira - Vaniya (Thera. 7)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước *Magadha* (Ma-kiệt-đà) tại làng *Nalaka*, con của nữ Bà-la-môn *Rūpasāri*. Khi ngài lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình, nhưng khi nghe *Sāriputta* xuất gia, ngài bắt chước *Sāriputta*, đến các Tỷ-kheo xin được tho giới, tự xưng là em trai của *Sāriputta*. Khi ngài chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến *Sāvatthi* (Xá-vệ) để đánh lễ Thέ Tôn, và ở lại một vài ngày tại tịnh xá *Jetavana* (Kỳ Viên).

Rồi Thέ Tôn, ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, xác nhận ngài là Tỷ-kheo ở rừng đệ nhất.

Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị *Càlà*, *Upacàlà*, *Sisùpacàlà*, cũng tên là *Càlà*, *Upacàlà* và *Sisùpacàlà* cho chúng xuất gia. Một hôm ngài bị ốm và *Sāriputta* đi đến thăm, *Revata* muốn dạy cho ba người cháu chó có phóng dật, nên khi thấy *Sāriputta* từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

*42. Hồi này cháu Càlà,
Này Upacàlà,
Sisùpacàlà,
Hãy sống, trú chánh niệm,
Vị đang đến các con,
Như vị bắn chẻ tóc.*

(XLIII) Sumangala (Thera. 7)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần *Sāvatthi*, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái lièm, cái cuốc và cái cày. Một hôm vua *Pasenadi* cung dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cung dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này. Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đê tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình. Khi về, ngài thấy các dân quê

cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập thiền định, sống cô độc, phát triển thiền quán. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán. Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

*43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!
Thật sự ta khéo thoát,
Thoát ba sự cong queo,
Ta thoát cong với liềm,
Ta thoát cột với cày,
Ta thoát cực với cuốc,
Nếu có dây, có dây,
Thật đù chán, đù chán,
Hỡi Sumangala!
Hỡi Sumangala!
Hãy thiền, hãy thiền định!
Hỡi Sumangala!
Hãy sống không phóng dật.*

(XLIV) Sànu (Thera. 7)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên bảy tuổi, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc. Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, mẹ ngài là một nữ Dạ-xoa. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sầu khổ và muôn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkha (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Đầu có đứng lên chạy.*

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sõm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thưa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thưa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thưa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: 'Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục', và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết,
Này con, được kéo ra,
Khỏi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rời vào,
Đóng than hồng ấy chăng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di *Sānu* lấy làm xấu hổ sầu muộn, và tinh tấn phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

(XLV) *Ramniyavihàrim* (Thera. 7)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống tuổi trẻ trác táng. Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dâm, ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia. Là Tỷ-kheo, ngài vẫn còn những ái欲 về thân, ngài sắp đặt phòng ngài thật dày đủ bàn ghế, dày đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là *Ramniyavihàrim* (người sống trong lạc dục). Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy không xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành lang thang đó đây. Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một con bò vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: 'Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tinh tấn, sau khi rời vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành'. Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão *Upàli* và được *Upàli* chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

*45. Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đây đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

(XLVI) *Samiddhi* (Thera. 7)

Ngài sanh ra trong đời đức Phật hiện tại, ở *Rajagaha* (Vương Xá) con một gia đình quý tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh và được đặt tên là *Samiddhi* (thịnh vượng), ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo Sư khi gặp vua Bình Sa (*Bimbisàra*), khởi lên lòng tin, xuất gia, tinh tấn tu thiền. Khi đức Phật sống ở vườn *Tapoda*, *Samiddhi* đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỷ-kheo, thời Ac-ma hiện ra quấy phá, phát ra tiếng động như quả đất nổ tung. Ngài

thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, vẫn kiên trì tu tập và đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ác-ma không biết sự kiện ấy, Ác-ma lại tao nên một tiếng động kinh khủng, nhưng ngài không có sợ hãi, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

46. *Ta với lòng tin ngưỡng,
Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiền định,
Dầu người tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.*

(XLVII) *Ujiaya (Thera. 8)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rajagaha* (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống. Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt túy, với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, thiền tu về giới hạnh trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngồi xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đê cập đến chánh trí của ngài:

47. *Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo diển,
Con sông không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

(XLVIII) *Sanjaya (Thera. 8)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Khi lớn lên, ngài theo gương *Brahmāya*, *Pokkhanrasāti* và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả. Về sau, ngài xuất gia và chứng được sáu thăng trí. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

48. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi thành,
Liên hệ đến sân hận.*

(XLIX) *Rāmaneyyaka (Thera. 8)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sāvatthi* (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi *Jetavana* (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia. Sống trong rừng, ngài thiền quán về giới hạnh, vì quả chứng và hạnh dễ thương của ngài, ngài được gọi là *Rāmaneyyaka* (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, Ác-ma muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(L) *Vimala (Thera. 8)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen, bởi vậy, được tên là *Vimala*. Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở *Rājagaha*, rồi ngài xuất gia, tìm một đê tài học tập, đến ở trong một hang núi ở *Kosala*.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể định tâm, chứng được quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

50. Đất, nước mưa ướt thảm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lảng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.
Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

PHẨM SÁU

(LI-LIV) *Ghodhika, Subàhu, Valliya, Uttiya (Thera. 8)*

Trong thời đức Phật tại thế, bốn vị này sanh ở *Pava*, con của bốn vua *Malla*, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ *Kapilavatthu*. Lúc bấy giờ, Thê Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thê Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, vua *Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và đâu là mùa mưa, trời lại không mưa. Vua *Bimbisàra* nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và triển khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống. Rồi *Godhika* do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thát,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muộn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thát,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muộn.*

Valliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thát,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng đạt, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muộn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thát
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong áy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muộn.*

(LV) Anjana -Vaniya (Thera. 9)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Vesàli*, trong gia đình một vị vua trị vì nước *Vajja*. Khi ngài lớn lên, ba tai họa lớn đe dọa dân chúng *Vajja*: nạn hạn hán, nạn bệnh tật, và nạn phi nhân. Sự kiện này được ghi chép trong tập sớ kinh *Ratanasutta*. Khi Thế Tôn làm cho dân chúng *Vesali* bớt sợ hãi, một số đồng đến nghe ngài giảng. Con của vua cũng được nghe, khởi tín tâm và xuất gia.

Khi làm xong các học tập sơ khởi, ngài sống trong rừng *Anjana*, ở *Saketa*. Khi trời mưa sắp đến, ngài tìm được một giùm nằm người ta quăng bỏ, đặt nó trên bốn tảng đá, phía trên và phía chung quanh lợp cổ. Ngài làm một cái cửa và như vậy làm được một chỗ ở cho mùa mưa. Sau một tháng tu tập, ngài chứng quả A-la-hán. Sung sướng với niềm giải thoát của mình, ngài phần khởi nói lên bài kệ:

*55. Làm am thát giùm nằm,
Sâu trong rừng An-ja,
Ba minh được chứng đạt,
Làm xong lời Phật dạy.*

(LVI) Kutivihàrim (Thera. 9)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả *Anjana Vaniya*, với sự sai khác như sau: Trong khi phát triển thiền quán, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán. Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: 'Ai ở trong chòi lá này?' Ngài trả lời: 'Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá' và nói lên bài kệ:

*56. Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiền giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.*

Rồi người giữ ruộng nói: 'Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây'.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nghiệp phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là *Kutivihàrim*.

(LVII) *Kutivihàrim* (Thera. 9)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trang phục tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chùa nhỏ, ngài nghĩ: 'Chùa cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chùa khác'. Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới. Một thiên nhân tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ giản dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

57. *Đây ngôi chùa cũ kỹ,*
Ngài muốn ngôi chùa mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chùa,
Chùa mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chùa lá, ngài được gọi là *Kutivihàrim* (vì ở chùa lá).

(LVIII) *Ramaniyakutika* (Thera. 9)

Câu chuyện của ngài giống như câu chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Ngài ở trong một ngôi chùa lá, gần một ngôi làng nhỏ, trong xứ Vaggi. Thực sự là một am thất nhỏ, xinh đẹp với sàn nhà và vách tường khéo làm xung quanh có vườn, ao hồ và có rải cát đẹp, mịn. Với giới hạnh của vị trưởng lão làm tăng thêm sự hấp dẫn của ngôi nhà.

Ngài chứng quả A-la-hán và tiếp tục sống tại đây. Khi nào có người đến viếng tịnh xá, họ có thấy ngôi chùa xinh xắn. Một ngày kia, một vài người đàn bà béo mập đi ngang qua, thấy ngôi chùa xinh đẹp, liền nghĩ người ở chùa lá này có thể là một thanh niên mà họ có thể cám dỗ. Họ đến gần ngài và nói: 'Cái chùa của ngài thật là xinh đẹp, chúng tôi cũng thật xinh đẹp trong tuổi trẻ của chúng tôi'. Và họ bắt đầu khoe khoang áo xiêm đẹp của mình. Nhưng vị Trưởng lão nói lên bài kệ, diễn tả tâm trạng thoát tục của ngài:

58. *Ngôi chùa ta xinh đẹp,*
Do đàn tín cúng dường,
Với tâm ý hoan hỷ,
Với lòng tin dâng cúng.
Ta không cần thiếu nữ,
Này các nữ nhân kia,
Hãy đi đến những ai,
Có cần đến các cô.

Với chữ: 'Không cần', ngài tuyên bố chánh trí của ngài, khi chứng quả A-la-hán.

(LIX) *Kosalavihàrim* (Thera. 9)

Câu chuyện của ngài giống như chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Sau khi làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng, gần một làng trong nước Kosala, gần chỗ ở của một cư sĩ. Người này, thấy ngài ở dưới một gốc cây nên làm một cái chùa và cúng dường cho ngài. Ở đây vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán. Với tâm tư hoan hỷ sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

59. *Do lòng tin, xuất gia,
Ta sống không gia đình,
Trong rừng, một chòi lá,
Được dựng lên cho ta,
Ta sống không phóng dật,
Nhiệt tâm, niêm tĩnh giác.*

Đây là lời tuyên bố chánh trí của ngài và vì ngài ở lâu ngày ở *Kosala*, ngài được biết với tên là *Kosalavihàrim* (vị ở *Kosala*).

(LX) *Sivàli (Thera. 9)*

Ngài sanh ra là con của *Suppavàsà*, công chúa con vua, trong thời đức Phật hiện tại. Khi mẹ ngài không sinh đẻ được và năm chịu đau khổ trong bảy ngày, bà nói với người chồng: 'Trước khi tôi chết tôi sẽ bố thí', và nàng bảo chồng đi mời Thé Tôn đến, nói đến hiện trạng của nàng và dặn chồng ghi nhớ những lời Thé Tôn nói. Người chồng làm theo lời vợ dặn và bậc Đạo Sư nói: 'Mong rằng *Suppavàsa*, con của dòng họ *Koliya* được hạnh phúc! Mong nàng được hạnh phúc, sức khỏe và sanh được đúra con trai khỏe mạnh'. Trước khi người chồng về, *Suppavàsa* đã sanh được đúra con trai và khi nghe chồng kể lại câu chuyện, nàng dặn chồng cúng dường đức Phật và chúng Tăng trong bảy ngày. Vì người con được sanh, đem lại hoan hỷ cho tất cả mọi người, nên được đặt tên là *Sivali*.

Sau khi sanh bảy ngày, ngài có thể làm được bất cứ việc gì. Tôn giả *Sàriputta* đến và khuyên ngài xuất gia, lấy đè tài sự đau khổ khi được sanh làm đè tài tu hành. Khi năm tóc thứ nhất được cắt đứt, ngài chứng Sơ quả. Khi năm tóc thứ hai được cắt đứt, ngài chứng Nhị quả. Như vậy cho đến năm tóc thứ tư và ngài chứng quả A-la-hán. Có chỗ nói cùng ngày ngài đi đến ở một chòi lá, và suy tư đến sự đau khổ phải nhẫn chịu khi thọ sanh. Ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ:

60. *Nay những mục đích ấy,
Với ta, đã thành tựu,
Vì những mục đích ấy,
Ta bước vào ngôi chòi,
Minh, giải thoát, ta đạt.
Mạn tùy miên từ bỏ.*

PHẨM BẨY

(LXI) *Vappa (Thera. 9)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavàthu*, con Bà-la-môn *Vàsetha*. Khi nghe Tu sĩ *Asita* đoán tướng Thái tử *Siddhatta* sẽ thành đạo, *Vappa* cùng bốn người con Bà-la-môn với *Kondannà* (Kiều Trần Như) là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ. Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, *Vappa* với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nán đi về *Isipatana*. Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở *Isipatana*, *Vappa* với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán. Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

*61. Vị đã thấy, thấy được,
Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,
Người không thấy, người thấy.*

(LXII) *Vaggi-Putta (Thera. 10)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là con của *Vaggi*. Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến *Vesàli*. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần *Vesàli*. Một ngày lễ được tổ chức ở *Vesàli* có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yểm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ roi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hon bất hạnh chúng tôi.*

Một Thiên nhân trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: 'Này Tỷ-kheo, dẫu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng'.

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ roi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống áy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ua đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi

ngài nghĩ: 'Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta'. Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

(LXIII) *Pakkha* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành *Devadahi*, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên *Sangmoda*. Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là *Pakkha* (vị què quặt) và giữ lại tên ấy. Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng. Một hôm vào làng khất thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con diều hâu ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con diều hâu khác bay theo dành cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: 'Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ'. Ngài triền khai thiền quán và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

63. *Chúng roi theo, sà xuống,*
Cái đang bị roi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.

(LXIV) *Vimala- Kondanna* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của *Ambapàli* và thân phụ ngài là vua *Bimbisàra*. *Ambapàli* đặt tên con là *Vimala* và sau ngài được biết với tên là *Vimala-Kondanna*. Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

64. *Dưới cờ trắng ta sanh,*
Từ nàng tên một cây,
Với cờ đánh đổ cờ,
Lá cờ lớn hủy diệt.

(LXV) *Ukkhepakàta vaccha* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ) con một Bà-la-môn thuộc dòng họ *Vaccha*. Ngài nghe Thé Tôn thuyết pháp phát tâm xuất gia, sống tại một làng *Kosala*. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp, nhưng ngài không phân biệt được Kinh tang, Luật tang và Luận tang. Tuy vậy ngài học hỏi được từ tôn giả *Sàriputta*, nên có các vị Tỷ-kheo giỏi về Luật tang hay một bộ phận của ba Tạng, ngài học thuộc lòng cả ba Tạng, trước khi ba Tạng được kiết tập. Sau khi thuộc lòng cả ba Tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý. Một hôm, ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây:

65. *Tài sản được chất chúa,*
Trải nhiều tháng nhiều năm,
Do Vaccha tác thành,
Nay Vaccha quăng bỏ,
Ngài thuyết giảng như vậy,
Cho các hàng cư sĩ,

*Khéo ngồi chỗ trịnh trọng,
Tâm hân hoan rộng lớn.*

(LXVI) *Meghiya* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu*, trong gia đình một hoàng tộc Thích-ca, được đặt tên là *Meghiya* (như mây). Lớn lên, ngài xuất gia hầu hạ Thέ Tôn, khi Thέ Tôn ở *Càlikà*, trên bờ sông *Kimikàlà*. Khi thấy một rừng xoài xinh đẹp, ngài muộn sống tại đây, nhưng hai lần Thέ Tôn không chấp nhận, cuối cùng trước lời yêu cầu khẩn khoản, Thέ Tôn cho phép. Nhưng ở đây vì tâm tư bất thiện không ché ngự được, vì bị ruồi muỗi cắn, nên tâm ngài không được định tĩnh và ngài lại về hầu hạ Thέ Tôn.

Thέ Tôn dạy:

Này *Meghiya*, khi tâm chưa chín muồi để giải thoát, năm pháp đưa đến tâm trạng ấy và bậc Đạo Sư giáo giới cho ngài. Nhờ đấy *Meghiya* chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình trong bài kệ này:

*66. Bậc Đại hùng giảng dạy,
Vượt qua tất cả pháp,
Ta nghe pháp Ngài dạy,
Sóng hoan hỷ cạnh Ngài,
Ba minh đã chứng đạt,
Lời Phật dạy làm xong.*

(LXVII) *Ekadhamma Savanniya* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Sitavyà*, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thέ Tôn đến thăm *Sitavyà*, và ở tại rừng *Singsapa*, ngài đến nghe Thέ Tôn giảng, đánh lối ngồi xuống một bên, Thέ Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ:

'Các hành là vô thường'.

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ đau khổ, nghĩa chữ vô ngã, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Vì ngài chỉ nghe một pháp và chỉ nghe một mình mà chứng được thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savaniya* (vị được nghe một pháp), ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

(LXVIII) *Ekudàniya* (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng *Jeta* (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi. Khi ấy Thέ Tôn thấy *Sàriputta* đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này:

'Tâm tăng thượng ân sĩ'.

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddāniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với thiền quán triền khai, ngài chứng quả A-la-hán sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn già *Sàriputta* mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

*68. Tâm tăng thương ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(LXIX) *Channa (Thera. 10)*

Khi Thế Tôn còn sống trong gia đình vua *Suddhodana* (Tịnh Phạn), ngài xuất thân từ con một người nô lệ và được đặt tên là *Channa*. Sống đồng thời với đức Phật, ngài khởi lòng tin đức Thế Tôn, khi bậc Đạo Sư về thăm lại gia đình, rồi ngài xuất gia. Vì lòng thương mến Thế Tôn, vì tự phụ tự đắc đối với 'đức Phật của chúng ta, giáo pháp của chúng ta' ngài không thể chinh phục khuyết điểm này và không làm tròn bổn phận của một người Sa-di, khi Thế Tôn mệnh chung, theo lời dặn của Thế Tôn cần phải phạt nặng *Channa*, ngài xấu hổ, ché ngự được khuyết điểm này, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài nói lên sự sung sướng của mình trong bài kệ như sau:

*69. Sau khi nghe Chánh pháp,
Vị ngọt lớn pháp lớn,
Do nhất thiết thắng trí,
Thuyết giảng và trình bày,
Ta dần thân trên đường,
Đường đưa đến bất tử,
Ngài thật bậc thiện xảo,
Con đường diệt khổ ách.*

(LXX) *Punna (Thera. 11)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước *Sunāparanta*, tại hải cảng *Suppāraka*, trong nhà một thị dân tên *Punna* (Phú-lâu-na). Đến tuổi trưởng thành, ngài đi với một đoàn thương gia đến *Sāvatthi*, khi bậc Đạo Sư cũng ở đây. Ngài đi nghe Thế Tôn thuyết pháp tại ngôi tinh xá cùng với các cư sĩ địa phương, ngài khởi lòng tin rồi xuất gia. Và trong một thời gian, ngài rất được quý mến giữa các vị giáo thọ sư, bởi ngài tài giỏi về biện luận. Một ngày kia, ngài đến bậc Đạo Sư, nhờ bậc Đạo Sư giảng dạy để có thể đi *Sunāparanta* giảng dạy và an trú tại đây. Đức Phật rồng tiếng rồng con sư tử bảo ngài: 'Này *Punna*, có những pháp do con mắt nhận thức....' Rồi *Punna* ra đi, tu tập thiền định trí tuệ, chứng được Ba minh. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài giáo hóa được nhiều người theo đạo, hơn năm trăm nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

Khi ngài sắp mệnh chung. Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

70. Ở đây chỉ có giới,

*Là pháp thật tối thượng,
Nhưng vị nào có tuệ,
Vị ấy là vô thượng,
Vị đủ giỏi và tuệ,
Chiến thắng giới Nhân, Thiên.*

PHẨM TÁM

(LXXI) Vacchapàla (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên là Vacchapàla, ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisāra với đức Phật. Sự hàng phục của Uruvela Kassapa trước Thê Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia, chỉ trong một tuần, ngài triển khai thiền quán và chứng sáu thắng trí.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

71. Nếu thấy được sự thật,
Thật vi diệu, vi té,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sóng rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,
Chứng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(LXXII) Atuma (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là Atuma. Khi ngài lớn lên, mẹ ngài tìm cho ngài một người vợ và hối ý kién bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình. Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, mẹ ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Ván đê đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.

Khi ngài đang đứng nói chuyện với mẹ ngài, ngài triển khai thiền quán, từ bỏ các cầu uế, trở thành vị A-la-hán.

(LXXIII) Mànava (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng. Trong bảy năm, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường; khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người già, một người bệnh, một người chết. Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

73. *Ta thấy một người già,
Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chét,
Với tuổi tho kiệt quệ,
Do vậy ta thoát ra,
Sóng đời sống xuất gia,
Từ bỏ mọi dục vọng,
Hấp dẫn và thích ý.*

(LXXIV) *Suyàman (Thera. 11)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàli*, con của một Bà-la-môn. Ngài lớn lên, thiện xảo ba tập Vệ-đà, không ưa thích đời sống gia đình, vui thích thiền định. Ngài gặp Thế Tôn ở *Sàli*, khởi lòng tin xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi đầu được cạo tóc.

Rồi ngài nói lên sự từ bỏ các triền cái và chánh trí của mình, với bài kệ như sau:

74. *Với dục tham, sân hận,
Với thụy miên hôn trầm,
Với trạo hối, nghi ngờ,
Vị Tỷ-kheo hoàn toàn,
Không còn nǎm triền cái,
Nǎm triền cái đoạn tận.*

(LXXV) *Susàrada (Thera. 11)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả *Sàriputta* và được gọi là *Susàrada* (vì ngài lớn lên chậm chạp). Ngài được Tôn giả *Sàriputta* giáo hóa và không bao lâu, trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

75. *Lành thay là tri kiến,
Của bậc có luyện tập,
Nghi hoặc được cắt đứt,
Trí giác được tăng trưởng.
Cho đến kẻ ngu si,
Được đổi thành người trí,
Do vậy thật tốt đẹp,
Sóng giao thiệp người lành.*

(LXXVI) *Piyanjaha (Thera. 11)*

Ngài được sanh ở *Vesàli* trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái *Licchavì*. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha* (vì từ bỏ những gì thân ái). Nhưng khi đức Phật đến *Vesàli*, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

76. *Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,*

*Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

(LXXVII) Hattharoha- Putta (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi. Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: 'Ché ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là ché ngự ta'. Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật. Như một người nài ché ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đê tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta ché ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc ché ngự,
Nhiếp phục con voi rùng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

(LXXVIII) Mendasira (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê). Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, *Mendasira* khởi lên lòng tin, xuất gia tu chỉ và quán, chứng được sáu thăng trí, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

*78. Ta luôn hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.
Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.*

(LXXIX) Rakkhita (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*, ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và *Koliya*. Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với câu chuyện tiền thân *Kunala*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đê tài thiền quán, ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

*79. Mọi tham ta đã đoạn,
Mọi sân được nhổ lên,*

*Mọi si được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tĩnh.*

(LXXX) Uggā (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kosala*, tại thành phố *Uggā*, con một gia đình nghị sĩ, được đặt tên là *Uggā*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khi đức Thế Tôn đến thành này, khởi lòng tin xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chặt đứt sợi dây chuyền tái sanh và nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

*80. Mọi nghiệp ta đã làm,
Đầu ít hay là nhiều,
Tất cả được đoạn trừ,
Nay không còn tái sanh.*

PHẨM CHÍN

(LXXXI) *Samitigutta* (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là *Samitigutta* (hộ trì nhở hòa khí). Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được giới thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị bệnh hủi, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả *Sàriputta* đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy *Samitigutta*, Tôn giả cho một đè tài để thiền quán, nói rằng: 'Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ'. Nói xong, Tôn giả *Sàriputta* tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân *Samitigutta* được phán khởi với bài dạy ấy, triển khai thiền quán và chứng được sáu thắng trí. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi. Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp áy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

(LXXXII) *Kassapa* (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (*Udicca-hahmanacs*) và được đặt tên là *Kassapa*. Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở *Jetavana*, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuận thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tự tú xong, bắt đầu bộ hành, *Kassapa* muốn được đi theo Thέ Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khất thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khién cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.*

Ngài suy nghĩ 'Mẹ ta muốn ta đến đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền'.

Rồi ngài cố gắng triển khai thiền quán, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

(LXXXIII) *Sīha* (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ *Malla*, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sīha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, dảnh lẽ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đê tài vào trong rừng để thiền quán. Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

(LXXXIV) *Nita (Thera. 13)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Sàvatthi*, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*. Khi lớn lên, ngài nghĩ: 'Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ'. Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài. Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

84. *Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

(LXXXV) *Sunàga (Thera. 13)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng *Nàlaka*, con một Bà-la-môn và bạn của *Sàriputta* trước khi *Sàriputta* xuất gia. Nghe Tôn giả *Sàriputta* thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiện, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.*

(LXXXVI) *Nàgita (Thera. 13)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu*, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là *Nàgita*. Khi bậc Đạo Sư đến tại chỗ của ngài, Thέ Tôn thuyết kinh Mật Hoàn, ngài khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi hân hoan với sự thật trong lời dạy của đức Phật, và sự chỉ đạo có hiệu quả của Chánh pháp, ngài nói lên bài kệ này:

86. Ngoài đây có ngoại đạo,
Họ dạy những con đường,
Không như con đường này,
Đưa đến quả Niết-bàn,
Thật khác, đức Thé Tôn,
Giáo giới hàng Tăng chúng,
Đạo Sư chỉ Niết-bàn,
Như thấy trên bàn tay.

(LXXXVII) Pavittha (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ *Magadha*, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiêng về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ. Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe *Upatissa* và *Kolita* (*Sàriputta* và *Moggallana*) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.

(LXXXVIII) Ajjuna (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong gia đình một nghị sĩ, được đặt tên là *Ajjuna*. Khi lớn lên, ngài liên hệ với phái Ni-kiền-tử, xuất gia trong tôn phái này khi còn trẻ, nghĩ rằng sẽ tìm được đạo giải thoát. Nhưng ngài không tìm được gì trong giáo hội ấy, ngài gặp bậc Đạo Sư, khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Hân hoan trong quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ này:

88. Ta có thể tự mình,
Kéo nước từ đất liền,
Như nước lớn cuốn trôi,
Ta thể nhập sự thật.

(LXXXIX) Devasabha (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi vua khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ, và nói lên bài kệ này:

89. Vượt khỏi các bùn nhơ,
Từ vực thẳm trở về,
Thoát bọc lưu trói buộc,
Mọi kiêu mạn tiêu trừ.

(XC) Sàmidatta (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Sàmidatta*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ

để nghe bậc Thê Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Nhưng vì thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?' Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

PHẨM MUỐI

(XCII) Paripunnaka (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu* trong gia đình dòng họ Thích-ca. Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn. Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn), ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: 'Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hướng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?'. Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy đê tài tu tập về thân từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

91. *Dầu có hướng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay;
Đây là Pháp vi diệu,
Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

(XCII) Vijaya (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Vijaya*. Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ân sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định, ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

92. *Với ai, lâu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xúi, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dầu chân thật khó tìm.*

(XCIII) Eraka (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, con của một người có địa vị, được đặt tên là *Eraka*. Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu.

Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là đời sống cuối cùng nên ngài sanh dao động và tim kiém đến gặp bậc Đạo Sư. Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đê tài để tu hành, nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh, đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài rất hối hận sở hành của mình khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,
Khô thay là các dục!*

*Hỡi này É-ra-ka,
Không lạc là các dục!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này É-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.*

(XCIV) Mettajì (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở nước *Magadha* (Ma-kiệt-đà), con một vị Bà-la-môn và được đặt tên là *Mettajì*. Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của dục và sống ở trong rừng làm một vị ẩn sĩ. Khi nghe sứ mệnh đức Phật và do thiện duyên thúc đẩy, ngài đến gặp đức Phật và hỏi về sự tu hành tân thối của Ngài, câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin xuất gia, và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo Sư:

*94. Đánh lẽ đức Thê Tôn,
Thích tử bậc điềm lành,
Quả chúng này đạt được,
Là quả vị thượng thủ,
Pháp Ngài khéo thuyết giảng,
Là Chánh pháp tối thượng.*

(XCV) Cakkupàla (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, con của người điền chủ tên *Mahàsuvanna*, được đặt tên là *Pàla*, ngài cũng được gọi là *Pàla* anh, vì em ngài được gọi là *Pàla* em, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình. Khi bậc Đạo Sư đên tinh xá Kỳ Viên, *Pàla* anh giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỳ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: 'Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt'. Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo phát triển thiền quán, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỳ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỳ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến *Sàvatthi* (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: 'Tôi yêu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với *Pàla* em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ'. Cuối cùng, các Tỳ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỳ-kheo làm theo lời dặn của ngài và *Pàla* em bảo người cháu tên là *Pàlika* đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỳ-kheo làm lễ xuất gia cho *Pàlika*, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. *Pàlika* đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến *Sàvatthi*. Giữa đường, *Pàlika* nghe một phụ nữ hát và đến tinh tú với người ấy. Ngài biết được nên đuổi *Pàlika* đi, một mình đi đến *Sàvatthi*. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của *Sakka* (Đế Thích) nóng và *Sakka* hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, *Pàla* em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi *Pàlika* đi.

95. Dầu ta có bị mù,
Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Đến thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.

(XCVI) *Khandasumana* (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của vua *Malla*, ngài được đặt tên là *Khandasumana* (Bông lài), vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa, ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của *Cunda* ở *Ràvà*, xuất gia và chứng được sáu thăng trí. Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức Phật *Kassapa*, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tấm ức năm,
Sóng trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tĩnh.

(XCVII) *Tissa* (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố *Roguva* trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của vua cha. Như một đồng minh với vua *Bimbisāra*, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài đời sống của đức Phật vẽ trên tấm tranh và lý duyên khởi được khắc trên một đĩa bằng vàng. Khi ngài thấy vật này, vì lời phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên đời sống cuối cùng, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: 'Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các dục đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?' Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử *Pukkusati*, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến *Rajagaha* (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang *Sabhasondika* và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán. Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đánh.

(XCVIII) *Abhaya* (2) (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khất thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: 'Thấy một sắc

pháp, tâm ta sanh cău uế, ta đã phạm lỗi làm'. Từ bỏ tâm tư ấy, ngài phát triển thiền quán và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mắt chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

(XCIX) *Uttiya (Thera. 14)*

Ngài tái sanh ở *Kapilavatthu*, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là *Uttiya*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiền định của ngài bị thối thất và lòng dục khởi lên. Chế ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhảm chán các dục trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mắt chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến niềm luân hồi.*

(C) *Devasabha (II) (Thera. 14)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là *Devasabha*. Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ *Koliya*, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phân khởi của ngài với bài kệ như sau:

100. *Thành tựu chánh tính tấn,
Sở hành trên niêm xứ,
Tràn đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.*

PHẨM MUỜI MỘT

(CI) *Belatthakāni* (Thera. 15)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở *Sàvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakāni*. Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập chỉ quán trong một khu rừng ở *Kosala*. Nhưng ngài rất biếng nhác và hay nói lời thô ngữ, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh đê tu tập, Thέ Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Ké nhác lại liên tục,
Di đến chỗ thai tặng.*

Như thấy đức Bốn Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

(CII) *Setuccha* (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị Của địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi vua. Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thέ Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Cân nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

(CIII) *Bandhura* (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Silavati*, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*. Một hôm, đi đến *Sàvatthi* có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thέ Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến *Silavati* để thuyết pháp, giảng cho vị vua về Bốn sự thật. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là *Sudassana*, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khất thực như lúc trước và ngài muốn đi đến *Sàvatthi*. Các Tỷ-kheo nói với ngài: 'Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!'. Ngài trả lời: 'Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với vị của Chánh pháp'. Và ngài nói lên bài kệ:

*103. Ta không có cần thiết,
Việc này hay vật này,
Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,*

*Tối thượng và đệ nhất,
Ta sẽ không thân thiết,
Với thuốc độc nọc độc.*

(CIV) *Khitaka (Thera. 15)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: 'Ta rồi cũng sẽ như vậy'. Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tịnh tu tập chỉ và quán, không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Hiền giả *Khitaka*, có phải Hiền giả dùng thần thông?', ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thoi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

(CV) *Malyavambha (Thera. 15)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố *Kurukaccha*. Ngài được Trưởng lão *Bacchabhu* cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khất thực khó kiềm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiêm, còn đồ ăn khất thực dễ kiềm thời ngài bỏ đi. Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, phát triển thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

(CVI) *Suhemanta (Thera. 15)*

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nơi biên địa, con một Bà-la-môn giàu có, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, tại vườn Lộc Uyển ở thành phố *Sankassa*, Ngài xuất gia và trở thành người tung đoc ba Tạng, cuối cùng chứng được sáu thắng trí. Ngài suy nghĩ: 'Ta đã được những gì một người đệ tử có thể chứng. Vậy ta hãy phục vụ cho giáo hội'. Rồi ngài thuyết giảng cho các Tỷ-kheo và giải quyết các vấn đề khó khăn của các vị ấy. Một hôm, ngài nói với đại chúng và các người có trí như sau:

*106. Tại chỗ nào mục đích,
Trăm tánh, tướng ẩn chúa,
Kẻ ngu thấy một phần,
Kẻ trí thấy trăm phần.*

Như vậy, vị Trưởng lão nói lên trước các Tỷ-kheo về trí tuệ, phân tích biệt tài của ngài.

(CVII) Dhammasava (Thera. 15)

Sanh tại xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình Bà-la-môn, bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi, ngài chọn đời sống xuất gia, bỏ đời sống thế tục. Tìm gặp bậc Đạo Sư ở núi Nam Sơn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xin xuất gia, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Hoan hỷ với quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

107. Cân nhắc, suy tư xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

(CVIII) Phụ Thân Của Dhammasava (Thera. 15)

Ngài theo gương người con, nói rằng: 'Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?' Rồi ngài tìm gặp Thé Tôn xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ:

108. Với tuổi trăm hai mươi,
Ta xuất gia không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

(CIX) Langha Rakkhita (Thera. 16)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đè tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng. Không xa chỗ ngài ở, có con nai mẹ nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: 'Thật vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!'. Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

109. Dầu có sóng cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bổn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

(CX) Usabha (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên). Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng

dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cổ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đài những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên nghĩ rằng: 'Các cây và các cây lau này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tính tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?' Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với tinh tấn nghị lực, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thâm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,
Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

PHẦM MƯỜI HAI

(CXI) Jenta (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước *Magadha* (Ma-kiệt-đà), tại làng *Jenta*, con một vua địa phương. Khi đang còn trẻ, vì nghiệp duyên thúc đẩy, ngài muốn xuất gia, suy tư đến đời sống thoát tục. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, rồi xuất gia. Tinh cần tu tập, hân hoan trong thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Suy tư đến quả chứng của mình, nhớ đến những phân vân phải gấp lúc trước, ngài phán khởi nói lên bài kệ:

111. *Khó thay, đời xuất gia,*
Khó thay, đời cư sĩ,
Sâu kín thay, Chánh pháp,
Khó kiểm thay, tài sản,
Lựa chọn thật khó khăn,
Nép sống này, sống khác,
Khi tâm trí, luôn luôn,
Nghĩ đến lẽ vô thường.

(CXII) Vacchagotta (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Vì có đền bồn vị Trưởng lão tên *Vaccha*, ngài được gọi là *Vacchagotta*. Khi đến tuổi trưởng thành, giỏi về Bà-la-môn giáo điển, ngài cảm thấy không thỏa mãn, vì không tìm thấy lõi cây trong sự học hỏi ấy, sau ngài trở thành một du sĩ. Nhờ vậy, ngài gặp bậc Đạo Sĩ, bằng lòng với những câu trả lời, ngài xuất gia, và sau một thời gian, chứng được sáu thắng trí, hân hoan với quả chứng và nếp sống của mình, ngài nói lên bài kệ:

112. *Ta chứng được Ba minh,*
Đạt được đại thiền định,
Tâm chỉ được thiện xảo,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.

(CXIII) Vanavaccha (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có ở *Rājagaha* (Vương Xá), được đặt tên là *Vanavaccha*. Ngài khởi lòng tin khi bậc Đạo Sư hội kiến với vua *Bimbisāra* (Bình-sa). Sau ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài sống trong rừng, thiền tu hạnh viễn ly, do vậy được gọi là *Vanavaccha*. Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đi đến *Rājagaha*, sống trong một chỗ ở nhỏ, và nói với họ nếp sống của mình. Các bà con yêu cầu ngài dùng bài kệ này nói lên ngài ưa thích sống ở rừng núi và hành trì hạnh viễn ly:

113. *Dưới tảng đá, băng đá*
Có nước suối, trong chảy,
Có khỉ và có nai,
Lai vắng sống gần bên,
Có cây bao trùm nước,
Núi rừng ấy, ta ưa.

Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.

(XIV) *Adhimutta* (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở *Sàvatthi*, tên là *Adhimutta*. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản. Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tịnh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

*114. Trong nếp sống tâm tư,
Hướng về hạnh từ bỏ,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nè như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?*

(CXV) *Mahànàma* (Thera. 16)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Sàvatthi* trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Mahànàma*, ngài được nghe Thê Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đè tài làm thiền quán, ngài sống trên một ngọn đồi tên là *Nesàdka*. Không thể chậm đứng được các dục tưởng khởi lên, ngài tuyên bố: 'Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy'. Tự nhảm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: 'Ta sẽ giết nó!' với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chám dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rập rạp với cổ cây,
Che kín trùm tất cả.*

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVI) *Pàràpariya* (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Ràjagaha* (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ *Pàràpara*, ngài được gọi là *Pàràpariya* và dạy các bùa chú. Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bôn Sư ở *Pàràjagaha*, xin xuất gia và chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phán khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

*116. Từ bỏ sáu xúc xú,
Căn mòn khéo chế ngự,
Gốc tà ác, nhổ sạch,*

Ta đạt lậu hoặc tận.

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVII) Yasa (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có ở *Benares* (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế, và có ba lâu đài hợp với ba mùa. Một đêm, do nhân duyên quá khứ thúc đẩy ngài thấy cảnh bất tịnh của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng, từ bỏ thành, nhà và được chư Thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến *Isipatana* (Chư Thiên đọa xứ), vừa đi vừa than 'Ôi sâu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!'. Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở *Isipatana*, thấy Yasa như vậy liền gọi: 'Hãy đến đây, này Yasa! Ở đây, không có sâu khổ, không có nguy hiểm!'. Nghe vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên, ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. Bậc Đạo Sư thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về Bốn sự thật, khi giảng xong. Ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa đến kiêm ngài, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo', khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngắn lại bằng hai ngón tay và có được đầy đủ tám vật cần dùng. Suy tư đến quả chứng và nếp sống của mình, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: 'Hãy đến đây, Tỷ-kheo' và nói lên bài kệ:

*117. Khéo thoa xirc, khéo mặc,
Dùng mọi loại thời trang,
Ta chứng được Ba minh
Lời Phật dạy làm xong.*

(CXVIII) Kimliba (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu* (Ca-tỳ-la-vê), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là *Kimliba*, ngài hưởng được tài sản rất nhiều. Bậc Đạo Sư thấy được thiền quán của ngài chín muồi khi ngài ở *Anupiya*, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già. *Kimliba* thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yếm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chờ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhẫn mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

(CXIX) Vajji-Putta (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua *Licchavî* ở *Vesâli*, và được gọi là con của *Vajji*, vì phụ thân thuộc về dòng họ này. Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên

chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng sáu thắng trí.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia. Một hôm ngài thấy Tôn giả *Ananda* đang thuyết pháp cho một số đông người, để khích lệ Tôn giả *Ananda* chứng quả cao hơn, ngài nói lên bài kệ này:

119. *Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rẽ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,
Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lảng xăng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

(CXX) *Isidatta (Thera. 17)*

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong xứ *Avanti*, tại vườn *Velugàma*, làm con một người lữ hành trưởng, ngài trở thành bạn của *Citta*, một gia chủ ở *Macchikasanda*, bằng cách giao thiệp thư từ đầu cho hai người chưa gặp nhau. *Citta* viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức giáo hội, ngài cảm thấy xúc động mạnh và xin xuất gia, với sự chỉ đạo của *Mahà Kaccàna* (Đại Ca-chiên-diên). Cuối cùng ngài chứng được sáu thắng trí, ngài quyết định đi đến yết kiến đức Phật, từ biệt Trưởng lão, và đi đến xứ Trung biên (thung lũng sông Hằng) yết kiến đức Bổn sư. Bậc Đạo Sư hỏi ngài về sự tiến bộ trên đường tu hành, ngài trả lời: 'Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sầu khổ đều chấm dứt, và con sống không có sợ hãi'. Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

120. *Năm uẩn được rõ biết,
Đóng với rẽ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Lại hoặc diệt, ta chứng.*

**CHƯƠNG II - HAI KỆ
PHẨM MỘT**

(CXXI) Utara (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là *Uttara*. Ngài thông suốt giáo điền Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh. *Vassakāra*, một vị bộ trưởng có danh ở *Magadha* (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiền về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài *Sāriputta* (Xá-loi-phật) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả *Sāriputta*.

Một hôm, Tôn giả *Sāriputta* bị bệnh, *Uttara* đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền bắt ngài đưa đến Bà-la-môn *Vassakāra* để trừng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy thiền quán của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: 'Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư'. Rồi Thέ Tôn thuyết pháp cho ngài, *Uttara* vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phân khơi, nhờ thiền quán chín muồi, nhờ uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nỗi, chứng sáu thắng trí. Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn khi được các Tỳ-kheo khác hỏi: 'Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?'. Ngài trả lời 'Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả'.

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,
Không có các hành gì,
Lại thường hàng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. Biết được nguy hiểm này,
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lâu hoặc tận.

(CXXII) Pindola-Bhàradvàja (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua *Udena* xứ *Kosambi*, được đặt tên là *Bhàradvàja*. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các bài chú, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm. Từ giã họ, ngài đi đến *Rājagaha* (Vương Xá), thấy chúng Tỳ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được sáu thắng trí.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bồ-tát rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỳ-kheo nào

nghĩ ngòi đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rống tiếng rống con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: 'Trong các đệ tử của Ta rống tiếng rống con sư tử, *Pindola Bhàradvàja* là đệ nhất'.

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiết. Vì Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

*123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm
Do có các món ăn,,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bộ hành,
Tim kiếm các món ăn.*

*124. Bậc trí kinh nghiệm rằng:
Thật sự là đám bùn,
Đánh lê và cúng dường,
Xuất phát tự gia đình,
Như mũi tên té nhị,
Rất khó nhổ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.*

(CXXIII) *Valliya (Thera. 18)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là *Valliya*. Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thé Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ Thánh đạo, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,
Ngươi đâu còn có thể,
Di xa như trước được.*

(CXXIV) *Gangàtiriya (Thera. 18)*

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Sàvatthi* làm con một thị dân, được đặt tên là *Datta*. Trong đời sống thế tục, vì ngu si ngài phạm lỗi làm, biết được lỗi làm của mình, ngài sanh sâu khổ và xuất gia. Hối hận vì hành vi của mình, ngài chọn đời sống khô hạnh, ở trên bờ sông Hằng, làm một chòi lá đê ở; do

vậy, ngài được gọi là *Gangatiriya* (người ở trên bờ sông Hằng). Ngài nguyện không nói với một ai, như vậy cả năm, ngài không thốt ra một lời nào. Trong năm thứ hai, một nữ nhân trong làng thường cúng dường ngài, muốn biết ngài có câm hay không khi dâng sữa cúng dường, làm đổ sữa ra ngoài. Ngài mới nói: 'Thôi vừa rồi, bà chị'. Nhưng đến năm thứ ba, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài ngang qua lời bài kệ, tán thán hạnh cũ của ngài:

127. *Trên bờ sông Hằng Hà,
Dùng ba lá thốt nốt,
Ta dựng lên cho ta
Một chồi lá nho nhỏ,
Bát ta là cái ghè,
Dùng cúng sữa người chết.
Còn y áo của ta
Lượm chắp từ đống rác.*

128. *Suốt hai năm sống vậy.
Ta chỉ nói một chữ,
Trong khoảng năm thứ ba,
Khối si ám tan tành.*

(CXXV) *Ajina (Thera. 18)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong gia đình một Bà-la-môn nghèo, và khi sanh ngài được đặt trong một tấm da dê rừng, do vậy được đặt tên là *Ajina*. Sống trong sự bần cùng, ngài chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tịnh xá Kỳ Viên được dâng cúng. Khởi lòng tin, ngài xuất gia và không bao lâu, chứng được pháp Thượng nhân, khi chứng được quả A-la-hán, vì nghiệp duyên quá khứ, ngài không được cung kính và biết đến. Một số Sa-di không biết khinh thường ngài, ngài làm họ dao động với bài kệ:

129. *Nếu chúng được Ba minh,
Doan tử, không lậu hoặc,
Vị ấy vẫn có thể,
Không được người biết đến,
Và kẻ ngu không biết,
Có thể sanh khinh thường.*

130. *Khi người áy nhện được
Đô ăn uống cúng dường,
Dẫu cho có ác pháp,
Vẫn được họ kính trọng.*

(CXXVI) *Melajina (Thera. 19)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Benares* (Ba-la-nại), trong gia đình một hoàng tộc, tên là *Melajina*, học giỏi và hạnh đức có tiếng khắp trong nước. Khi Thế Tôn ở Ba-la-nại, tại *Isipatana* (chư Tiên đọa xứ), *Melajina* đến nghe Ngài thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi các Tỷ-kheo hỏi làm sao ngài chứng được pháp Thượng nhân, ngài rỗng lên tiếng rỗng con sú tử:

131. *Khi ta nghe Chánh pháp,
Bậc Đạo Sư thuyết giảng,*

*Ta thắng tri nghi hoắc,
Bậc toàn trí, toàn thắng.*

132. *Đối vị trưởng lữ đoàn,
Với vị đại anh hùng,
Trong các bậc đánh xe
Bậc tối thắng vô thượng,
Đối con đường, lộ trình
Ta không có nghi hoắc.*

(CXXVII) Ràdha (Thera. 19)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Trong khi ngài lớn tuổi, ngài không làm được bốn phận của ngài. Không được chấp nhận, ngài đi đến Thê Tôn, nói lên những ước muôn của ngài. Bậc Đạo Sư thấy được những điều kiện căn bản được đầy đủ, nên bảo *Sàriputta* chấp nhận ngài xuất gia. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó, ngài sống gần bên bậc Đạo Sư, trở thành một vị thuyết giảng đột xuất nhờ những lời thuyết giảng của bậc Đạo Sư. Một hôm, thấy rõ vì sao không khéo tự huân luyện chế ngự khiên các dục vọng có thể sanh khởi, ngài nói lên bài kệ để khích lệ giáo giới:

133. *Như mái nhà vụng lợp,
Mưa dễ thấm ướt vào,
Cũng vậy, tâm vụng tu
Tham ái được xâm nhập.*

134. *Như mái nhà khéo lợp
Mưa không thể thấm vào,
Cũng vậy, tâm khéo tu
Tham ái không xâm nhập.*

(CXXVIII) Suràdha (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị *Ràdha*, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán. Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

135. *Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới danh được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhổ lên.*

136. *Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích áy đã đạt được,
Mọi kiết sử, diệt xong.*

(CXXIX) Gotama (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Gotama*. Khi còn trẻ, ngài giao du với kẻ không tốt, bao nhiêu tài sản ngài cho một kỵ nữ. Hồi

hận nếp sống bát chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo Sư đang ngồi, với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo Sư biết được tiến bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu, nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi con dao dụng đến tóc ngài, khi ngài đang thọ hưởng lạc thiền định và quả giải thoát. Một cư sĩ hỏi ngài về tài sản của ngài, ngài thú nhận ngài sống không được nghiêm túc, sống phi Phạm hạnh, và với sự trong sạch hiện tại không có dục vọng, ngài nói lên chánh trí của ngài:

137. *Bậc ẩn sĩ nằm ngủ,
Sóng an lạc hạnh phúc,
Họ không bị nữ nhân,
Trói buộc và chi phối.
Nữ nhân, phải luôn luôn
Phòng hộ và ché ngự.
Sự thật về nữ nhân,
Thật khó được chấp nhận.*

138. *Hồi này các dục vọng,
Ta quyết giết các người,
Nay chúng ta đối người,
Không còn gì nợ nần,
Chúng ta nay đi đến
Cánh giới gọi Niết bàn,
Di đến tại chỗ ấy
Không còn có sâu muộn.*

(CXXX) *Vasabha (Thera. 19)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Vesāli*, con vị vua địa phương *Licchavi*. Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm *Vesāli*, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dâng cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiểu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ *Sakka* (Đế thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão *Vasabha* hỏi: 'Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?'. Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,
Họ khéo giết tự ngã,
Như chim mồi, mồi chim.*

140. *Không phải Bà-la-môn,
Với dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Với ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujā.*

PHẨM HAI

(CXXXI) Mahàcunsa (Thera. 20)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước *Magadha* (Ma-kiết-đà), làng *Nàlaka*, con của nữ Bà-la-môn *Rùpusàri* và em trai của *Sàriputta*. Ngài theo gương anh, xuất gia, và sau một thời gian tinh cần tu hành, chứng được quả A-la-hán. Phấn khởi với quả chứng của mình và đời sống viễn ly, ngài nói lên bài kệ:

*141. Khéo nghe, nghe tăng trưởng,
Nghe tăng trưởng, phát tuệ,
Nhờ tuệ biết ý nghĩa,
Nghĩa được biết, lạc đến.*

*142. Hãy trú chỗ xa vắng,
Hãy sống, thoát kiết súc,
Tại đây, hỷ chưa đạt,
Hãy sống giữa chúng Tăng,
Tự ngã được ché ngự,
An trú trong chánh niệm.*

(CXXXII) Jotidàra (Thera. 20)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có, ở xứ *Pàdiyattha*, được đặt tên là *Jotidàsa*. Khi đến tuổi trưởng thành, một hôm, ngài thấy Tôn giả Đại Ca-diếp (*Mahà Kassapa*) đi khất thực, ngài đón Tôn giả tại nhà và nghe Tôn giả thuyết pháp. Trên một ngọn đồi gần làng, ngài dựng lên một tịnh xá lớn cho Tôn giả, cung đường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết. Bị xúc động với lời dạy của Tôn giả, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được sáu thั̄ng trí. Sau mười năm, ngài học ba Tạng, đặc biệt là Luật tạng, hầu hạ Tăng chúng và đi *Sàvatthi* cùng với một số đông Tỷ-kheo để yết kiến đức Phật. Trên đường đi, ngài đi đến vườn của một ân sĩ, thấy một Bà-la-môn hành trì khổ hạnh năm pháp ngài hỏi: 'Này Bà-la-môn, sao Ông không đốt với một thứ lửa khác?'. Vì Bà-la-môn tức giận trả lời: 'Này kẻ trộc đầu kia, ngọn lửa khác là gì?'. Trưởng lão trả lời:

*Sân, tật đố, ác hạnh
Mạn, kiêu và tranh chấp,
Tham ái và vô minh,
Lòng ưa muốn tái sanh,
Những pháp này đốt cháy,
Thiêu đốt cả thân ông.*

Rồi ngài thuyết pháp cho người ấy, và tất cả những người tin vào Phạm thiên xin ngài được xuất gia. Khi từ giã *Sàvatthi*, ngài đến thăm gia đình cũ của ngài và giáo giới các bà con như sau:

*143. Những ai dùng dây thừng,
Hành cướp giật nhiều cách,
Những dân họ hung bạo,
Làm náo loạn người khác,
Như vậy, họ gieo hại,
Vì nghiệp không tiêu mệt.*

144. Người nào làm nghiệp gì,
Nghiệp thiện hay nghiệp ác,
Họ thà tự nghiệp ấy,
Loại nghiệp họ đang làm.

(CXXXIII) Herannakāni (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua Kosala và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy. Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài tìm cách khuyên em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.

146. Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,
Khi ác nghiệp chín muồi.

Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

(CXXXIV) Somamitta (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tai, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần gần vị Trưởng lão, làm trọn bổn phận của mình. Nhưng vị Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: 'Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?'. Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.

148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, phát triển thiền quán, tự minh tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

(CXXXV) Sabbamitta (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Sàvatthi*, được đặt tên là *Sabbamitta*. Chúng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đê tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng. Sau mùa mưa, ngài đi đến *Sàvatthi* để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con nai mẹ tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lẩn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: 'Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!'. Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lây rrom cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sâu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

*149. Người trói buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

*150. Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài đạt đến thiền quán, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

(CXXXVI) *Mahàkàla* (Thera. 21)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Setavyà*, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahàkàla*. Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở *Sàvatthi*. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá *Jetavana* (Kỳ Viên) và ngài đi theo. Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn nghĩa địa làm đê tài thiền quán, ngài sống ở trong nghĩa địa. Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đê tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sùra, sắp đặt tay chân đặt chúng gân bắc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên. Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

*151. Nữ Kàli, đây đà,
Dung sắc như quả đen,
Bé gãy một bắp vế,
Lại bé bắp vế nữa,
Bé gãy một cánh tay,
Lại bé cánh tay nữa,
Lại bé gãy cái đầu,
Như bát đựng sùra đông.
Này Kàli ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.*

*152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,*

*Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.*

(CXXXVII) *Tissa (Thera. 21)*

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là *Tissa* và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng bùa chú cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang. Khi Thế Tôn đến *Rājagaha* (Vương Xá), *Tissa* thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do phát triển thiền quán. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

*153. Vì trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán
Khi nhận đồ ăn uống,
Vái mặc và chõ nằm.*

*154. Biết nguy hiểm như vậy,
Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhân ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

(CXXXVIII) *Kimbila (Thera. 21)*

Ngài gặp đức Phật, xúc động, xuất gia đã được nói trong chương một, với câu kệ : 'Như bị cảm hóa bởi sức mạnh'. Ở đây, vị Trưởng lão sống thân thiết với các bạn, các Tôn giả *Anuruddha, Bhaddiya*.

*155. Trong vườn trúc phía Đông,
Các Thích tử thân hữu,
Từ bỏ những tài sản,
Không phải là ít oi,
Vui thích với những gì,
Nhận được từ bình bát.*

*156. Siêng, tinh cần, tinh tấn,
Thường kiên trì hăng hái,
Ưa thích lạc pháp vị,
Từ bỏ lạc thế gian.*

(CXXXIX) *Nanda (Thera. 21)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu*, con vua *Suddhodana* (Tịnh Phạn) và bà *Mahāpajāpati*, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*. Khi đến tuổi trưởng thành, bậc

Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến *Kapilavatthu*, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân *Vessantara*. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: 'Hãy đứng dậy!'. Thế Tôn giúp cho phụ thân chứng quả Dụ lưu. Với câu kệ: 'Hãy sống theo Phạm hạnh'. Thế Tôn giúp bà *Mahàpajàpati* cũng chứng quả Dụ lưu, rồi Thế Tôn giúp phụ thân chứng thêm quả Nhất lai. Ngày thứ ba khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử *Nanda* trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tịnh xá và đức Phật độ cho *Nanda* xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.

Từ lúc ấy, biết được *Nanda* không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi *Nanda*, nhờ thiền định, phát triển thiền quán và đạt được quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: 'Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đầm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn'. Phấn khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham dục.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc tự chế ngự đệ nhất trong các đệ tử của Thế Tôn.

(CXL) *Sirimat (Thera. 21)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là *Sirimat*, vì gia đình ngài được luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là *Sirivaddha* (tăng trưởng sự may mắn). Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi lòng tin xuất gia, *Sirivaddha* dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh. Nhưng *Sirimat*, vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính, tuy vậy, luôn luôn tu tập về chỉ và quán, ngài chứng được sáu thăng trí.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

*159. Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.*

*160. Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.*

Rồi *Sirivaddha* nghe bài kệ, tâm sanh dao động, phát triển thiền quán, không bao lâu đạt được chơn giải

thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

PHẨM BA

(CXLI) Uttara (Thera. 22)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Uttara*. Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây *Gandamba* ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí. Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?' Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. *Ta liễu tri các uẩn,*
Ta khéo nhổ tham ái,
Ta tu tập giác chi,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. *Do liễu tri các uẩn,*
Thoát ly kẻ gài lười,
Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.

(CXLII) Bhaddaji (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avantì phía Đông Magadha), con một nghị sĩ giàu có đến tám trăm triệu, ngài được đặt tên là *Bhaddiya* và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như vị Bồ-tát trong đời sống cuối cùng của ngài. Tập só kể câu chuyện của ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo Sư với hàng tùy tùng, sau một tuần đến tại Kotigàma, và đi lánh đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định, khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước. Để xác minh quả chứng vô thượng của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. Bhaddiya làm nỗi lên cung điện bị chìm, khi ngài trú tại đáy, trong thời ngài là vua Panàda. Câu chuyện này được kể trong chuyện Jàtaka Mahàpanàda. Ngài diễn tả lâu đài bằng vàng, trong ấy ngài đã sống trong một thời gian. Rồi ngài nói về ngài khi tự ngã được đoạn diệt, như là thuộc một người khác:

163. *Pa-nà-đa là tên,*
Của vị hoàng đế ấy,
Với trù lẽ băng vàng,
Ngang có mươi sáu nhà,
Tính về lượng bè cao,
Cao hơn một ngàn lần.

164. *Có đến ngàn tam cấp,*
Với trăm nóc hình tròn,
Trang hoàng với cờ xí,
Với ngọc báu chói sáng,
Ở đáy, Càn-thát-bà,
Các tiên nữ hát mùa,
Con sói lên sáu ngàn,

Với tổng số bảy đoàn.

(CXLI) *Sobhita* (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Sobhita*. Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được sáu thăng trí, ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu túc mạng thông, được đức Phật xác nhận là vị nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu Bốn niệm xír,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

(CXLI) *Valliya* (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Vesàli*, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhamitta*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến *Vesàli*. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp). Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh để nỗi ngài được gọi là *Valliya* (loài cây leo), vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì. Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venuhatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. *Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bốn phận cần làm
Với người muôn giác ngộ.
Con sẽ làm tất cả,
Con không có thói thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

168. *Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt Thánh yên lặng,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

(CXLV) *Vitásoka* (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua *Dhammadasoka* (A-dục), được đặt tên là *Vitásoka*. Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tính thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão *Giridatta* và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Giridatta*, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. Hãy cạo tóc cho ta

*Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

170. Thân được thấy trong rỗng,

*Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.*

(CXLVI) *Punnamàsa (Thera. 23)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình vị điền chủ. Khi sanh đứa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được sáu thắng trí. Ngài đi đến *Sàvatthi* đảnh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa. Rồi đứa con ngài chết và vợ ngài không muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đồng tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia. Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

171. Từ bỏ năm triền cái,

*Đạt an ổn khỏi ách,
Năm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

172. Ta quán sát thân này,

*Tù trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trong không,
Trong thân cả ngoài thân.*

(CXLVII) *Nandaka (Thera. 23)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Campà* trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe *Sona Kolivisa* thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: 'Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?' *Bharata* chứng ngay sáu thắng trí, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành. Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngoài bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lữ hành đi ngang qua, một con bò được kéo xe qua đám bùn không nỗi nên ngã quy xuống. Ngài dạy cởi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, *Bharata* nói:

- Này em *Nandaka*, em có thấy hiện tượng ấy không?'

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và *Nandaka* nói: 'Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!' Dùng sự kiện này là một đề tài thiền quán, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. *Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quy xuồng,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bở kéo gánh nặng.*

174. *Cũng vậy, hãy nhận con,
Đê tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ chánh kiến,
Khéo tu luyện thuận thực,
Con thật con chánh thông.
Của đức Phật Chánh giác.*

(CXLVIII) *Bharata (Thera. 23)*

Khi em trai *Nandaka* nói lên chánh trí của mình, *Bharata* khởi lên ý kiến hai anh em cùng đi đến yết kiến đức Phật, trình lên đức Phật biết quá trình đời sống Phạm hạnh của mình.

Rồi ngài nói với *Nandaka* những bài kệ như sau:

175. *Hãy đến Nandaka,
Chúng ta hãy cùng đi,
Di đến bậc Giáo thọ,
Chúng ta hãy róng lên,
Tiếng róng con sư tử,
Trước mặt Phật tối thượng.*

176. *Ấn sĩ thương chúng ta,
Khích lệ ta xuất gia,
Mục đích chúng ta đạt,
Mọi kiết sử đoạn tận.*

(CXLI) *Bhàradvàja (Thera. 23)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá). Trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên theo dòng họ là *Bhàradvàja*. Lập gia đình, ngài có một người con trai tên là *Kanhadinna*. Đến tuổi đi học, ngài gửi người con đi *Takkasila*, giữa đường người con làm quen với một vị Trưởng lão, đệ tử bậc Đạo Sư, nghe vị ấy thuyết pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Bhàradvàja, được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở tịnh xá Trúc Lâm, xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán, *Kanhadinna* đến yết kiến bậc Đạo Sư ở *Rājagaha* (Vương Xá), và sung sướng thấy phụ thân mình ngồi cạnh đức Bồ Đề. Được biết phụ thân đã chứng quả A-la-hán, muốn phụ thân róng tiếng róng con sư tử, nên hỏi đã chứng được mục đích Phạm hạnh chưa, ngài trả lời với những câu kệ như sau:

Róng tiếng róng:

177. Như những con sư tử
Trong hang động núi non,
Rống tiếng rống sư tử,
Cũng vậy với trí tuệ,
Bậc anh hùng thắng trận,
Thắng ma và ma quân.

178. Ta hầu bậc Đạo Sư
Đánh lě Pháp và Tăng,
Ta hân hoan vui vẻ,
Thấy con chứng vô lậu.

(CL) *Kanhadinna (Thera. 23)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*. Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuần thực, ngài đến Tôn giả *Sàriputta*, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.

180. Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.

PHẨM BỐN

(CLI) *Migasira* (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Kosala*, được đặt tên là *Migasira*, theo ngôi sao ngày sinh. Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành bùa chú sọ người, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: 'Người này sẽ được tái sanh trong giới này...', cho đến với những người đã chết được ba năm. Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường. Đi đến *Sàvatthi*, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: 'Thura Tôn giả *Gotama*, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết'.

Đức Phật hỏi: 'Ông làm như thế nào?'

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên bùa chú, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ v.v... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: 'Hãy nói chỗ tái sanh của người này'. *Migasira* đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thé Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?

- Vậy ông phải xuất gia! Rồi *Migasira* xuất gia và được dạy cho đê tài tu định. An trú vững vàng trên thiền và thăng trí, ngài thực hành thiền quán, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,*

Ta giải thoát bất động,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

(CLII) Sivàka (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Rājagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka. Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tim kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.

184. Hồi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị tháo rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đầy khỏi dòng,
Ở đây, bị thối nát.

(CLIII) Upavàna (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thầy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, Thé Tôn bị đau nhức mỏi, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài. Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

185. Bậc Ứng Cúng, Thiện Thê,
Ấn sỹ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ấn sỹ.

186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muôn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thé Tôn thuyên giảm và Thé Tôn tỏ lời cảm ơn.

(CLIV) Isidinna (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ *Sunàparanta*, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là *Isidinna*. Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà băng trầm hương được dâng cúng, với tâm hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu. Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trí pháp với lời nói,
Các dục là vô thường,
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?
Dầu họ có tuyên bố:
'Các dục là vô thường!'
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.*

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

(CLV) *Sambula - Kaccàna (Thera. 24)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước *Magadha* (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ *Kaccàna*, tên là *Sambula*, ngài được biết với tên *Sambula-Kaccàna*. Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là *Bheravàyanà* (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ủn ủn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đồ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí. Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

189. *Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa ầm ầm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược*

190. *Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,*

*Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

(CLVI) *Khitaka (Thera. 25)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước *Kosala*, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là *Khitaka*. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Hướng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tý-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

*191. Tâm ái như tảng đá
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

*192. Tâm ta như tảng đá
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

(CLVII) *Sona - Potiriyaputta (Thera. 25)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu* (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ *Potiriya*, được đặt tên là *Sona*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành tướng chỉ huy quân lực của *Bhaddiya*, một vị vua *Sakka*. Nay *Bhaddiya* đã xuất gia, và ngài theo gương *Bhaddiya* cũng xuất gia, nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định. Thế Tôn ở tại vườn xoài *Anupiya*, chiếu hào quang đến ngài, khích lệ ngài tu tập chánh niệm, với những bài kệ như sau:

*193. Thày chó có ngủ nữa,
Với đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thúc dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*194. Khi con voi tấn công,
Rời từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

(CLVIII) *Nisabha* (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc *Koliya*, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là *Nisabha*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc *Sakka* và dân tộc *Koliya*, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

*195. Sau khi đã từ bỏ
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

*196. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

(CLIX) *Usabha* (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu* (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua *Sakka*, được đặt tên là *Usabha*. Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phận của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quần chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa. Ngài thức dậy, suy nghĩ: 'Vì sao, đây là cơn mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm ưu não', ngài an trú thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Như vậy lấy cơn mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

*197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.*

*198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo慢,
Nay ta thật lảng dại,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.*

(CLX) *Kappata - Kura* (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại *Sàvatthi*, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatákura* (rách và gạo). Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ. Khi ngài cảm thấy nhảm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này. Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

*199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
Trong bình bát bất tử,
Được đựng đây Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.*

*200. Hỡi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hỡi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.*

Bí đúc Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, phát triển thiền quá, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

PHẨM NĂM

(CLXI) Kumàra-Kassapa (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha* (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bàng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bàng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai. Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh. Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upāli* giải quyết. *Upāli* cho mời một số vị cư sĩ ở *Sàvatthi*, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả *Upāli* tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này. Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đứa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là *Kumàra-kassapa*, dù cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng *Andha*. Rồi một Thiên nhân, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở Tịnh Cư Thiên, muốn chỉ cho *Kumàra-kassapa* phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng *Andha* và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, phát triển quán, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ân chứng cho là vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

201. *Ôi Phật đà, ôi Pháp!*
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chứng đạt Chánh pháp này.

202. *Trải qua vô lượng kiếp,*
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.

(CLXII) Dhammapàla (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, khi bậc Đạo Sư qua đời, ngài sanh ở *Avanti* con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Dhammapàla*. Khi ngài đi từ *Takkasila* về, học hành đã xong, ngài thấy một vị Trưởng lão ngồi một mình trong thảo am, được vị ấy thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chứng được sáu thắng trí.

Trong khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gãy ngã xuống. Thấy vậy ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sa-di, với thần thông đặt hai vị ấy xuống đất, không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ấy với những bài kệ:

203. *Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi*
Chú tâm hành lời Phật,
Tinh thíc̄c giữa người ngủ,

Vị ấy, đời không uổng.

204. *Do vậy, bậc Hiền trí,
Nhớ đến lời Phật dạy,
Chuyên tu tín và giới,
Hoan hỷ thấy Chánh pháp.*

(CLXIII) *Brahmàli* (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước *Kosala*, con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Brahmàli*. Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những điều kiện chín muồi, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thăng trí.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán hạnh tinh tấn:

205. *Với những ai, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ
Những vị có hạnh ấy.*

206. *Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

(CLXIV) *Mogharàjam* (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, tên là *Mogharàjam*. Vị ấy tu học dưới sự lãnh đạo của Bà-la-môn *Bàvariya*. Cảm thấy lo âu sợ hãi, ngài trở thành một vị tu khổ hạnh. Ngài là một trong mươi sáu vị, trong ấy có *Ajita* và những vị khác, đã được *Bàvariya* đưa đến yết kiến bậc Đạo Sư. Sau khi *Mogharàjam* hỏi và được trả lời, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, ngài được biết đến vì ngài mặc áo thô sơ do các nhà lữ hành, các thợ may, các thợ nhuộm quăng bỏ hai bên đường. Do vậy, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là người đệ tử đệ nhất mặc áo thô sơ. Như vậy ngài thực hiện chí nguyện từ trước của ngài.

Một thời khác, do thiếu sự săn sóc chu đáo và do nghiệp đời trước, các mụn ghẻ lở xuất hiện và sanh ra nhiều trên thân của ngài, nghĩ rằng chỗ trú ẩn của ngài đã bị ô nhiễm, ngài trải chỗ nằm của ngài trên một thửa ruộng ở *Magadha*, và đâu lúc ấy thuộc mùa đông, ngài vẫn ở tại đấy. Một hôm, hầu hạ bậc

Đạo Sư và đánh lẽ ngài, bậc Đạo Sư hỏi ngài với những bài kệ như sau:

207. *Hời Mogharàja!*
Sóng với da thô độc,
Sóng với tâm hiền thiện,
Luôn luôn hành thiền định,
Trong những đêm đông giá
Thầy là một Tỷ-kheo,
Vậy Thầy sống thế nào
Thầy sẽ làm những gì?

Được hỏi vậy, ngài trả lời và giải thích cho bậc Đạo Sư:

208. *Con có được nghe rằng:*
Ở nước Magadha,
Đất nước giàu thịnh vượng,
Toàn dân sống đầy đủ,
Những am lợp bằng rơm,
Còn tốt đẹp hơn nhiều,
Hơn đồi sống an lạc,
Của mọi người dân khác.

(CLXV) *Visàkha, Con Của Pancàli (Thera. 27)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ *Magadha* (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là con trai một công chúa con vua, về sau ngài được biết là con trai của *Pancàli*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến *Sàvatthi* (Xá-vệ), ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thăng trí.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: 'Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?'. Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. *Chớ có tự kiêu mạn,*
Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo ché ngự.

210. *Với người, thấy ý nghĩa,*
Té nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,

*Niết-bàn đối vị áy,
Không gì khó chứng đạt.*

(CLXVI) Cùlaka (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Rājagaha*, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là *Culaka*. Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nghiệp phục con voi *Dhanapala*, ngài phát khởi lòng tin xuất gia. Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây *Indra-sàla*. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở *Magadha* (Ma-kiệt-đà), một con giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ẩn ẩn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, tâm ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Với cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.*

*212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc con đường
Đưa đến cõi bất tử,
Đường ấy đường vô thương,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường té nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.*

Ngài tự giáo giới lấy mình, chứng được thiền định, và phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố chánh kiến của ngài.

(CLXVII) Anupama (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở *Kosala*, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đôi tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

*213. Tâm đi đến hỷ man
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ bẽ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

(CLXVIII) *Vajjita (Thera. 27)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình *Kosala* giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị tử bồ). Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được sáu thắng trí. Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. *Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lán nhiều cõi,
Ta không thấy Thành đế,
Ta phàm phu mù lòa.*

216. *Với hạnh không phóng dật,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.*

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CLXIX) *Sandhita (Thera. 28)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở *Kosala*, tên là *Sandhita*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ, và xin xuất gia với trí tuệ chín muồi, ngài an trú thiền quán và chứng đạt sáu thắng trí. Nhớ đến đời sống trước của mình, sau khi đức Phật *Sikhì* (Thi-khí) mệnh chung. Ngài đánh lễ tại cây Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. *Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.*

218. *Đã qua ba mót kiếp,
Tưởng ấy ta không chứng,
Nay chính nhờ tưởng ấy,
Ta đạt lâu hoặc diệt.*

**CHƯƠNG III
PHẨM BA KỆ**

(CLXX) *Anganika Bhàradvàja (Thera. 29)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố *Ukkattha*, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *AnganikaBhàradvàja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát. Trong khi bộ hành chồ này chồ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. Từ bỏ tà khố hạnh, ngài xuất gia, tu tập thiền quán, và sau một thời gian chứng được sáu thắng trí.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng *Kundiya* của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến *Uggàyàman*, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: 'Thưa Tôn giả *Bhàradvàja*, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn, và chấp nhận giáo hội này?' Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. *Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chọn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bắt tử.*

220. *Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba mình chúng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

221. *Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba mình, ta quán đánh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.*

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phấn khởi.

(CLXXI) *Paccaya (Thera. 29)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Rohi* trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*. Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bồ thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phân lớn dân chúng hiểu lời đức Bổn Sư dạy, nhưng ngài *Paccaya* đi xa hơn. Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời đức Phật *Kassapa*, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thời không ra khỏi am này và cuối cùng thiền quán được phát triển, trí tuệ được thuần thực, ngài chứng quả A-la-hán. Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. *Năm ngày ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,*

*Ta trú hạnh viễn ly,
Tâm phát nguyện như sau:*

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhở lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta tinh cần,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

(CLXXII) *Bàkula (Thera. 29)*

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamuna để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú. Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích. Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là *Bàkula* (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bổn Sư thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giác ngộ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là vị đệ tử có sức khỏe đệ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. *Với ai những công việc
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau
Trong nung nấu hối tiếc.*

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. *Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sầu muộn là tham,
Thật sự là an ủn,*

*Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

(CLXXIII) Dhaniya (Thera. 29)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình thợ làm đồ gốm, được đặt tên là Dhaniya, và tiếp tục làm nghề của ông cha. Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo Sư giảng cho Pakkusati kinh Dhàtuvinibhangasutta. Dhaniya nghe tin Pukkasati (đã thành bậc A-la-hán) mện chung đêm ấy. Ngài nghĩ: 'Lời Phật dạy thật là sức mạnh lanh đạo, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh'. Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật hỏi vì đã là am tranh bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo, và tại đây chứng quả A-la-hán.

Về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

228. *Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Chớ khinh y chúng Tăng,
Chớ khinh Tăng ấm thực.
Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy sử dụng trú xứ,
Như rắn và như chuột.*

229. *Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy biết tự bằng lòng
Với bất cứ việc gì,
Và hãy cương quyết tu,
Tu tập hạnh nhất pháp.*

(CLXXIV) Con Của Mátanga (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, con một điền chủ tên Mátanga, và được gọi là con của Mátanga. Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các thiền quán, ngài chứng được sáu thăng trí.

Từ đây, ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu
Lặng lẽ vượt trôi qua.*

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,*

*Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Có dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đầy chúng,
Sóng tăng trưởng viễn ly.*

(CLXXV) *Khujja Sobhita (Thera. 30)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pātaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Sobhita*. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là *Khujja Sobhita* (còm lưng). Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bổn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả *Ananda* độ cho xuất gia và chúng được sáu thăng trí.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả *Ananda* đến dự đại hội. Lúc ấy, các thiên nhân cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên *Sobhita* tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

233. *Giữa các vị Sa-môn,
Sóng Pātaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn
Đứng ở tại cửa vào,
Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.*

Rồi vị thiên nhân tuyên bố cho chúng Tỳ-kheo biết sự có mặt của *Khujja Sobhita*:

234. *Giữa các vị Sa-môn,
Sóng Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

235. *Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

(CLXXVI) *Vàrana (Thera. 30)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kosala*, trong gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Vàrana*. Khi đến tuổi trưởng thành, vị ấy nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp trong một ngôi rừng, và với lòng tin, xuất gia. Một ngày kia đi đến hâu hạ đức Phật, ngài chứng kiến một cuộc áu đả trong gia đình và có nhiều người bị giết. Hốt hoảng, bị dao động, ngài đi gấp đến Thé Tôn và tường thuật sự việc. Thé Tôn thấy sự tiến bộ trong tâm tư của ngài, nên nói lên bài kệ khích lệ ngài:

236. *Ai ở đời, giữa người,
Làm hại chúng sanh khác,
Vị ấy tự hại mình
Đời này và đời sau.*

237. *Ai với tâm từ bi,
Thương tưởng mọi hữu tình,
Một người làm như vậy,
Gặt phước đức thật nhiều.*

238. *Hãy học tập khéo nói,
Hãy hâu hạ Sa-môn,
Sống một mình kín đáo,
Với tâm tư tịnh chí.*

(CLXXVII) *Passika* (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Kosala*, thấy Thé Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia. Ngài bị bệnh trong khi học tập đời sống một ân sĩ, bà con săn sóc cho ngài và chữa ngài lành bệnh, khi được lành bệnh, ngài phần khởi nên tu học siêng năng hơn và chứng được sáu thắng trí. Ngài bay trên hư không, đến thăm bà con và quy y, thọ giới cho họ. Một số bà con nhờ ngài quy y và thọ giới, khi mạng chung và được sanh lên các cõi trời. Khi *Passika* hâu hạ bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư hỏi về sức khỏe bà con của ngài, *Passika* trả lời như sau:

239. *Đầu chỉ một mình ta,
Có lòng tin, sáng suốt,
Giữa các bà con ta,
Những người không lòng tin,
Thông hiểu được Chánh pháp,
Đầy đủ những giới đức,
Vì lợi ích hạnh phúc,
Cho các bà con ta.*

240. *Những bà con bị ta,
Vì thương họ trách móc,
Do bà con ái mộ,
Làm tốt đối Tỳ-kheo.*

241. *Khi họ bị mênh chung,
Họ được lạc chư Thiên,
Các anh và mẹ ta,
Hoan hỷ điều họ muốn.*

(CLXXVIII) *Yasoja* (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở *Sàvatthi*, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là *Yasoja*. Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông *Aciravati*, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua *Pasenadi* và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá. Đức Phật dạy, tiền thân con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục, Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về kinh *Kapila*. Nghe xong, *Yasoja* cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo; họ đi đến tịnh xá *Jetavana* (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông *Vaggumudù*, *Yasoja* như con người thuần thực, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Rồi Thế Tôn cho gọi *Yasoja*, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.

Yasoja được tán thán như vậy, đề cao hạnh cô độc và dạy như sau:

243. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.

244. Sóng một, như Phạm thiên,
Sóng hai, như chư Thiên,
Sóng ba, như làng mạc,
Nhiều hơn, như ở chợ.

(CLXXIX) Satimattya (Thera. 31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước *Magadha* (Ma-kiệt-dà) làm con một Bà-la-môn, ngài hội đủ những điều kiện nhân duyên, xuất gia, sống với các Tỷ-kheo ở rừng, và trải qua học hỏi tu hành, chứng được sáu thắng trí. Rồi ngài giảng dạy các Tỷ-kheo, thuyết pháp cho nhiều tín đồ về quy y và các giới điệu. Có một gia đình, đặc biệt ngài giáo hóa và nuôi dưỡng lòng tin. Trong gia đình này, ngài đặc biệt được chào đón, người con gái nhà này đẹp, và thường cung kính cúng dường ngài ăn uống.

Một hôm, *Màra* muốn phá ngài và làm ngài mất uy tín, giả dạng ngài và đi đến nắm tay cô con gái, nhưng cô con gái biết là không phải nắm tay của loài Người, liền bỏ tay ra. Nhưng người nhà thấy được và không còn tin tưởng ở ngài. Ngài không biết gì, cảm thấy có sự đổi khác trong thái độ của gia đình ấy. Biết rằng *Màra* đã ám hại, ngài nguyện sẽ làm rõ sự tình, người gia chủ nghe ngài giải thích liền xin lỗi ngài và tự mình xin phục vụ cho ngài. Ngai nói lên sự việc, trong những bài kệ sau đây:

245. Lòng tin trước ông có,
Nay không còn nơi ông,
Của ông vẫn của ông,
Ta không có ác hạnh.

246. Vô thường và dao động,

*Là lòng tin của ông,
Sự thấy là như vậy,
Là sự thấy của ta,
Có khi ông thương mến,
Rồi ông lại không ưa,
Vì sao bậc ân sỹ,
Chịu héo mòn ở đây?*

247. *Cơm nấu cho ân sỹ,
Ít ít từng gia đình,
Ta sẽ đi khát thực,
Ông chân ta còn mạnh.*

(CLXXX) *Upàli (Thera. 31)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là *Upàli*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của *Anuruddha* và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng *Anupiyà*. Khi ngài nhận một đê tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: 'Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thực cả về kinh học và thiền quán'. Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu thiền quán và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả Luật tạng. Về sau, khi *Upàli* được Thέ Tôn khen vì *Upàli* đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về Tỷ-kheo *Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn *Pàtimokkha*, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. *Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.*

249. *Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.*

250. *Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xung.*

(CLXXXI) *Uttarapàla (Thera. 31)*

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Uttarapàla*. Ngài thấy Thέ Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học. Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, dục vọng tấn công ngài, và sau một thời chiến đấu

tư tưởng mãnh liệt, ngài chặn đứng các phiền não, và triển khai thiền quán, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rồng con sư tử:

251. *Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. *Sanh trong giới vúc ma,
Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh từ chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

(CLXXXII) *Abhibhùta* (Thera. 31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Vetthapura*, đặt tên là *Abhibhùta*, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đắt giá. Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, *Abhibhùta* đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

254. *Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.*

255. *Hãy tinh cần, ra đi,
Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.*

256. *Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.*

(CLXXXIII) *Gotama* (Thera. 32)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học thiền quán và chứng được sáu thắng trí.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hối ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gấp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được .
Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,*
Liên tục đến ngạ quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.

258. *Và sống vui làm Người,*
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tưởng, Phi phi tưởng.

259. *Ta khéo biết sanh hữu,*
Không cốt túy, duyên thành,
Đao động thường biến chuyển,
Tác thành tự ngã ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.

(CLXXXIV) *Harita (Thera. 32)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong gai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là hạ sanh. Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. Đoạn tận kiêu mạn ấy, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỳ-kheo:

260. *Với ai, những công việc,*
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau
Trong nung nấu hối tiếc.

261. *Hãy nói điều có làm,*
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.

262. *Niết-bàn khéo an lạc,*
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sầu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,

Được đoạn diệt hoàn toàn.

(CLXXXV) Vimala (Thera. 32)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyên giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

**CHƯƠNG IV
PHẨM BỐN KỆ**

(CLXXXVI) Nàgasamàla (Thera. 33)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nước,
Mùi thơm gỗ chiên dần,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một vú nữ đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khất thực,
Đi ngang, ta thấy nàng
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi thán chét.*

269. *Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiến lộ,
Nhảm chán, ta an trú.*

270. *Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

(CLXXXVII) Bhagu (Thera. 33)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ *Sakya* (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng *Bàlakalona*. Một ngày kia, khi ngài từ tịnh xá ra ngoài để đối trị bịnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài tự ché ngự và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thủ Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: 'Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tinh tấn?'. Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. *Bị buồn ngủ chi phói,
Ta ra khỏi tịnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.*

272. *Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta định tĩnh.
Rồi ta tự tác ý,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiền lô,
Nhàm chán ta an trú.*

273. *Và tâm ta giải thoát
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

(CLXXXVIII) *Sabhiya (Thera. 33)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình con gái một hoàng tộc, người con gái này được cha mẹ giao cho một vị du sĩ hướng dẫn để nàng có thể học giáo lý và nếp sống tu hành. *Sabhiya* khi lớn lên cũng trở thành một du sĩ, học hỏi nhiều kinh kệ tụng, trở thành một nhà lý luận sắc bén, không ai sánh nổi. Dựng am bên cửa thành, ngài dạy học cho con cháu các hoàng tộc, ngài nghĩ ra hai mươi câu hỏi để ngài hỏi các vị tu sĩ và Bà-la-môn. Trong khi *Sabhiyasutta*, có ghi là một Bà-la-môn, từ cõi Tịnh cư thiêん, đã nghĩ ra các câu hỏi ấy. Thέ Tôn khi đi đến Vương Xá, tinh xá Trúc Lâm, đã trả lời các câu hỏi và *Sabhiya* khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài khuyên dạy các Tỷ-kheo đã theo phe *Devadatta*, ngài nói lên những bài kệ như sau:

274. *Người khác không rõ biết,
Ta ở đây một thời,
Tại đây, bậc có trí,
Biết vậy sống tịnh chỉ.*

275. *Khi họ không rõ biết,
Họ làm như bất tử;
Khi họ rõ biết pháp,
Giữa bệnh, họ không bệnh.*

276. *Ai sở hành phóng đăng,
Cám giới bị ué nhiễm,
Phạm hạnh đáng nghi ngờ,
Vị ấy chứng quả lớn,*

277. *Sóng giữa dòng Phạm hạnh,
Không được trọng, tôn kính,
Vị ấy xa Diệu pháp,
Như trời xa đất liền.*

(CLXXXIX) *Nandaka (Thera. 33)*

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là *Nandaka*. Ngài xuất gia, sau khi nghe Thέ Tôn thuyết pháp, và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiết cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ân chung cho ngài là vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất.

Rồi một ngày kia, khi đi khất thực ở *Sàvatthi*, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và

cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

278. *Góm thay, vật hôi thói!*

Đầy sắc mùi hôi tanh,

Vật sở hữu của ma,

chảy nhiều dòng nước,

Thân này có chín dòng,

Luôn luôn được tuôn chảy.

279. *Chớ khinh miệt cổ nhân!*

Chớ xúc phạm Như Lai,

Họ không tham thiên giới,

Còn nói gì cõi người.

280. *Kẻ ngu, thiểu trí tuệ,*

Tà ý, si bao phủ,

Kẻ áy đầy tham đắm,

Bị ma quăng dây trói.

281. *Những ai đã thoát ly,*

Tham, sân và vô minh,

Đây họ không tham đắm,

Đây cắt, không trói buộc.

(CXC) **Jambuka (Thera. 34)**

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài dùng phân làm đồ ăn, và rời bỏ gia đình, làm vị tu khổ hạnh. Thực hành nhiều khổ hạnh, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rơm. Ngài đã năm lăm tuổi khi đức Phật thấy ngài cẩn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cài ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thé Tôn gọi: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo' và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka phát triển thiền quán và Thé Tôn ân chứng ngài chứng quả A-la-hán. Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn sớ giải các câu kệ của *Dhammapada*, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: 'Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rơm chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dù một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,

Ăn cơm tháng một lần,

Tóc râu ta nhổ sạch.

283. *Ta đứng chỉ một chân,*

Ta không dùng giường nằm,

Ta ăn phân phơi khô,

Ta không nhận lời mời.

284. *Sở hành ta nhiều vạy,*

Dẫn ta đến ác thú,

Bị nước lớn cuốn trôi,

Cho đến khi quy Phật.

285. *Hãy nhìn Phật ta quy
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba minh ta đạt được
Lời Phật dạy làm xong*

(CXCII) *Senaka (Thera. 34)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chị của Trưởng lão *Kassapa* ở *Uruvela*, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng *Thaggumà* (tháng ba) một lễ quán đánh một bến nước, lễ ấy được gọi là *Gayà melà* (hay ngày trai giới *Gayà*).

Thέ Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, *Senaka* cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Sau đó, suy tưởng đến sự thăng trầm của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này

286. *Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,
Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tôi thương.*

287. *Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thăng,
Bậc lãnh đạo nghiệp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cản lường.*

288. *Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sơ hãi.*

289. *Lâu nay ta ué nhiễm,
Bị tà kiến trói buộc,
Nay chính Thέ Tôn áy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.*

(CXCII) *Sambhùta (Thera. 34)*

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình có giai cấp, và sau khi bậc Đạo Sư tịch diệt, ngài được *Ananda* giáo hóa, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Ngài sống trong an lạc giải thoát, cho đến khi một trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo *Vajji* đề xướng mười tà pháp bị Trưởng lão

Niyasa và các Tỷ-kheo *Kālanndaka* chống lại và một kỳ kiết tập được tổ chức với bảy trăm vị A-la-hán. Ngài *Sambhūta*, bị xúc động bởi hành động xuyên tạc Pháp và Luật, nói lên những bài kệ này và tuyên bố chánh trí của ngài:

290. *Ai khi phải từ từ
Lại lội qua gấp gấp,
Ai khi phải lội gấp,
Lại từ từ lội qua,
Kẻ ngu thiêú chánh lý,
Đi đến cảnh khổ đau.*

291. *Lợi ích bị tổn giảm,
Như trăng vào thời đen,
Gặp phải sự ô nhục,
Chống đối các bạn bè.*

292. *Ai khi phải từ từ,
Lội qua rất từ từ,
Ai khi phải lội gấp,
Lội qua thật gấp gấp,
Kẻ trí có chánh lý,
Đi đến cảnh an lạc.*

293. *Lợi ích được viên mãn,
Như trăng vào thời sáng,
Được danh tiếng vinh dự,
Không chống đối bạn bè.*

(CXCIII) *Ràhula (Thera. 35)*

Ngài là con của đức Phật và công chúa *Yasodhāra*, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập *Khandhaka*. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thục và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

294. *Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
'Ra-hu-la may mắn'
Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhẫn.*

295. *Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.
Ba minh ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296. *Bị dục làm mù quáng,*

*Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trói buộc,
Như cá mắc mắt lưới.*

*297. Ta vượt qua dục áy,
Cắt đứt ma trói buộc,
Nhổ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tĩnh.*

(CXCIV) Candana (Thera. 35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình giàu có và đặt tên là *Candana*, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu. Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đê tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến *Sàvatthi* để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: 'Với nhan sắc nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia'. Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán và chứng được sáu thắng trí. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng qui y và thọ các giới. Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: 'Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?'. Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

*298. Với vàng che phủ kín,
Chung nử tỳ vây quanh,
Mang theo đĩa con tho,
Người vợ đến với ta.*

*299. Thấy mẹ của con ta,
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.*

*300. Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiền lô,
Nhảm chán, ta an trú.*

*301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vây,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

(CXCV) Dhammadika (Thera. 35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Kosala*, tên là *Dhammadika*. Khi *Jetavana* (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia. Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy các Tỷ-kheo đều bỏ đi và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Su, bậc Đạo Su cho gọi ngài lên để giải thích. Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

302. *Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Không đi xuống ác thú.*

303. *Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

304. *Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

305. *Phá vỡ cội ung nhọt,
Nhỏ lên lưỡi ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thέ Tôn dạy ba bài kệ trên, *Dhammika* trên chỗ ngồi phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ, ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

(CXCVI) *Sabbaka (Thera. 35)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn, ngài nghe Thέ Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lựa chọn một đê tài để thiền quán, ngài đi đến tinh xá *Lonagiri*, trên bờ sông *Ajakarani* và tại đây, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Đi đến *Sàvatthi* để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở lại một thời gian và được bà con đón tiếp. Sau khi khuyên các bà con quy y và giữ giới, ngài muốn trở về chỗ cũ. Các bà con yêu cầu ngài ở lại để được bà con cúng dường, nhưng ngài nói cho họ rõ vì sao ngài đến đây, và sự ưa thích đời sống độc cư. Ngài nói lên bài kệ tán thán trú xứ của ngài:

306. *Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng tinh,
Sợ hãi đám mây đen,
Tim chỗ kín ẩn nấp;
Khi áy chính con sông,
Ajakarani,*

Đem hoan hỷ cho ta.

307. Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng sạch,
Sợ hãi đám mây đen,
Tìm hang để ẩn nấp,
Nhưng tìm không có thấy.
Khi ấy chính con sông,
Ajakarani,
Đem hoan hỷ cho ta.

308. Ai lại không thích thú,
Khi thấy ở tai đây,
Trên cả hai dãy bờ,
Có hàng cây Jambu,
Làm chói sáng bờ sông,
Sau lưng cái hang lớn.

309. Hãy nghe những con nhái,
Khéo thoát những đàn rắn,
Kêu lên niềm hoan hỷ,
Với tiếng kêu nhẹ nhàng:
Nay không phải là thời,
Buông thả với suối rừng,
Thật an ổn con sông
Ajakarani,
Thoải mái và yên lành,
Thật an vui thích thú!

Rồi các bà con thuận đê ngài đi. Vì ngài thích sống nhàn tịnh, đây trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVII) *Mudita (Thera 36)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân và được đặt tên là *Mudita*. Khi ngài đến tuổi trưởng thành, dòng họ ngài vì một vài nguyên nhân, bị vua chông đổi *Mudita*, quá sợ vua nên bỏ chạy, đi vào rừng và sống gần trú xứ của một Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán. Vì này thấy ngài quá sợ hãi, bảo ngài chờ có sợi. Ngài hỏi cần phải bao nhiêu thời gian mới khỏi tai nạn, vị A-la-hán nói cần phải bảy hay tám tháng, ngài nói ngài không thể đợi lâu như thế nên xin xuất gia. Vị Trưởng lão cho phép ngài được xuất gia. Ngài xuất gia, học đạo, khởi lòng tin, không còn sợ hãi nữa, và tu tập thiền quán. Chưa chứng được quả A-la-hán, ngài nguyện không rời khỏi tinh xá cho đến khi chứng quả và cuối cùng ngài đã thành công. Sau đó, ngài sống trong an lạc giải thoát, các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh hỏi ngài làm sao ngài thành đạt được chí nguyện, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài trong những bài kệ như sau:

310. Để cứu mạng sống ta,
Ta xuất gia tu hành,
Ta được thọ đại giới,
Nhờ vậy được lòng tin,
Ta kiên trì tinh tấn,

Hăng hái ta tiến bước.

*311. Đầu thân này huỷ hoại,
Từng miếng thịt tiêu mòn,
Đầu khớp xương hai gối,
Ông chân làm ta ngã.*

*312. Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa được rút nhô lên.*

*313. Hạnh ta sống như vậy,;
Hãy nhìn ta tinh cần,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

**CHƯƠNG V
PHẨM NĂM KỆ**

(CXCVIII) Ràjadatta (Thera. 37)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện *Vesavana*, một vị thiên thần hư không. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến *Ràjagaha* (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ. Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (*Veluvana*) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi *Rajadatta*, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hành hạnh đầu đà, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỹ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thèm muôn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp. Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được thi hài của người kỹ nữ. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm mồi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhảm chán,
Thấy thân chết khốn nạn,
Trong ta, dục tham hiên,
Như mù, ta bị trói.*

*316. Mau hơn cõm sôi trào,
Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. Rồi ta tự ý tác,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lô,
Nhảm chán ta an trú.*

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,*

Lời Phật dạy làm xong.

(CXCIX) Subhùta (Thera. 37)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở *Magadha*, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ. Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy *Upatissa*, *Kolita*, *Sela* sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sự, ngài vào nhập thất với một đế tài thiền quán. Nhờ phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

319. *Đặt mình vào tại chỗ,*
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu
Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.

320. *Nếu từ bỏ phần thắng,*
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.

321. *Hãy nói điều có làm,*
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.

322. *Như bông hoa tươi đẹp,*
Có sắc nhưng không hương,
Cũng vậy lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.

323. *Như bông hoa tươi đẹp,*
Có sắc lại không hương,
Cũng vậy lời khéo nói
Không làm không kết quả.

(CC) Girimànanda (Thera. 38)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá) con trai của vị cố vấn nghi lễ cho vua *Bimbisàra* (Tân-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở *Ràjagaha*, và xin xuất gia. Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. Vua *Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài

hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và thần mưa không mưa sợ làm ngài ướt. Rồi vua *Bimbisāra*, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am tháp cho ngài. Và ngài sống trong am tháp ấy có gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập thiền định, thiền quán, chứng được quả A-la-hán. Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. *Trời mưa như bài ca,*
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am tháp,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tĩnh,
Thần mưa, nếu ngươi muôn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. *Trời mưa như bài ca*
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am tháp,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tĩnh chi,
Thần mưa, nếu ngươi muôn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. *Trời mưa như bài ca,*
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am tháp,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu ngươi muôn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. *Trời mưa như bài ca,*
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am tháp,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu ngươi muôn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

328. *Trời mưa như bài ca,*
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am tháp,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu ngươi muôn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

(CCI) Sumana (Thera. 38)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở *Kosala*, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán, sống ở trong rừng, và khi *Sumana* đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đê tài đê thiền quán về phía giới hạnh. Cuối cùng, khi Bốn thiền và Năm thắng trí đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài phương pháp thiền quán, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán. Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*329. Điều giáo thợ sư muón,
Tôi biết trong chánh pháp,
Với tôi mong bất tử,
Điều phải làm, làm xong.*

*330. Pháp tôi đạt, tự chứng,
Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi thánh giới,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đê tử học ngài.*

(CCII) Vaddha (Thera. 38)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành *Dhammacitta* trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là *Vaddha*. Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỳ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-hà-hán. Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Veludanta*, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: 'Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đắp y ngoài'. Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỳ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỳ-kheo-ni một mình và không đắp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

*334. Lành thay, bà mẹ ta,
Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,*

*Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.*

335. *Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lậu hoặc.*

336. *Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi tên nữa.*

337. *Bà chỉ tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cỏ rùng không còn nữa.*

338. *Khô đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

(CCIII) Nadikassapa (Thera. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiết-đà), là anh của Kassapa. Ngài thiền hẩn đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một ẩn sĩ. Với ba trăm đồ chúng, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjara (Ni-liên-thiền), và do vậy ngài được biết và được gọi là Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa). Ngài được Thé Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thé Tôn thuyết kinh Lửa Bốc Cháy, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó, suy tư trên thiền chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhổ lên các sai lầm:

339. *Thật lợi ích cho ta
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng
Đoạn tận các tà kiến*

340. *Ta hành lẽ tự,
Đọc cao lời tể lẽ,
Ta đốt lên lửa thiêng,
Đỗ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,*

Ta thật mù, phàm phu.

341. *Lang thang rừng tà kién,
Bị giới cám, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy*

342. *Ta đoạn tận tà kién,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng đường,
Ta cúi mình đánh lê,
Bậc Như Lai Diệu Ngự.*

343. *Mọi si mê, ta đoạn,
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

(CCIV) **Gayà-Kassapa (Thera. 39)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa, chỉ khác ngài chỉ có hai trăm đệ tử và sống ở Gayà, ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không ué, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lăn vào dòng Tám chánh,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba mình ta đạt được,*

Lời Phật dạy làm xong.

(CCV) *Vakkali (Thera. 39)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*. Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-dà, trở thành thuần thục trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thi giờ để chiêm ngưỡng đức Phật. Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiền quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: 'Này *Vakkali*, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rẳng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp'. Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bùi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: 'Tỷ-kheo này, nếu không được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh', nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: 'Này *Vakkali*, hãy đi đi'. Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đời ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thúy để gieo mình xuống vực núi tự tử. Đức Phật biết được *Vakkali* có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hạnh an tĩnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo!' *Vakkali* rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập só của bộ *Anguttara Nikaya* và tập só của *Dhammapaca* ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, *Vakkali* chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thúy, phát triển thiền quán. Thế Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và bị tê liệt nên ngài không chứng quả được. Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập Bốn niệm xú,
Năm căn và Năm lực,*

*Tu tập các Giác chi,
Con sẽ sống trong rừng.*

352. *Con thấy bạn đồng tu,
Sóng hòa hiệp, đồng mảnh,
Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

353. *Tùy niệm Phật thiền định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài phát triển thiền quán và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

(CCVI) *Vigitasena (Thera. 39)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huấn luyện voi ở nước *Kosala*, và được đặt tên là *Vigitasena*. Những người cậu bên ngoại, *Sena* và *Upasena* cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. *Vigitasena* sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thân thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu. Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến thiền quán, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên ngài giảng dạy cho tâm trí ngài như sau:

354. *Ta sẽ chế ngự người,
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ không thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưỡi dục,
Người do thân sanh ra.*

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này tâm, kẻ phù thủy,
Dầu người có gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ua thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên Năm lực.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với chánh niêm vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng tinh thần,
Người được ta áp lực,
Do vậy, hỡi này tâm,
Người sẽ không xa ta.*

(CCVII) Yasadatta (Thera. 40)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua *Malla*, được đặt tên là *Yasadatta*, ngài được học ở *Takkasila*. Sau khi đi du hành với du sĩ *Sabhiya*, cả hai đến *Sàvatthi*, tại đây hỏi Thê Tôn một số câu hỏi. *Yasadatta* nghe những câu trả lời, ý muốn ra chỉ trích: 'Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn *Gotama*'. Thê Tôn hiểu tâm tư của *Yasadatta*, nên sau khi nói kinh *Sabhiya*, Thê Tôn giáo huấn *Yasadatta* như sau:

359. *Với tâm, muôn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa vời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.*

360. *Với tâm muôn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tôn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đèn.*

361. *Với tâm muôn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Khô cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

362. *Với tâm muôn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như gióng thổi trong ruộng.*

363. *Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Từ bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,*

Chứng Niết-bàn vô lậu.

(CCVIII) *Sonakutikanna (Thera. 40)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ *Avanti*, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là *Sona*. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là *Koti* hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá). Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão *Kaccàna*. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến *Sàvatthi* để yết kiến Thé Tôn. Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: 'Thấy sự nguy hiểm của một đời thê tục', ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bổn Sư băng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão *Mahà Kaccàna* giao cho ngài hỏi, ngài trả về chỗ cũ và thưa lại với bậc giáo thọ sư của mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập *Udàna* và tập sớ *Anguttara*, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thanh đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

364. *Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thé Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

365. *Thé Tôn, trải nhiều ngày
Sóng ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

366. *Trải y Tăng-già-lê
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

367. *Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,
Sona thuyết diệu pháp.*

368. *Liễu Tri Nǎm thủ uẩn,
Tu tập con đường Thánh
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.*

(CCIX) *Kosiya (Thera. 41)*

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở *Magadha* và được đặt tên là *Sona*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão *Sàriputta* thuyết pháp, tin tưởng ở nơi

giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

369. Ai hiểu những lời dạy
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.

370. Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,
Biết thù thắng trong Pháp.

371. Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Té nhị và vi diệu,
Bậc trí trú bất động,
Biết thù thắng trong Pháp.

372. Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thi,
Biết thù thắng trong Pháp.

373. Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.

**CHƯƠNG VI
PHẨM SÁU KỆ**

(CCK) Uruvelà Kassapa (Thera. 42)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm anh cả trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên *Kassapa*, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà. Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ. Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là *Uruvelà Kassapa* vì ngài ở *Uruvelà*. Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là *Yasa* được hóa độ, sự xuất phát của vị A-la-hán đê thuyết pháp độ sanh, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến *Uruvelà*. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nghiệp phục con rắn, *Kassapa* khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng kinh *AAdittapariyaya* cho ba anh em *Kassapa* với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vẩn ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lồng đựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng té tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhẫn ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.*

380. *Do đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Dịch ấy ta đạt được,
Mọi kiết sử tận diệt.*

(CCXI) Tekicchakàri (Thera. 42)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên *Subuddha*. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là *Tekicchakari* (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình. Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua *Candagotta*, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. *Tekicchakari* nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tịnh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khổ khăn của mình. Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, chọn cho ngài một đè tài tu tập và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được thành quả. Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cám dỗ ngài nên nói như sau:

*381. Lúa đã gặt thâu xong
Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?*

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: 'Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phần việc để ta thuyết giảng'. Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

*382. Hãy niệm Phật vô lượng!
Tâm hân hoan thoái mái,
Thân thấm nhuần hỷ tho,
Luôn luôn cảm phản chân.*

*383. Hãy niệm Pháp vô lượng!
Tâm hân hoan thoái mái,
Thân thấm nhuần hỷ tho,
Luôn luôn cảm phản chân.*

*384. Hãy niệm Tăng vô lượng!
Tâm hân hoan thoái mái,
Thân thấm nhuần hỷ tho,
Luôn luôn cảm phản chân.*

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

*385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Có cửa đóng then gài.*

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

*Ta sẽ cảm tho được,
Với bốn tâm vô lượng,
Ta sẽ sống an lạc
Với những tâm tư áy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.*

Nói vậy, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua *Bindusàra*, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

(CCXII) *Mahà-Nàga (Thera. 43)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại *Sàketa*, con trai một Bà-la-môn tên *Madhu Vasettha* và được đặt tên là *Mahà-Nàga*. Ngài thấy thần thông do Trưởng lão *Gavampati* thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng *Anjana*, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả A-la-hán nhờ vị này giáo huấn.

Ngay khi ngài an trú trong an lạc giải thoát, Trưởng lão *Mahà-Nàga* thấy sáu Tỷ-kheo thường hay không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, và ngài giáo huấn họ với những bài kệ như sau, những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài:

387. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng thối giảm diệu pháp
Như cá mắc nước cạn.*

388. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Không lớn trong diệu pháp,
Như gióng thổi trong ruộng.*

389. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng xa rời Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.*

390. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Không thối giảm diệu pháp,
Như cá được nước nhiều.*

391. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Lớn mạnh trong diệu pháp,
Như gióng tốt trong ruộng.*

392. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Họ đến gần Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.*

(CCXIII) *Kulla (Thera. 43)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là *Kulla*, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia. Nhưng ngài thường bị tham dục chi

phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một đè tài bát tịnh và khuyên ngài thiền quán trong một nghĩa địa. Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bát tịnh. Khi *Kulla* đã được tự tại thoát ly, Thệ Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đấy phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla* đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vật ném trong nghĩa địa,
Làm mồi cho sâu ăn.

394. *Kulla*, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhôp hôi thối,
Nước ú chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.

395. Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.

396. Đây thé nào, kia vậy,
Kia thé nào, đây vậy,
Dưới thé nào, trên vậy,
Trên thé nào, dưới vậy.

397. Ngày thé nào, đêm vậy,
Đêm thé nào, ngày vậy,
Trước thé nào, sau vậy,
Sau thé nào, trước vậy.

398. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chọn chánh thiền quán pháp.

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CCXIV) *Màlunkyaputta* (Thera. 43)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua *Kosala*, và mẹ là *Màlunkyya*, nên ngài được gọi là *Màlunkyaputta* (con bà *Màlunkya*). Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một du sĩ ngoại đạo. Khi nghe Thệ Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thệ Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được sáu thắng trí. Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự. Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống phóng dật,
 Ái lớn như cây leo,
 Sóng trôi nổi luân chuyển,
 Đời này qua đời khác,
 Như con khỉ trong rừng,
 Thèm muôn các trái cây.

400. Khát ái khốn nạn này
 Thảm độc cả thế giới,
 Khi đã chinh phục ai,
 Khiến sầu muộn tăng trưởng,
 Chẳng khác giống cỏ rừng,
 Lan tràn và lớn mạnh.

401. Ai nghiệp phúc được ái,
 Khốn nạn, khó chinh phục,
 Sầu roi khỏi vị ấy,
 Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
 Ta thuyết điệu lành áy,
 Hãy đào rẽ khát ái,
 Như tìm rẽ ngon ngọt,
 Loại cỏ u-sì-ra,
 Chớ để Ma, dòng nước,
 Tân phá ông cây lau.
 Liên tục vây mãi mãi.

403. Hãy hành lời Phật dạy,
 Chớ để Sát-na qua,
 Sát-na qua, sầu khổ,
 Thọ quả trong địa ngục,

404. Phóng dật như bụi bặm,
 Bụi nho, do phóng dật,
 Không phóng dật, minh tri,
 Nhổ mũi tên khỏi ta.

(CCXV) **Sappadàsa (Thera. 44)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn té lẽ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm. Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thịnh linh, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được hăm lăm năm,
 Từ khi ta xuất gia,
 Nhưng đến một búng tay,
 Ta không đạt tâm tĩnh.

406. *Nhứt tâm không đạt được,
Bị dục tham chi phổi,
Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tình xá, ta đi.*

407. *Ta sẽ đem dao lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.*

408. *Rồi ta cầm con dao
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.*

409. *Rồi ta tự tác ý,
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiên lộ
Nhàm chán, ta an trú*

410. *Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vạy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

(CCXVI) *Kàtiyàna (Thera. 45)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Sàvatthi*, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ *Kosiya*, nhưng được gọi là *Kàtiyàna*, theo gia đình của bà mẹ. Thầy bạn của mình là *Sàmannakàni* trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài quá buồn ngủ nên té xuống. Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: 'Này *Kàtiyàna*!'. Ngài liền đứng dậy, đánh lẽ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thê Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. *Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thù động biéng nhác
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

412. *Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy sanh và già,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một hòn đảo an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,*

Như là chỗ nương tựa.

413. *Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trói buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm có kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

414. *Tù bồ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cao trọc tron láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!*

415. *Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!
Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.*

416. *Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nầm rập xuống,
Hỡi bà con Tu-đa,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.*

(CCXII) *Migajàla (Thera. 45)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visakhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán, khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. *Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi luân chuyển hoạt diệt.*

418. *Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác cǎn,
Chặt dứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.*

419. *Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cang đánh nát,
Mọi chấp trì của thức.*

420. *Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.*

421. *Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường Thánh tâm nganh,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.*

422. *Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ẩn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.*

(CCXVIII) Jenta (Thera. 45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra làm con của vị cố vấn tế tự cho vua Kosala và được đặt tên là *Jenta*. Khi lớn lên, ngài trở thành kiêu mạn với những quyền lợi về sanh, tài sản, địa vị, khinh bỉ những gì đáng phải kính trọng và cứng cỏi trong kiêu hãnh. Một hôm, ngài đến gần bậc Đạo Sư đang thuyết pháp cho một số đông, nghĩ rằng: 'Nếu Sa-môn Gotama nói với ta trước, ta sẽ nói, ta không tự ý nói với Sa-môn Gotama!'. Thê Tôn không nói với *Jenta*, và *Jenta* vì lòng kiêu mạn cũng không nói. Sau cùng ngài nêu rõ lý do vì sao ngài đến và Thê Tôn nói với ngài như sau:

*An trú triền kiêu mạn,
Thật sự là không tốt,
Hồi này Bà-la-môn,
Nên an trú lợi ích.
Điều thiện ông tầm cùu,
Khi ông đến tại đây,
Chỉ trên đáy mà thôi,
Ông hãy nên an trú.*

Jenta nghĩ rằng: 'Thê Tôn đã biết tư tưởng của ta, cảm thấy xúc động mạnh và đánh lẽ chân Thê Tôn'. Rồi ngài thưa với bậc Đạo Sư:

*Với ai, không nên kiêu?
Với ai, cần cung kính?*

*Với ai, phải tôn trọng?
Cung kính ai là thiện?
Thέ Tôn trả lời:
Với cha và với mẹ,
Với anh cả, với thày,
Với các Bà-la-môn,
Với Sa-môn áo vàng,
Với những vị như vậy,
Nên cung kính tôn trọng,
Cung kính các vị ấy,
Là việc làm tốt lành.
Với các bậc La-hán,
Tịch tịnh và hữu học,
An tịnh, không cầu uế,
Mọi kiêu mạn chán dirt,
Khi đạt đến mục tiêu,
Hãy tôn trọng vị ấy.*

Với lời dạy này, Jenta chúng được quả Dự Lưu, xuất gia và sau một thời gian, chúng quả A-la-hán. Nói lên sự thành công, ngài tuyên bố chánh trí của ngài:

423. *Ta say đắm tự kiêu,
Với sanh chủng, tài sản,
Kẻ cá với quyền lực,
Địa vị và dung sắc,
Ta sống kiêu mạn vây.
Tham đắm và mê say.*

424. *Ta quá súc kiêu hanh.
Xem không ai bằng ta,
Si mê, quá tự hào,
Kiêu căng và cống cao.*

425. *Mẹ cha và người khác,
Được cung kính tôn trọng,
Ta không lẽ một ai,
Kiêu hanh, không lẽ phép.*

426. *Thấy lãnh đạo đệ nhất,
Tối ưu Điều Ngự Sư,
Như mặt trời sáng chói,
Cầm đầu chúng Tỷ-kheo.*

427. *Gạt bỏ mạn, kiêu hanh,
Với tâm thật an lành,
Với đầu ta đánh lẽ,
Bậc tối thượng chúng sanh.*

428. *Quá mạn, ty liệt mạn,
Từ bỏ, nhổ tận gốc,*

*Ngã mạn được chặt đứt,
Mọi loại mạn tận diệt.*

(CCXIX) Sumana (Thera. 46)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả *Anuruddha*. Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi đứa trẻ lên bảy tuổi. Do cẩn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được sáu thắng trí trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão. Cầm được cái bình đê xách nước, *Sumana* với thân thông, đi đến hồ *Anotatta*, một con xà vương ác độc, phỏng mang ngưỡng đâu lên không cho ngài lấy nước. Rồi *Sumana* hóa thành con chim *Garuda* (Kim xí điểu) nghiệp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão. Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn *Jetavana*, thấy ngài bay về, liền gọi *Sàriputta* cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ. *Sumana* để nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, mới bảy tuổi,
Với thân thông ta điêu,
Con xà vương thân lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vây bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. Này Sà-ri-put-ta!
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có thân thông uy lực,
Thuần thực và điêu luyện.

433. Thuần lương nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,
Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điêu phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,

*Sa-di Sumana,
Muốn: 'Không ai biết ta'.*

(CCXXX) Nhàlaka - Muni (Thera. 46)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bực Nhàlaka (cấp bực tắm rửa). Trở thành một ẩn sĩ, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuân, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè. Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: 'Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?'. Rồi đức Phật giảng về hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài. Và từ quả Dụ Lưu ngài chứng quả A-la-hán. Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi, ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bậc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

*435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỳ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.*

*436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*437. Tu tập Bảy giác chi,
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ thiền tế nhị,
Con sống không lậu hoặc.*

*438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.*

*439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Thông dù, không khởi nữa.*

*440. Năm uẩn được liễu tri,
Chúng đứng, rẽ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.*

(CCXXI) Brahmadatta (Thera. 46)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là *Brahmadatta*, ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng *Jetavana*, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng sáu thắng trí với lòng tin và hiểu biết về nghĩa, bởi lòng tin và hiểu biết về Pháp.

Một hôm ngài đi khất thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn áy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. Từ đâu phẫn nộ khởi,
Với người không phẫn nộ,
Với người được nghiệp phục,
Sóng nếp sóng thẳng bằng.
Với vị trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.

442. Vói ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người áy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người áy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người áy,
Vừa lợi mình lợi người,
Biết người khác phẫn nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là thầy thuốc cả hai,
Cho mình và cho người,
Quán chúng nghĩ là ngu,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng áy nghe những lời này, cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài. Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy đê tài quán từ bi, như vậy ngài dạy cho phương pháp để đối trị phẫn nộ:

445. Nếu phẫn nộ nổi lên,
Hãy nghĩ dụ cái cưa,
Nếu tham vị khởi lên,
Hãy nghĩ dụ thịt con.

446. Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sunsumàragira* trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thé Tôn thuyết pháp ở rừng *Bhesakalà*, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bôn *Pàtimokkhà* đang được đọc, đến phần cuối phân giới thiệu nói về một lỗi bị phạm được nhẹ đi nếu phát lộ sám hối, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phân khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: 'Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!'. Rồi phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phân khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,*
Trên tội được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được phát lộ,
Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.

448. *Đời bị chết áp đảo,*
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên ái đâm,
Thường bị dục huân tập.

449. *Đời bị chết áp đảo,*
Và bị già bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*
Cả ba, chết bệnh già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. *Chớ để ngày trống rỗng,*
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi hay đứng,*
Hoặc ngồi hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Ngươi không thời phóng dật.

(CCXXIII) *Sabbhakàma (Thera. 47)*

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở *Vesàli*, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*. Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Tôn giả *Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về *Vesàli* với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình. Vợ ngài lúc trước, buôn khổ, gầy mòn, áo xiêm không săn sóc, nước mắt chảy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho dục vọng nổi lên. Như con ngựa khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để quán bất tịnh. Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp

mắt, và với một số tùy túng đong đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình; nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các dục vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tĩnh và hối thối,
Đây các loại tử thi,
Từ đây, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu mòc,
Với khỉ, dùng hầm hố,
Phàm phu bị bắt vây.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hướng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hãi hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lâu hoặc tận.*

**CHƯƠNG VII
PHẨM BÁY KỆ**

(CCXXIV) Sundara-Samudda (Thera. 49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Samudda. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là Sundara-Samudda, khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Rājagaha, với lòng tin và với thiên tính tự nhiên, ngài xuất gia. Được giao cho một đè tài thiền quán, ngài đi từ Rājagaha đến Sāvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sāvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tạng phẩm. Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sāvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hàng ngày để khất thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm dỗ ngài. Và ngài một tư tưởng thế tục thoáng qua, ngài cương quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định, thiền quán và chứng được sáu thăng trí. Ngài diễn đạt quả chứng của ngài như sau:

459. Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi son màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.

460. Chân rút ra khỏi dép,
Chắp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta;

461. Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phuơng tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thê.

462. Khi chàng em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ áy,
Chắp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Như thần chết gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiền lô,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

(CCXXV) *Lakuntaka-Bhaddiya (Thera. 49)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là *Bhaddiya*, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là *LakuntakaBhaddiya* (*Bhaddiya* người lùn). Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt. Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đè tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, phát triển thiền quán và trở thành một vị Bất Lai. Về sau nhờ Tôn giả *Sàriputta* dạy tu thân hành niệm, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,
Tên Ambataka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái cẩn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì thân hành niệm,
Thường hăng ở mọi giới.

469. Cuối chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì dục tham chi phói.

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chân bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lôi cuốn.

471. Không biết được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lôi cuốn.

472. Quán trí được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chuồng ngai,

Không bị tiếng lôi cuốn.

(CCXXVI) Bhadda (Thera. 50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dù đã có cầu khẩn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: 'Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!'. Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: 'Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn'. Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triển thiền quán và chứng được sáu thắng trí.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: 'Hãy đến này Bhadda!' Ngài đến, chấp tay đảnh lễ bậc Đạo Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì. Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất
Được cha thương mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cảm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật*

475. *Được đứa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tê nhí,
Được nuông chiều săn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc círu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,
Nó sẽ thành thuần lương.*

477. *Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.*

478. *Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,*

*Tù yên lặng thiền tịch,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

479. *Tù sanh, đến bảy năm,
Ta được thọ Đại giới,
Ba minh ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

(CCXXVII) *Sopaka (Thera. 50)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng định, và do thọ sanh, ngài được gọi là *Sopaka* (người cùng định). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập *Apadàna* chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopaka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người cậu nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muôn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đúra con nít kêu khóc:

*Thế nào là định mệnh,
Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đúra trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đúra trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đúra trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đứng có sơ hải,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Rahu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đúra trẻ bứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật! Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đúra con. Bà thưa với Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đúra con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?'. Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thé Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thé Tôn rút lại thần thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bỗng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thé Tôn. Thé Tôn muốn thử độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: 'Thê nào là một pháp?'. Ngài hiểu được ý Thé Tôn liền trả lời: 'Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...', với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: 'Đặt trẻ với những câu hỏi'. Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

*480. Thầy bắc Tối thương nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đánh lễ bậc Tối thương.*

*481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đứa lên,
Đi theo bậc Vô cầu,
Tối thương trên mọi loài.*

*482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.*

*483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỳ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:*

*484. Lợi ích thay, dân chúng,
Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vi áy,
Y được thuốc sàng tạ,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy,*

*485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,*

*Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.*

*486. Bảy năm từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.*

(CCXXVIII) Sarabhanga (Thera. 50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ràjagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một ẩn sĩ, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là *Sara-Bhanga*, (người bẻ gãy cọng cây lau). Thέ Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thέ Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am. Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

*487. Tay bẻ những cây lau,
Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
'Người bẻ gãy cây lau'.*

*488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.*

*489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh áy nay được thấy,
Do lời bậc siêu thiên.*

*490. Chính đường áy đã đi,
Vibassi, Sikhi,
Kẻ cá Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường áy,
Gotama đã đến.*

*491. Ly ái, không chấp thủ,
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,
Bởi các vị chứng Pháp.*

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn sự thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tài sanh khác không còn,;
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

CHƯƠNG VIII
PHẨM TÁM KỆ

(CCXXLX) Mahà-Kaccàvana (Thera. 52)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại *Ujjenì* trong gia đình của vị cô vân nghi lễ cho vua *Candapajjota*. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là *Kaccàna* theo dòng họ. Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: 'Hãy đến các Tỷ-kheo!', cả tám vị được cất tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến *Ujjenì* để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói *Kaccàna* tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. *Kaccàna* theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bốn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy, và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quẫn chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là 'đống bùn',
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tuy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.*

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,
Chư Thiên biết mình vậy.*

498. *Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,*

*Những ai biết được vậy,
Bậc trí sống lắng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về cơn mộng:

*500. Với tai nghe tất cả,
Với mắt thấy tất cả,
Kẻ trí bỏ tất cả,
Như không thấy không nghe,*

*501. Có mắt, như kẻ mù,
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.*

(CCXXX) *Sirimitta (Thera. 52)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là Sirimitta; mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đỗi với bậc Đạo Sư nghiệp phục con voi Dhanapala. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bốn Pàtimokha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tính khác như sau:

*502. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.*

*503. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỷ-kheo thường hộ căn,
Đời sau không ưu sầu.*

*504. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỷ-kheo giữ thiện giới,
Đời sau, không ưu sầu.*

*505. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỷ-kheo thiện bằng hữu,*

Đời sau không ưu sầu

506. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỳ-kheo thiện trí tuệ,
Đời sau, không ưu sầu.

Sau khi thuyết giảng về phẫn nộ, hận... ngài nói đến con đường siêu thoát, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nép giới hạnh,
Được thiện nhân tán thán,
Được bậc Thánh tùy hỷ.

508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.

509. Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt túy lời Phật.

(CCXXXI) Mahà-Panthaka (Thera. 53)

Khi bậc Đạo Sư đi đến *Rajagaha*, chuyển bánh xe pháp, *Panthaka*, con đầu lòng của con gái một nhân viên giàu có trong Ủy ban thành phố, và một trong những người nô tỳ của phụ thân của người con gái, cả hai thường đi đến ông ngoại để nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin với thiền quán. Sau khi xuất gia, ngài trở thành thiện xảo trong lời dạy của bậc Đạo Sư và trong bốn thiền, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. An trú trong an lạc thiền quán và quả chứng, ngài hồi tưởng lại sự thành công của mình, và sung sướng rống tiếng rồng con sư tử như sau:

510. Khi đầu tiên ta thấy,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Xúc động khởi noi ta,
Thấy được người Tối thượng.

511. Ai cả tay cả chân,
Cảu khẩn thán may đến,
Với cử chỉ như vậy,
Khiến Đạo Sư hoan hỷ,
Vị ấy không thể đạt,
Như sở nguyện của mình.

512. Còn ta đã từ bỏ,

Vợ con, tiền, lúa, gạo,
Sau khi cạo râu tóc,
Ta xuất gia không nhà.

513. Học, sinh hoạt đầy đủ,
Các căn khéo chế ngự,
Đánh lẽ bậc Chánh giác,
Ta trú, không khuất phục.

514. Rồi ta khởi ước nguyện,
Tâm an trú tha thiết,
Ta quyết không ngồi nữa,
Đầu chỉ là một phút,
Cho đến khi rút được,
Rút mũi tên tham ác.

515. Ta an trú như vậy,
Hãy xem nhở nỗi lực,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

516. Ta biết được đời trước,
Thiên nhẫn được thanh tịnh,
Ta xứng được cúng dường,
Giải thoát khỏi sanh y.

517. Như đêm trở thành sáng,
Khi mặt trời mới mọc,
Mọi khát ái khô kiệt,
Ta vào, ngồi kiết-già.

CHƯƠNG IX
PHẨM CHÍN KỆ

(CCXXXII) Bhùta (Thera. 54)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bận lên hâu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là Bhùta, vì do nguyện cầu được sanh ngài: 'Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ'. Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu dài như Yasa. Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ悯 và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chét là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liều tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đãy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với tuệ, thấy được,
Con đường lành vô thương,
Gồm hai lân bốn phần,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập con đường,
Không sâu, không cầu uê,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rèn,
 Tiếng trống mây giông tố,
 Khắp con đường chim bay,
 Dòng mưa dày đặc đổ,
 Tỳ-kheo đi đến hang,
 Tu tập, ngồi thiền định,
 Không tìm thấy lạc nào,
 Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
 Những vòng hoa rừng núi,
 Nở lên và chói sáng,
 Với nhiều màu nhiều sắc,
 Với tâm tư thoái mái,
 Ngồi thiền trên bờ sông,
 Không tìm thấy lạc nào,
 Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rìng vắng,
 Trời đổ trận mưa rào,
 Loài có ngà có nanh,
 Đang sóng đang gầm thét,
 Tỳ-kheo đến triền núi,
 Ngồi yên lặng tọa thiền,
 Không tìm thấy lạc nào,
 Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi tâm túchế ngự
 Giữa núi, trong hang động
 Thoái mái tự ngồi thiền,
 Không sợ không chướng ngại
 Không tìm thấy lạc nào,
 Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được hỷ lạc,
 Không ué chướng, không sâu,
 Không tú túng, thoát ái,
 Không bị mũi tên đâm,
 Mọi lậu hoặc chấm dứt,
 Vị ấy ngồi tọa thiền,
 Không tìm thấy lạc nào,
 Ưu việt hơn lạc này.

**CHƯƠNG X
PHẨM MUỐI KỆ**

(CCXXXIII) Kàludàyin (Thera. 56)

Ngài sanh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*. Bảy vị cùng sanh một lần trong ngày, Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của *Ràhula* và bốn vật báu: roi báu, con ngựa *Kanthaka*, *Channa* và *Kàludàyin*. Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là *Udayin*, và vì ngài da đen nên được gọi là *Kàludàyin*. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát. Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (*Veluvana*), chuyển bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: 'Hãy đến, này các Tỷ-kheo'... và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyển thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự. Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và *Kàludàyin* hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về đâu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán, nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trổ bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thé Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tim đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đằng Đại anh hùng,
Nay là thời hương vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thé Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

530. *Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

531. *Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông nghiệp tiếp tục cày,*

*Thúc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

532. *Ăn xin tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho
Tiếp tục lên Thiên giới.*

533. *Bậc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ
Gia đình ấy được sanh,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sỹ chân danh.*

534. *Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi Tịnh Phạn vương,
Còn mẹ bắc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ doanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với hai mươi ngàn vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần. Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xung ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. *Ta là con đức Phật,
Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

(CCXXXIV) *Ekavihāriya(Tissa Kumāra) (Thera. 57)*

Ngài sanh ra, sau khi đức Phật đã nhập Niết-bàn là con trai nhỏ nhất của vua Dhammäsoka. Vua Asoka, đến năm thứ 218 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, đã thống nhất toàn thể Ấn Độ trong một đế quốc. Vua

phong em trai thứ ngài là *Tissa* làm Phó vương, và vận động em ngài ủng hộ cho Giáo hội.

Còn ngài trong khi đi săn thấy Trưởng lão *Mahà Dhammarakkhita* ngồi dưới gốc cây, cảm xúc rất mạnh, tự mình muốn sống trong rừng. Khi ngài chứng kiến Trưởng lão hiện thần thông, ngài trở về lâu đài, và nói với vua *Asoka* ngài muốn từ bỏ cuộc đời thế tục. Vua *Asoka* không thể làm ngài thay đổi sự quyết định của mình. Tha thiết sống đời sống một ân sĩ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

537. *Khi trước mặt sau lưng,
Không có một người nào,
Như vậy an lạc lớn,
Sống một mình trong rừng.*

538. *Ta sẽ đi một mình,
Đến ngôi rừng Phật khen,
Hướng an lạc đã được,
Vị Tỳ-kheo thọ hương,
Nhờ sống đời tinh tấn,
Sống riêng chỉ một mình.*

539. *Ta sẽ gấp vào rừng,
Một mình, sống lý tưởng,
Ngôi rừng được loài voi,
Cuồng loạn sống tự do,
Trú xú đêm hoan hỷ,
Cho ân sĩ thiền định.*

540. *Trong ngôi rừng Sì-ta,
Với núi hang nước mát,
Sau khi rửa tay chân,
Ta kinh hành một mình.*

541. *Sóng một, không sóng hai,
Trong rừng lớn đẹp đẽ,
Ta sẽ sống tại đây,
Việc xong, không lậu hoặc.*

542. *Như vậy, ta muốn làm,
Mong ước nguyện thành tựu,
Ta sẽ có lòng tin,
Không ai làm ai được.*

543. *Ta cột áo giáp lại,
Sẽ vào trong rừng sâu,
Ta không ra khỏi rừng,
Nếu chưa đạt lậu tận.*

544. *Trong khi gió nhẹ thổi,
Mát lạnh, thơm mùi hương,
Ta ngồi trên chỏm núi,
Ta sẽ phá vô minh.*

545. Trên tẩm thảm hang động,
Trải đầy những hoa rìng,
Ta hưởng lạc giải thoát,
Tại vòng đai núi rìng.

546. Chí nguyện ta viên mãn,
Giống như mặt trăng rằm.
Mọi lậu hoặc tận trừ,
Nay không còn tái sanh.

(CCXXXV) Mahà Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) (Thera. 58)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên *Kukkuta*, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi vua với tên là *Mahà-Kappina*. Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở *Sàvatthi*. Các thương gia của thành phố *Sàvatthi* đem đồ đến *Kukkutta* bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở *Sàvatthi* và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: 'Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời'. Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thương chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến Pháp báu và Tăng báu, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia. Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bồ Đề Sư và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông *Candabhàgà*.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xung quanh thế giới và thấy *Mahà Kappina* đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào *Sàvatthi* khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông *Candabhàgà*, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bến nước và phóng hào quang. *Mahà Kappina* và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật. Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: 'Hãy đến, các Tỷ-kheo', và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về *Jetavana* ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi *Mahà Kappina* có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi *Mahà Kappina* và khuyên *Mahà Kappina* thuyết pháp cho đại chúng. *Mahà Kappina* vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận *Mahà Kappina* là vị thuyết pháp đệ nhất cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Đầu quan sát kỹ càng.

548. Với ai khéo tu tập,

*Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như trăng thoát vùng mây.*

*549. Tâm ta thật trăng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, ché ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

*550. Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiên, như không sống.*

*551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.*

*552. Pháp này thuộc hiện tại,
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.*

*553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hàng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.*

*554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.*

*555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,*

*Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

(CCXXXVI) Cùla-Panthaka (Thera. 59)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập só *Cùlasetthi-Jataka*. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

*557. Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, ngươi hãy về nhà.*

*558. Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sầu khổ, đứng tại đây,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

*559. Tại đây, Thέ Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Đặt ta vào Tăng xá.*

*560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta khăn lau chân;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.*

*561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sóng hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.*

*562. Ta biết được đói trước,
Thiên nhẫn ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*563. Pan-tha-ka hóa hiện,
Dưới hàng ngàn hình thức,
Ngồi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.*

*564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.*

565. *Đánh lě chán Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.*

566. *Bậc nhận đồ té vật,
Cả toàn thế giới,
Là phuort điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.*

(CCXXXVII) *Kappa (Thera. 59)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc *Magadha*, làm con một vua bẩn xú, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hướng thụ các dục vọng. Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng *Kappa* có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đên *Kappa*, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đây nhiều loại uế vật,
Chỗ chưa còn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

568. *Đây những máu và mủ,
Chìm đầm, trong hố phân,
Thân ú nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trết dùng thịt làm hò,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thối vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bộc luru,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Di theo gốc khát ái,*

Che trùm bởi màn si.

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

575. *Ai nghĩ 'thân của tôi',
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mồ phàn đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

576. *Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phán,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chíng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sơ hãi và nhảm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia. Bậc Đạo Sư giao cho một Tỳ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đè tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

(CCXXXVIII) *Upasena, Con Của Vanganta (Thera. 60)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng *Nālaka*, làm con của nữ Bà-la-môn *Rūpasāri* và đặt tên là *Upasena* (anh của *Sāriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà. Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột gióng Thánh chủng, độ cho một Tỳ-kheo và với Tỳ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cùi chỉ hấp tấp của ngài. Rồi *Upasena* suy nghĩ: 'Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quở trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán'. Rồi tu tập thiền quán. Ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài chấp nhận lời sống hạnh đầu đà và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thê Tôn chấp nhận ngài là đệ tử rất được nhiều người biết đến.

Một Tỳ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỳ-kheo ở *Kosambi* tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. *Upasena* dạy Tỳ-kheo ấy như sau:

577. *Xúi viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỳ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đóng rác rưởi,
Từ một phần, xa lô,
Làm Y Tăng-già-lé,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tu hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỳ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo ché ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ân sỉ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,
Tại gia và xuất gia.*

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Ché ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Dúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn耐,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiên.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sóng nếp sóng như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

(CCXXXIX) Gotama (Thera. 61)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đúc Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyển bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc) Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc. Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

587. *Hãy biết hạnh phúc mình,*

*Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.*

*588. Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

*589. Với tâm kính chư Phật,
Trong Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*590. Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*591. Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*592. Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo*

*593. Giới hạnh và học nhiều,
Như thật nghiên cứu pháp,
Thiện quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*594. Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*595. Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn là lực,
Thu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

*596. Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và

chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

CHƯƠNG XI
PHẨM MƯỜI MỘT KỆ

(CCXL) Sankicca (Thera. 62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong đời sống cuối cùng không thể chết được, trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi *Sineru* (Tu-di). Khi lén bảy tuổi, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài; ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả *Sàriputta*, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo. Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập sớ *Dhammapàla*.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. *Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sóng một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, để nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. *Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Trưởng ta bay tràn khắp,
Trưởng dung hòa viễn ly.*

599. *Quá đen, từ trúng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

600. *Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

601. *Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tảng đá áy ta thích.*

602. *Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xú xa vắng,
Chỗ trú rừng qua lại.*

603. Hãy hại chúng, giết chúng!.
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hùa hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.

604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.

605. Ta không thích thú chét,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

606. Ta không thích thú chét,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.

CHƯƠNG XII
PHẨM MƯỜI HAI KỆ

(CCXLI) Silavat (Thera. 63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisàra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Silavat. Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajatasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo Mahà Maggallàna đi mời ngài đến. Hoàng tử Silavat xuông voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajatasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. *Ở đây hãy học giới,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,
Đưa đến mọi thành công.*

609. *Bậc trí hãy hộ giới,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.*

610. *Người trì giới, tự chế,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mắt mát các bạn bè.*

611. *Người ác giới chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bậc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.*

612. *Khỏi đầu, an trú giới,
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đính đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.*

613. *Giới hạn chế, phòng ngự,
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chư Phật,
Vậy hãy trong sạch giới*

614. *Giới sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường dại,
Giới, hương thơm vô thượng,*

*Giới, hương thoả đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

*616. Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới vận tải, đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

*617. Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xír,
Kẻ ngu không định giới,
Ưu tư khắp các chỗ.*

*618. Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh thoát giải,
Kẻ trí khéo định giới,
Hân hoan, khắp các chỗ.*

*619. Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí tuệ, tối thượng,
Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

(CCXLII) *Sunīta (Thera. 63)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói. Trong cảnh một Thê Tôn khởi lòng từ mẫn nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của *Sunīta*, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thê Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunīta* đang quét dọn. *Sunīta* đang quét các đống rác gom lại từng đống, đồ vào thùng rồi gánh mang đi. Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tim được chồ để ân núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chắp tay vái chào. Khi đức Bồ Đề Sư đến gần, đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không? Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: 'Hãy đến này các Tỷ-kheo!'. Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. Phát triển thiền quán, ngài chứng được thắng trí thứ sáu. Rồi *Sakka* và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đón Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đề Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunīta,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thê Tôn thấy ngài được chư Thiên doanh vây, Thê Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: 'Với giới sống Phạm hạnh' (kệ số 631). Rồi nhiều Tỷ-kheo, muôn rồng tiếng con sư tử hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những

bài kệ như sau:

620. *Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghè ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. *Ta bị người nhảm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lể quần chúng.*

622. *Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

623. *Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lě,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

624. *Lẽ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.
Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mãn khắp thế giới,
Nói: 'Hãy đến Tỷ-kheo',
Đại giới, ta thọ vậy.
Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như bậc chiến thắng dạy.
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chẵng giữa,
Thiên nhẫn ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khối si ám.
Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chắp tay đánh lě ta,
Đánh lě bậc Thượng sanh!
Đánh lě bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.
Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,*

*Nói với ta nghĩa này.
Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.*

CHƯƠNG XIII
PHẨM MUỜI BA KỆ

(CCXLIII) Sona-Kolivisa (Thera. 65)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hộ viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn. Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một thân hình như bàng vàng mịn và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là *Sona* (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lâu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyên bánh xe Pháp ở *Rājagaha* (Vương Xá). Vua *Bimbisāra* cho mời *Sona* đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia. Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đê tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: ‘Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thi sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!’. Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài bài học của cây đàn, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thủ và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thương pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bộc lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lại hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tinh giác,
Lại hoặc đi đến diệt.*

637. *Trên đường thẳng được thuyết,*

*Hãy bước, chờ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

*638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thé gian, Vô Thương Sư,
Dùng ví dụ chiết đàm,
Bậc pháp nhân, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

*639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*640. Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.*

*641. Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xír,
Tâm được khéo giải thoát.*

*642. Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.*

*643. Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

*644. Pháp ái bát khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hé lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

**CHƯƠNG XIV
PHẨM MƯỜI BỐN KỆ**

(CCXLIV) Revata (Thera. 67)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đê cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII). Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi. Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. Từ khi xa xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi thánh, liên hệ sân.

646. Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết lòng từ,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. Ta thích thú với tâm,
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bắc thiện hành trì.

650. Ta đạt được vô tâm,
Đệ tử bắc Chánh giác,
Với im lặng bắc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như núi đá không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không ué nghiẽm,
Luôn tìm sự trong sạch,

*Tôi nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỎ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hâu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống tháp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

657. *Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.*

658. *Nỗ lực, chờ phóng dật,
Đây lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

(CCXLV) Godatta (Thera. 67)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ nào cũng khác, sống bằng nghề buôn bán. Một hôm, một con bò ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng. Con bò tức giận vì sự tàn bạo của ngài nói lên giọng người: 'Này *Godatta*, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đậm ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!'. Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: 'Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?' Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hướng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huân luyện tốt đẹp,*

*Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. *Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.*

661. *Sóng trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phổi,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sâu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được lạc,
Gặp khổ lại chán chường,
Kẻ ngu bị não hại,
Chi phổi cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

663. *Những ai giữa khổ lạc,
Người dẹt không chi phổi,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan chán chường*

664. *Đối với được hay mất,
Với danh với không danh,
Đối với chê hay khen,
Với khổ hay với lạc.*

665. *Chúng tôi dính chõ nào,
Như giọt nước trên sen,
Bậc anh hùng mọi chõ,
Được lạc, không bị bại.*

666. *Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng không được,
Hon được không đúng pháp.*

667. *Người có danh, ít trí
Người có trí, không danh,
Không danh nhưng có trí,
Hon ít trí, có danh.*

668. *Được khen bởi kẻ ngu,*

Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí chê bai,
Hơn được người ngu khen.

669. Lạc do dục đem lại,
Khô do viễn ly sanh,
Khô do viễn ly sanh
Hơn lạc do dục sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chét,
Làm đúng pháp, có chét,
Hơn sống, làm phi pháp.

671. Ai đoạn dục phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu
Sóng ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu Giác chi,
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

CHƯƠNG XV
PHẨM MUỜI LĂM KỆ

(CCXLVI) Anna-Kondanna (Thera. 69)

Sanh trước Thế Tôn tại làng *Donavatthu*, không xa *Kapilavatthu* bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là *Kondanna*. Lớn lên, ngài biết ba tập Vô-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến đoán tướng. Đầu ngài mới học nghè, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đúra bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia. Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc hai mươi chín tuổi, *Kondanna* được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như *Vappa v.v...* và trong sáu năm sống ở *Uruvelā*, gần vi Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến *Isipatana* (chư Tiên đọa xứ). Rồi đức Phật đến *Isipatana*, thuyết kinh Chuyển Pháp Luân cho họ, và *Kondanna* cùng hàng vạn Phạm Thiên chứng được Sơ quả. Đến ngày thứ năm, nhờ bài kinh 'Vô Ngã Tướng', *Kondanna* chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là bậc Đệ nhất trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26). Và trong một trường hợp khi *Kondanna* giảng về Bốn sự thật, để cập đến ba tướng: Vô thường, Khô, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ánh hưởng mạnh mẽ đến *Sakka* (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

673. *Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

674. *Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,
Tướng tịnh rất hấp dẫn,
Liên hệ đến tham dục.*

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trấn áp xuống,
Các tư duy lảng díu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là vô thường
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhảm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

677. *Mọi hành là đau khổ,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhảm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

678. Mọi pháp là vô ngã,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhảm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy, và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. Trưởng lão Kondanna,
Giác ngộ bởi giác ngộ,
Đã sáu bén thoát ly,
Doan tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bộc lulu, bẫy mồi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bẫy mồi,
Chặt tăng đá khó phá,
Hành thiện, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lulu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các cẩn khéo ché ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.

683. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm, đây đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không u não.

683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.

684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

685. *Ta không thích thú chét,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

686. *Đạo Sư, ta hâu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

687. *Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Ta cần gì ở rừng.*

(CCXLVII) *Udàyin (Thera. 69)*

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở *Kapilavatthu*, trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão *Udàyin*: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và Đại *Udàyin*. Khi kinh Ví dụ con voi được thuyết giảng, trong kinh này, con voi *Sela* của vua *Pasenadi* được tán thán, ngài *Udàyin* này cảm thấy phấn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiền định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.*

690. *Loài người đánh lê Ngài,
Bậc đạt được bờ kia,
Đối với hết thảy pháp,
Chư Thiên đánh lê Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.*

691. *Vượt qua mọi kiết súc,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.*

692. *Vị áy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ
Đứng trên đỉnh núi cao
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.*

693. *Rồi ta sẽ tán thán,*

Nàga này cho người,
 Nàga không làm ác,
 Nên được gọi Nàga,
 Từ tốn, không làm hại,
 Là hai chân Nàga.

694. Chánh niệm và tính giác,
 Hai chân khác Nàga,
 Voi Nàga là tín,
 Ngà màu trắng là xả

695. Chánh niệm là cõi họng,
 Trí tuệ chỉ cho đầu,
 Suy tâm với cái vòi,
 Chỉ cho tư duy pháp.
 Hòa trú là bụng pháp,
 Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thở vô lạc,
 Nội tâm, khéo định tĩnh,
 Nàga đi, định tĩnh,
 Nàga đứng, định tĩnh.

697. Nàga nằm, định tĩnh,
 Nàga ngồi, định tĩnh,
 Trong tất cả tình huống,
 Nàga sóng ché ngự
 Đây thành tích Nàga.

698. Ăn đồ ăn không tội,
 Đồ có tội không ăn;
 Được đồ ăn, y phục,
 Từ bỏ, không tích trữ.

699. Kiết sủ té hay thô,
 Chặt đứt mọi trói buộc,
 Chỗ nào vị ấy đi,
 Bước đi, không kỳ vọng.

700. Như sen sanh trong nước,
 Lớn lên được tăng trưởng,
 Không có dính nước ướt,
 Thơm ngát, rất khả ái.

701. Cũng vậy bậc Chánh Giác,
 Sanh và trú ở đời,
 Không có dính sự đời,
 Như sen không dính nước.

702. Như đóng lửa cháy đỏ,

*Không cùi tự tắt dần,
Trong than tro lảng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

*703. Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

*704. Vô tham và vô sân,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

CHƯƠNG XVI
PHẨM HAI MUỐI KỆ

(CCXLVIII) Adhimutta (Thera. 71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sóng hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ. Khi ngài đi, ngài bị các kẻ cướp bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục. Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

705. Vì mục đích té đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy.

Adhimutta trả lời:

707. Chủ cướp! Tâm không khổ,
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chét, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chét,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. *Pháp tánh đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chét không sầu muộn.*

713. *Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chồ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.*

714. *Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm sanh hữu,
Như hòn sắt cháy đỏ.*

715. *Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?*

716. *Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thầy được như thật,
Không sợ hãi, thura ngài.*

717. *Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.*

718. *Ta nhảm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoai diệt,
Sẽ không có thân khác.*

719. *Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên sân, ái.*

720. *Kẻ áy nghe nói vậy,
Hy hữu, lông dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiém,
Thanh niên nói với ta.*

721. *Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sầu não?*

Adhimutta:

722. *Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.*

723. *Pháp này vị áy giảng,
Đưa đến đạt vô thương,
Theo lời dạy vị áy,
Được tánh không sâu não.*

724. *Kẻ cuớp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vát bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.*

725. *Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thê,
Họ tu tập Giác Chi,
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các cẩn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.*

(CCXLIX) *Pàràpariya (Thera. 72)*

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là Pàràpariya. Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thê Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh 'Căn tu tập Indriyabhàvana', nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia. Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng: 'Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này'. Sau khi suy tư về vấn đề các cẩn cảm thọ, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. *Khi Tỷ-kheo tên là,
Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên noi ngài:*

727. *Có gì là thứ lợp,
Là giới cảm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?*

728. Các căn của loài Người,
 Làm lợi ích, làm hại,
 Không hộ trì, làm hại,
 Có hộ trì, làm lợi.

729. Người chế ngự các căn,
 Người phòng hộ các căn,
 Người làm bốn phận mình,
 Không làm hại một ai.

730. Con mắt đi đến sắc,
 Không chế ngự ngăn chặn,
 Không thấy các nguy hiểm,
 Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ tai đi đến tiếng,
 Không chế ngự ngăn chặn,
 Không thấy sự nguy hiểm,
 Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
 Thọ hưởng các mùi hương,
 Vị ấy không thoát khổ,
 Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thương,
 Nhớ vị đắng tối thương,
 Bị ái vị nô lệ,
 Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm xúc,
 Đẹp đẽ và khoái cảm,
 Đam mê, duyên tham ái,
 Gặp nhiều loại đau khổ.

735. Ý đối các pháp này
 Tất cả là năm pháp,
 Không có thể phòng hộ,
 Khổ đi theo vị ấy.

736. Phản lợn các thân xác,
 Đầy tràn mủ và máu,
 Do người thù thắng làm,
 Thành hộp đẹp tó màu.

737. Cay đắng như vị ngọt,
 Khổ do khả ái buộc,
 Như dao bén đính mặt,
 Kẻ tham đâu có biết.

738. Ai tham đắm nữ sắc,

*Nữ vị, nữ xúc chạm,
Ai mê say nữ hương,
Gặp nhiều loại đau khổ.*

739. Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xúi,
Người có tinh thần lực,
Có thể ngăn chặn chúng.

740. Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó nghĩ việc áy,
Không phải việc nên làm,
Vị áy không phóng dật,
Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đây thật lạc tối thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sầu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. Như người mạnh dẽo gỗ,
Dùng ném đánh bắt ném,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng cắn đánh bắt cắn.

745. Tu tập tín, tấn, định,
Huấn luyện niệm, trí tuệ,
Dùng năm đánh đỗ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người áy hưởng an lạc.

(CCL) Kelakāni (Thera. 298)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt

tên là *Kelakāni*. Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyên Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, *Kelakāni* nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng tâm không an tĩnh.*

748. *Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào bất tử,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

749. *Mắc lưỡi câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vé-pa-xi-li,
Bị lưỡi Đề Thích trói.*

750. *Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sâu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

751. *Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ già chét,*

752. *Bị nghi hoặc trói buộc,
Bị hăng say chi phổi,
Khiến tánh tình phẫn nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng tham mạnh mẽ.*

753. *Bị cung ái bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững,*

754. *Các tùy kiến không đoạn,*

Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi,

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở;
Thân với sáu xúc xúi,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị lương y nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta,

578. Bậc Pháp chủ tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rời vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đó,
Căng thẳng và hồn ám.

760. Sấm trao cử nổ vang,
Mây kiết sứ bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. Khắp nơi, dòng suối chảy,
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chân đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả hãy làm đê,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gấp,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy bắc Đạo Sư,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với binh khí trí tuệ,
Chờ y chỉ cho người.

764. Dưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vĩng chắc,
Làm bằng lối Chánh pháp,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lâu niêm xú,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa thân kiến,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy bén tối thương.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy đường tối thương,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. Cột gút đã lâu ngày,
Ấn nầm, trú trong da,
Đức Phật cởi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

(CCLI) Ratthapàla (Thera. 75)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước *Kuru*, trong thành phố *Thullakotthita*, con của một hội viên hội đồng thành phố tên *Ratthapàla* và được gọi theo tên gia tộc, ngài được sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần. Khi đức Phật đến thuyết pháp ở *Thullakotthila*, *Ratthapàla* đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bắc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến *Thullakotthita* và đi khất thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử. Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia. Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cám dỗ của họ:

769. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,

Nhưng không gì trường cửu.

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bảo phủ,
Sáng chói nhở y phục.*

771. *Chân son với son, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mè hoặc kẻ ngu,
Không mè bắc câu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mè hoặc kẻ ngu,
Không mè bắc câu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới son,
Ué thân được trang điểm,
Chỉ mè hoặc kẻ ngu,
Không mè bắc câu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mồi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bẫy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mồi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hú không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cự sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hú không. Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: 'Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?'. Vị trưởng lão trả lời: 'Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái'. Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cắt chừa tiền,
Chạy theo dục càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiém đất,
Chiém ở đến bờ biển,
Biển bên này chưa thỏa,
Còn muốn biển bờ kia.*

778. Vua và rất nhiều người,
Ai chưa chết, đã chết,
Tài sanh, bị thiêu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
Nhưng ở đời lòng dục,
Không bao giờ thỏa mãn.

779. Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rói tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vải, chúng mang,
Dụng giàn hỏa, chúng thiêu.

780. Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, nghiệp nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. Tài sản không làm sao,
Mua được tuổi trường thọ;
Phú quý nào có thẻ,
Tránh khỏi được già suy.
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy tuệ thắng tài,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được círu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,

Ác độc và bất thiện.

785. Nhập thai, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. Như kẻ trộm bị bắt,
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các dục thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm tâm đắm say,
Với sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các dục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thưa Đại vương,

788. Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rời thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thưa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chọn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc thánh,
Tôi xuất gia không tôi,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. Thấy dục như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tĩnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.

792. *Đạo Sư, ta hẫu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

793. *Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

(CCLII) *Màlunkyaputta (Thera. 77).*

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường. Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thê Tôn về giáo lý vấn tắt, và được Thê Tôn trả lời:

- Này *Màlunkyaputta*, Ông nghĩ thế nào? Những pháp mà Ông chưa bao giờ thấy nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại Ông không có lãnh thọ và đối với chúng, Ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy Ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?".
- Thưa không, bạch Thê Tôn.

- Ở đây, này *Màlunkyaputta*, khi Ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, Ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời Ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ. Rồi *Màlunkyaputta*, nêu rõ ngài đã thâu nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. *Thấy sắc, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tâm nhập và an trú.*

795. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chúa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

796. *Nghe tiếng, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

797. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chúa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

798. *Ngùi hương, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm tho,
Xâm nhập và an trú.*

799. *Thọ người áy tảng trướng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

800. *Ném vị, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm tho,
Xâm nhập và an trú.*

801. *Thọ người áy tảng trướng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

802. *Cảm xúc, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm tho,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người áy tảng trướng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

804. *Biết pháp, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm tho,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người áy tảng trướng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

806. *Không tham nhiễm các sắc,
Thấy sắc, giữ chánh niệm,*

*Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.*

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Từ bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.*

808. *Như vậy, không chúa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,
Không tham nhiễm các tiếng,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Từ bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chúa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các hương,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chúa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.*

812. *Không tham nhiễm các vị,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.*

813. *Ném vị như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chúa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.*

814. *Không tham nhiễm các xúc,
Cảm xúc giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.*

815. Cảm xúc như thế nào,
Như vậy, có cảm tho,
Tù bô, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chừa khố,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. Không tham nhiễm các pháp,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm tho,
Không xâm nhập, an trú.

817. Cảm xúc như thế nào,
Như vậy, có cảm tho,
Tù bô, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chừa khố,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lê bậc Đạo Sư, rồi ra đi không bao lâu sau đó, phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

(CCLIII) Sela (Thera. 78)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở *Anguttarāpa*, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở *Apama*, ngài được đặt tên là *Sela*. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-dà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các *Mantrà* (thần chú) cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn. Trong khi ấy Thé Tôn rời bỏ *Sāvatthi*, đang du hành ở *Anguttarāpa* với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được tám tánh thuần thực của *Sela* và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi ân sĩ *Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn. Rồi *Sela* với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải *Keniya* đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi *Keniya* trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, *Sela* cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: 'Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật'. Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. Thân trọn đầy, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thé Tôn sắc vàng chói,
Răng tron láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. Mắt sáng, mặt tràn đầy,

*Cân đối, thăng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.*

821. *Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.*

822. *Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.*

823. *Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

Thê Tôn vâng theo ý muôn của Sela, trả lời:

824. *Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyên.*

Phạm chí Sela nói:

825. *Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.*

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài ai sẽ chuyên,
Pháp luân Ngài đã chuyên?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thê Tôn, đâu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thê Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thê Tôn: Này Sela,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyên bánh xe Chánh pháp,*

Thùa tự Như Lai vị.

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng.,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. *Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

831. *Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.*

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thê Tôn, muôn xuất gia và thura rắng:

832. *Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rủ róng trong rừng!*

833. *Thấy Phạm thiên vô tỳ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thắng!*

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thé Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,*
Chắp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thé Tôn lãnh đạo.

Rồi Thé Tôn, thấy được *Sela* trong các đời quá khứ, *Sela* cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuần thực đê xuất gia:

837. *Thé Tôn đáp: Sela,*
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Thé Tôn nói: 'Hãy đến, Tỷ-kheo!' Rồi với thần lực của Bổn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và *Sela* thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhẫn,*
Cách đây trước tam ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thé Tôn trong bảy đêm,
Đã nghiệp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.

839. *Ngài là bậc Giác giả,*
Ngài là bậc Đạo Su,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.

840 *Sanh y Ngài vượt qua,*
Lại hoặc Ngài nghiên nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không cháp, không sợ hãi.

841. *Ba trăm Tỷ-kheo này,*

*Đồng cháp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy đuổi chân bước tôi,
Hãy để các đại nhân,
Đánh lě bắc Đạo Sư.*

(CCLIV) Bhaddiya kàligodhà�aputta (Thera. 80)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một dòng họ Sàkya, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*. Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là đệ nhất trong những Tỳ-kheo thuộc về hoàng tộc. Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tĩnh, ngài thường thốt ra lời: 'Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!' Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dù ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. *Khi ta ngồi cỗ voi,
Mang đồ mặc tế nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.*

843. *Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

844. *Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

845. *Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

846. *Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

847. *Đi tùng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. *Ăn một bữa kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,*

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. *Ăn trong bát, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. *Không ăn thêm, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. *Sóng trong rừng, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. *Ngồi gốc cây, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. *Sóng ngoài trời, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

854. *Trú nghĩa địa, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

855. *Tùy xú trú, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

856. *Sóng thường ngồi, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

857. *Ham muón ít, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

858. *Sóng biết đủ, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,*

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. *Hạnh viễn ly, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. *Không giao du, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. *Sóng tinh càn, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. *Tù bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây quán đánh thứ hai.*

863. *Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm guom,
Ta đã sống sơ hãi.*

864. *Nay hiên thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.*

865. *An trú trên giới uẩn,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

(CCLV) **Angulimàlà (Thera. 80)**

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên *Bhaggava*, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thủ khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vì cố vấn nghi lẽ tìm hiểu các vì sao và kết luận con mình đã sanh trùng đám sao ăn trộm. Sáng sớm, ông đến chầu vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vì cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và khi được biết đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khôi bị giết.

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là *Himsaka*, và sau không thấy ngài làm hại ai nên

được gọi là *Ahimsaka*. Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ghen ghét, và xúi vị giáo sư chống lại *Ahimsaka*. Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo *Ahimsaka* trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu *Ahimsaka* đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi. Lòng hung ác đe néo của *Ahimsaka* được nỗi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào rừng *Jālini* ở *Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài diều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là *Angulimàlà* (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay). Khi vi hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt *Angulimàlà*. Mẹ của *Angulimàlà* khuyên chồng nên đi để bảo *Angulimàlà* hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà mẹ vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm *Angulimàlà* để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu *Angulimàlà* gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay; nay là đời sống cuối cùng của *Angulimàlà*, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn. Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng *Jālini* đều có nhiều người ngăn cản. Khi *Angulimàlà* thấy mẹ, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa *Angulimàlà* và người mẹ, *Angulimàlà* liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. *Angulimàlà* liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dù ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dù đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng. *Angulimàlà* yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính *Angulimàlà* cần phải đứng lại. Câu trả lời làm *Angulimàlà* khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: 'Ta đứng rồi'!
Ta đứng, Ngài lại nói:
'Sao nhà ngươi chưa đứng?'
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

867. *Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gãy trượng,
Còn ông đổi hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, *Angulimàlà* nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, tuệ quán đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thẩm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: 'Thật lớn thay, tiếng rồng sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta'. Ngài nói:

868. *Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,
Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.*

869. *Nói xong, tên tướng cuớp,
Liền quăng bỏ cây kiém,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cuớp đánh lẽ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.*

870. *Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỳ-kheo,
Như vậy, đổi vị ấy,
Thành tựu Tỳ-kheo tánh.*

Angulimàla sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khất thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn耐 chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải thiêu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.

874. *Mong rằng kẻ thù ta*

*Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta
Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta
Thân cận với những người
Đã đạt được an tĩnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.*

875. *Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về nhân nhục,
Tán thân về nhu hòa,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.*

876. *Vì chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tĩnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.*

877. *Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nghiệp tự thân.*

878. *Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiém.*

879. *Ta được tên Vô Hại,
Trước có tên Làm Hại,
Nay ta tên Chân Thật,
Ta không hại một ai.*

880. *Trước ta là tên cướp,
Lừng danh 'vòng ngón tay',
Chim đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.*

881. *Trước tay ta lấm máu,
Lừng danh, 'vòng ngón tay',
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.*

882. *Làm xong nhiều nghiệp vậy,*

*Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dì thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.*

883. *Những kẻ ngu vô trí
Đam mê sống phóng dật,
Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.*

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.*

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,
Tâm tư thật hirsng khởi.*

888. *Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mẫn!*

889. *Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.*

890. *Ái ly, không chấp thủ,
Căn hộ trì, ché ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,*

Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. Ta hâu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.

(CCLVI) Anuruddha (Thera. 83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là Anuruddha. Anh của ngài là Thích-ca Mahānāma, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tết nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vú nữ vú sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên. Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyā, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng Thiên nhãn. Nhận được đê tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phát. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán cùng với thăng trí và vô ngại giải thù thăng. Ngài được Thê Tôn xác nhận là bậc Thiên nhãn đệ nhất. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phấn khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.

893. Sóng hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xôa,
Sóng vậy không đạt được,
Cánh giới đạo thanh tịnh,
Vì rằng ta ua thích,
Trong giới vực của Ma.

894. Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bộc lulu,
A-na-luật tu thiền.

895. Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.

896. Đè khát thực trở về,
Đơn độc, vị ảm sỹ,
Tim vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. ảm sỹ thâu, lượm láy,

*Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.*

*898. Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm,*

*899. Chán niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tán.*

*900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện Bồ đề phàm,
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.*

*901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với thân do ý tạo,
Thân thông đến với ta.*

*902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật không ưa hý luận,
Ngài thuyết không hý luận.*

*903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*904. Suốt năm mươi lăm năm,
Ta không bao giờ nằm,
Trong hai mươi lăm năm,
Đoạn dứt được ngũ nghỉ.*

*905. Không thở vô thở ra,
Bậc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tĩnh,
Bậc có mắt Niết-bàn.*

*906. Vói tâm không dao động,
Sóng cảm thọ cuối cùng,
Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

907. Nay chính những pháp này,
 Là những pháp cuối cùng,
 Những cảm xúc thứ năm,
 Của bậc Đại Mâu-ni,
 Sẽ không còn pháp khác,
 Bậc Chánh giác Niết-bàn.

Rồi một Thiên nhân, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và óm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

908. Nay không còn tái sanh
 Trong thế giới chư Thiên,
 Nay kẻ gieo cạm bẫy.
 Dòng sanh tử, đoạn tận,
 Nay không còn tái sanh.

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

909. Ai trong thời gian ngắn
 Biết thế giới ngàn cõi,
 Vị ấy thật xứng đáng,
 Được sống giới Phạm thiên,
 Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
 Đầy đủ thần thông lực,
 Thấy được thời gian nào,
 Chư Thiên chết và sanh.

Rồi ngài nói lên nghiệp trước của ngài:

910. Đời trước ta đã sống,
 Tên Annabhara,
 Bần cùng, phải làm lụng,
 Lo nuôi sống tự thân,
 Rồi ta đến cúng dường,
 Bậc Sa-môn danh tiếng,
 Sa-môn với xung danh,
 Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
 Trong dòng họ Thích-ca,
 Ta được biết với tên,
 Là Anuruddha,
 Sống hệ lụy múa ca,
 Dạy với tiếng xập xôa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
 Bậc Đạo Sư vô úy,
 Tin tâm khởi nơi Ngài,
 Ta xuất gia không nhà.

913. Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi Ba mươi ba,
Ta sanh làm Đế Thích.

914. Bảy lần làm Nhân chủ,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng guom,
Trị vì với Chánh pháp.

915. Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiền giới.

916. Trong thiền định năm chi,
Tâm an tĩnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhẫn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,
Ta trú thiền năm chi.

918. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.

919. Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

(CCLVII) Pàràpariya (Thera. 84)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bổn Sư còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lực (năm căn và ý). Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bổn Sư đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung. Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp.

Câu kệ đầu do các vị chép sớ đặt vào:

920. Đây là những tư tưởng

Của một vị Sa-môn,
 Tại rừng gọi Đại lâm,
 Khi rừng đang trổ hoa,
 Ngài ngồi chỉ một mình,
 Viễn ly, tâm thiền định.

921. Khác thay, những uy nghi,
 Của những vị Tỷ-kheo,
 Khi bậc Tôi thượng nhân,
 Bậc Thέ Tôn còn sống,
 Còn nay điều được thấy,
 Thật sai khác đi nhiều.

922. Y đέ ngăn gió lạnh,
 Để che điều xáu hổ,
 Họ thọ dụng tiết độ.
 Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở
 Được ít hay được nhiều,
 Họ thọ dụng món ăn,
 Chỉ cần nuôi mạng sống,
 Tâm không có tham lam,
 Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
 Hay các loại dược phẩm,
 Họ không quá tha thiết
 Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
 Hay trong hang trong động,
 Chuyên tâm tu viễn ly,
 Sóng lấy vây cirus cánh.

926. Sóng khiêm tốn giản dị,
 Nhu hòa, ý kham nhã,
 Voi cử chỉ tao nhã,
 Không nói năng quàng xiên,
 Tâm tư hướng lợi ích
 Cho mình và cho người.

927. Do vây sở hành họ,
 Thật dễ thương tốt lành,
 Khi họ đi, họ ăn,
 Khi họ thọ dụng gì,
 Cử chỉ uy nghi họ,
 Như dòng dầu tron muốt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,

*Đại thiền, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vi,
Giống như các vị ấy,*

*929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.*

*930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.*

*931. Ué nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.*

*932. Bị ué nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật ué nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.*

*933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: 'Đây tốt hơn'.*

*934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,
Do nhân muỗng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.*

*935. Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

*936. Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,*

*Nội tâm không an tĩnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chõ ngồi, cơm ăn,
Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.

938. Cây tăm đế xia răng,
Loại trái Ka-pit-tha
Lá hoa đế nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thê tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tổ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.

940. Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.

941. Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.

942. Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.

943. Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sĩ,
Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.

944. Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.

945. Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chúng đặc,
Điều chưa được xúc chúng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chúng.

946. Như người không mang giày,
Di trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ân sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.

947. Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nép sống của họ,
Dẫu nay thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chúng,
Con đường đạo bất tử.

948. Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
ân sĩ đoạn tái sanh.

**CHƯƠNG XVII
PHẨM BA MUOI KÊ**

(CCLVIII) Phussa (Thera. 87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc. Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khôi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, chúng được sáu thăng trí.

Một hôm, một ân sĩ tên *Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ân sĩ suy nghĩ: 'Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tôn tại!'. Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. ân sĩ Pan-đa-ra,
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. Trong thời gian tương lai,
Sẽ có ước muôn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cùi chỉ gi?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. ân sĩ Pan-đa-ra,
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. Phẫn nộ và hiềm hận,
Che đậm và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. Họ tự cho có trí,
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhau Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm ué hiểm.

955. Trong Tăng chúng, những vị,

Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tin, không sợ,
Kẻ không học, lầm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
Họ thường ở thế yếu,
Hỗn loạn thiếu nhiệt thành.

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thâu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.

958. Kẻ ngu dẽ nóng giận,
Không định tĩnh trong giới,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ưa đánh nhau.

959. Họ trở thành thảo động,
Thường đắp y màu xanh,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.

960. Với tóc bôi dầu láng,
Đao động, mắt vẽ xanh,
Đắp y màu trắng ngà,
Họ qua lại trên đường.

961. Y vàng được khéo nhuộm,
Lá cờ bạc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhảm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp màu trắng.

962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rùng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sơ được lợi,

*Luôn luôn uza tà mang,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự ché.*

964. *Những ai không được lợi,
Họ không trọng không kính,
Bậc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.*

965. *Khinh cờ hiệu của mình,
Ua thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.*

966. *Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vây,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỳ-kheo.*

967. *Bị đau khổ chinh phục,
Bị quấn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ ngùi.*

968. *Khi bậc sáu ngà thây,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.*

969. *Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự ché, không thực,
Không xứng áo cà-sa.*

970. *Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nghiệp phục chọn thực,
Thật xứng áo cà-sa.*

971. *Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự ché, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phán chán,
Không xứng áo cà-sa.*

972. *Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.*

973. *Ai kiêu ngạo phóng đãng,*

*Ngu si, không giới hạn,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.*

974. *Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có tâm từ.*

975. *Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.*

976. *Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thợ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.*

977. *Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.*

978. *Đại nạn áy chưa đến,
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.*

979. *Hãy có tâm từ bi,
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phán chấn.*

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tâm Thành đạo,
Giác chứng đạo bất tử.*

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình. Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

(CCLIX) *Sàriputta (Thera. 89)*

Đời của ngài và đời của *Moggallāna* gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, *Sàriputta* sanh tại thành *Upatissa*, không xa Vương Xá (*Rājagaha*) bao nhiêu, mẹ là *Rūpasāri*; còn *Moggallāna* sanh ở thành *Kolita*, không xa thành Vương Xá (*Rājagaha*) bao nhiêu, mẹ là *Moggali*. Vì cả hai là con của vị

gia trưởng nên được đặt tên là *Upatissa* và *Kolita*. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng. Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (*Rājagaha*) vì tâm tư thuần thục, cả hai đều thấy tất cả quần chúng hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chét mang đi, nên cả hai lọ âu đi tìm con đường giải thoát. Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết.

Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được *Assaji* và nhờ *Assaji*, gặp được Thé Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: 'Thiện lai Tỷ-kheo'.

Chứng được quả Dụ lưu nhờ *Assaji* tóm tắt câu kệ, *Moggallāna*, bảy ngày sau khi xuất gia, tại làng *Kallavāla* ở *Magadha*, sau khi nghiệp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thé Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn *Sāriputta*, nửa tháng sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồ Đề Sư tại hang *Sukarakhata* ở Vương Xá (*Rājagaha*) cũng được chứng quả A-la-hán. Về sau, tại *Jetavana* Thé Tôn xác chứng *Sāriputta* là đệ tử đệ nhất về trí tuệ và thiền quán, và *Sāriputta* sau khi được tôn làm nguyên soái Chánh pháp, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tự duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biệt tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vì áy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

983. *Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoái mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

984. *Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoái mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

985. *Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gói phải mura ướt,
Thật đủ trú thoái mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

986. *Ai xem lạc là khô,
Ai xem khô như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đòi nắm được?*

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đòi nǎm được?

988. Nghe nhiều, có hiền trí,
Khéo định tĩnh trong giới,
Chuyên chú an chỉ tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. Ai chuyên tâm hý luận,
Như thú ưa hý luận,
Rời khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. Ai từ bỏ hý luận,
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em Revata (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. Tại làng hay trong rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất áy thật khả ái.

992. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly tham sê thích,
Vì không tìm dục lạc.

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với Rādha một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Rādha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Rādha, bằng lòng với cù chỉ khiêm tốn của Rādha:

993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điêu người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của Assaji-Runabbasu được tổ chức ở đồi Kità, Sàriputta được cử đi cùng với Moggallāna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ *Dighanakha*, được Thέ Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, *Sàriputta* can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thέ Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uổng phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhẫn.*

997. *Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.*

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi *Sàriputta* trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão tuệ đệ nhất,
U-pa-tis tu thiền.*

999. *Đây đủ thiền vô tâm
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được*

1000. *Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.*

Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tấm y rơi xuống. Một Sa-di nói: 'Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình'. Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tấm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiệm,
Luôn tấm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,*

*Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dấn thân tiến bước,
Chớ để hur, uổng phí,
Dùm một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sầu muộn,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy Tôn giả *MahaKotthita*, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹc của *MahàKotthita*.

*1006. Đạt tịch tịnh, chí túc,
Đọc chú, không cõng cao,
Quét sạch các ác pháp,
Như gió quét lá cây.*

*1007. Đạt tịch tịnh, chí túc,
Đọc chú, không cõng cao,
Gạt ngoài các ác pháp,
Như gió quét lá cây.*

*1008. Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.*

Câu kệ tiếp nói về các Tỳ-kheo xứ *Vajji* tin tưởng ở *Devadatta* và chấp nhận giáo lý của *Devadatta*:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.*

Sau trở thành người tốt.

1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,

Sóng hôn trầm thuy miên,

Trạo cử và nghi ngờ,

Tâm đù năm phiền não.

1011. Với ai, đối cả hai,

Được trọng, không được trọng,

Thiên định, không dao động,

An trú không phóng dật.

1012. Thiền tư luôn kiên trì,

Tuệ quán, kiến túc nhí,

Ưa thích chấp thủ diệt,

Vì ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bồ Đề Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. Biển lớn và đất lớn,

Núi và các phương trời,

Không ví dụ sánh được,

Phật, giải thoát thù thắng.

1014. Trưởng lão chuyển pháp luân,

Bậc đại trí, thiên định,

Như đất, nước và lửa,

Không tham không ghét bỗ.

1015. Đạt được tuệ tối thắng,

Đại giác, đại Mâu-ni,

Không chàm, tẩy chàm chấp

Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. Ta hầu hạ Bồ Đề Sư,

Lời Phật dạy làm xong,

Gánh nặng đã đặt xuống,

Gốc sanh hữu nhổ sạch.

Và khi ngài sắp nhận Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

1017. Tinh cần, chó phóng dật,

Đây lời giáo huấn ta!

Ta sẽ nhập Niết-bàn,

Ta thoát mọi sanh y.

(XXLX) Ananda (Thera. 91)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitabha. Vì các bà con nói ngài sanh

đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là *Ananda* (Khánh Hỷ). Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyên Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm *Kapilavatthu*, ngài xuất gia với *Bhaddiya* và các người khác và được Thế Tôn thê độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của *Punna Mantāni*, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nāgasamāla*, khi thì *Nāgīta*, khi thì *Upavāna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sāgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt. Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỷ-kheo đề nghị *Ananda* và *Ananda* chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc. Từ chối không cho *Ananda*, y, đồ ăn, một phòng riêng và mồi ăn, vì nếu không từ chối thời *Ananda* bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mồi ăn. Chấp nhận cho *Ananda* bốn việc là nếu *Ananda* được mồi ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự; Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do *Ananda* giới thiệu; Thế Tôn chấp nhận cho *Ananda* yết kiến nếu *Ananda* gặp phân vân khó xử; Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi *Ananda* vắng mặt. Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của *Ananda* không đem lại thiện quả gì. Thế Tôn chấp nhận điều *Ananda* yêu cầu.

Từ hôm ấy, *Ananda* hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tăm xỉa răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, *Ananda* ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm; ban đêm cầm đèn và gậy. *Ananda* đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi. Thế Tôn tại *Jetavana*, xác chứng *Ananda* là vị Tỷ-kheo đệ nhất về năm phương diện: Đa văn, tâm tư cảnh giác, sức mạnh đi bộ, lòng kiên trì và sự hầu hạ chu đáo. Như vậy, *Ananda* sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỷ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, thiền quán suốt đêm, trong mái hiên nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muôn năm xuống và khi đâu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được gộp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi *Khuddaka Nikāya* (Tiểu bộ kinh) được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo *Devadatta*:

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,
Kẻ ác bạn kẻ xấu.*

*1019. Với bậc tin, để thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi nữ cư sĩ *Uttarā*, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say *Ambapāli*:

*1020. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

1021. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhò y phục.

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,
Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.

1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.

1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.

Một hôm Moggallāna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tự ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đăng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

1026. Người ít nghe ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kẻ học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.

1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hai điều sở học,
Đây cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.

1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cũ,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tim trên nghĩa lý.

1030. Chính nhở đức kham nhân,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Dúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hô tang Đại ân sĩ,
Cắp mắt, toàn thế giới,
Hãy lê vị nghe nhiều.

1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỳ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn gián.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỳ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. Thân ích kỷ nặng chăng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo thân lạc,
Từ đâu, Sa-môn lạc?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên khi nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khỏi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tôi tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,

*Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.*

*1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không gặp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.*

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của *Ananda*, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

*1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.*

*1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.*

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là bậc thị giả đệ nhất:

*1040. Trải hai mươi lăm năm
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.*

*1041. Trải hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.*

*1042. Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thé Tôn,
Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1043. Trải hai mươi lăm năm
Ta hầu hạ Thé Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1044. Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thé Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1045. Khi đức Phật kinh hành,

*Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

*1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chín ng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ悯 ta.*

*1047. Như vậy thật khủng khiếp
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi bậc toàn tuyệt hảo,
Bậc Giác ngộ Niết-bàn.*

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỵ kiết tập thêm vào để tán thán Trưởng lão Ananda:

*1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ân sĩ,
Cặp mắt toàn thé giới,
Anan nhập Niết-bàn.*

*1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ân sĩ,
Cặp mắt toàn thé giới
Doạn ám chõ tối tâm.*

*1050. Ngài là bậc ân sĩ,
Với hành vị tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.*

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

*1051. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.*

**CHƯƠNG XVIII
PHẨM BỐN MUOI KẾ**

(CCLXI) Mahà-Kassapa (Thera. 94)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại *Ràjagaha* (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn *Mahàtittha* ở *Ràjagaha*, ngài ra đời tên *Pippali-mànava*, con bà vợ chính của Bà-la-môn *Kapila*. *Pippali-mànava*, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm tượng một thiều nữ trẻ đẹp, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiều nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình. Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiều nữ giống như vậy. Họ đến *Sàgala*, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của *Bhaddà*, sau khi tắm cho *Bhaddà* lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là *Bhaddà* và nói *Bhaddà* sao lại thiều giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là *Bhaddà* mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy *Bhaddà*, nhận *Bhaddà* giống như bức tượng và đưa tin về *Kapila*. Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, *Pippali-mànava* đi phía mặt, *Bhaddà* đi phía đường bên trái. Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ *Nalandà* đến *Ràjagaha*. Gặp Thế Tôn *Mahà Kassapa* đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử. Cả hai về lại *Magadha* và *Mahà Kassapa* tu tập mười ba hạnh đầu đà. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là đầu đà thứ nhất. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.

1053. Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hăng say tham vị,
Bỏ ditch đem an lạc.

1054. Đánh lễ cúng đường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như mũi tên té nhị
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng.

Tù bỏ sự cung kính.

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với bốn vật dụng cần thiết:

1055. *Tù trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cần thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.*

1056. *Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muỗng,
Khi bỏ vào muỗng ấy,
Ngón tay rời rơi vào.*

1057. *Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.*

1058. *Miéng ăn đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới gốc cây,
Và y từ đồng rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi người bốn phương.*

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hàng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. *Khi họ leo núi đá,
Một số bị mang chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ
Tỉnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực
Kassapa leo núi.*

1060. *Đi khát thực trở về
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sơ hải kinh hoàng.*

1061. *Đi khát thực trở về
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.*

1062. *Đi khát thực trở về*

*Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lậu hoặc.*

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích*

*1064. Những hò nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên 'kẻ chăn In-đa'
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Ví tháp đẹp lâu dài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sỹ,
Làm thành nơi trú xí.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

1070. Không đóng chúng gia chủ
 Chỗ trú xír đoàn thú,
 Đầy mọi loài chim chóc,
 Đồi núi ấy ta thích.

1071. Dưới tảng đá, băng đá,
 Có nước suối trong chảy,
 Có khỉ và có nai,
 Lai vãng sông gần bên,
 Cỏ cây bao trùm nước,
 Đồi núi ấy ta thích.

1072. Người vậy không ua thích,
 Cả năm loại nhạc khí,
 Khi đã được nhất tâm,
 Chọn chán thiền quán pháp.

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

1073. Chớ làm quá nhiều việc,
 Tránh quần chúng đua tranh,
 Người siêng tham đắm vị,
 Bỏ địch đem an lạc.

1074. Chớ làm nhiều công việc,
 Tránh việc không lợi này,
 Thân cực nhọc mệt mỏi,
 Người khổ không an chí.

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. Chỉ lấp bắp cái môi,
 Không thấy được tự ngã,
 Cố cứng đờ nó đi,
 Nó nghĩ: ta tốt hơn.

1076. Không hơn nghĩ tốt hơn,
 Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
 Bậc trí không tán thán,
 Người có trí cứng đờ.

1077. Ta tốt hơn, hay là
 Ta không được tốt hơn,
 Hay ta là đờ hơn,
 Ta cũng tốt như vậy,

*Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.*

1078. Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.

1079. Ai giữa đồng Phạm hạnh
Không được có kính trọng,
Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có tầm quý,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo công cao động
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lót,
Với da con sư tử,
Người vạy không có thẻ,
Chói sáng nhò y ấy.

1082. Không công cao, không động,
Thận trọng, cẩn ché ngự,
Chói sáng với tấm y
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy chư Phạm thiên đánh lễ ngài Sàriputta, và thấy Trưởng lão Kappina mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này
Có thần thông, lừng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay
Đối ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp
Sáng suốt, đại thiện định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tôi thượng.

1085. Dựa vào gì, thiên tu,
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
 Hành xúi ngài thâm sâu,
 Chúng con không nghĩ được
 Dẫu chúng con hội đủ
 Tài nghệ người bắn cung,
 Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
 Xứng đáng được đánh lẽ,
 Được Phạm thiên chúng áy,
 Đánh lẽ, kính như vậy,
 Tôn giả Kappina,
 Liên mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa róng lên tiếng róng sư tử của mình:

1088. Trong đám ruộng đệ tử
 Những vị theo đức Phật,
 Ngoại trừ bậc Tối tôn,
 Đại ân sĩ Mâu-ni,
 Ta ưu việt Đầu đà.
 Không ai bằng ta được.

1089. Ta hùa hạ Bốn Sư,
 Lời Phật dạy làm xong,
 Gánh nặng đã đặt xuống,
 Gốc sanh hữu nhổ sạch.

1090. Không nhiễm dính y phục
 Chỗ nằm và đồ ăn,
 Không thể trắc lường được
 Là con bậc Gotama!
 Như hoa sen trong sạch,
 Không thể dính nước vào,
 Ý thiêng về xuất ly,
 Thoát ly cả ba giới.

1091. Với bậc Đại ân sĩ,
 Cố dựng trên niệm xúi,
 Tay dựa trên đức tin,
 Với đầu là Trí tuệ
 Bậc Đại trí luôn luôn,
 Hành trì thật thanh lương.

CHƯƠNG XIX
PHẨM NĂM MƯƠI KỆ

(CCLXII) Tàlaputta (Thera. 97)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kỵ sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ân Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sùng ái và danh tiếng. Khi ngài trình diễn ở Rājagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kỵ sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào chư Thiên hay cười. Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiền về tình dục, tiêu cực tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chối tái sanh, chỉ vì bị các kỵ sĩ xưa lừa dối nói rằng kỵ sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán. Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chối giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

1092. *Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

1093. *Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt tham tâm,
Đoạn luôn cả sân, si,
Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được
Thận này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ô giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy
Gurom sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,*

Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?

1096. Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gươm,
Gươm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sỹ;
Với sức mạnh đập tan
Ác ma với Ma quân
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?

1097. Khi nào ta sẽ được
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các cǎn
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nǎo hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể
Chánh niệm, gã định tĩnh
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?

1101. Khi nào ta bị nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thát vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,

*Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

1102. *Khi nào nhiều như cùi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cảm nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

1103. *Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sĩ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. *Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bát tử,
Khi nào ta sẽ vậy?*

1105. *Khi nào với thân thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hãi hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?*

1106. *Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tình tướng,
Khi nào sẽ là vậy?*

1107. *Khi nào như người nghèo
Mặc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tim ra được cửa chôn,
Ta sẽ được thoái mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

1108. Nhiều năm ta được người,
 Yêu cầu làm như sau:
 Như vậy là vừa rồi,
 Người sống đời gia đình,
 Nay ta đã xuất gia,
 Do vậy, hỡi này tâm,
 Do vì lý do gì,
 Người không có chuyên tâm?

1109. Ngày tâm, phải chăng người,
 Yêu cầu ta như sau:
 Tại Giribaje
 Loài chim có lông sáng,
 Đón chào với tiếng kêu,
 Sám của Đại In-da.
 Hãy làm vị ấy vui,
 Đang tu thiền trong rừng.

1110. Trong gia đình, bạn bè,
 Người yêu và bà con,
 Các du hí ở đời,
 Các đối tượng của dục,
 Tất cả đều từ bỏ,
 Ta chấp nhận thế này.
 Hỡi ngày tâm, người không
 Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
 Đây không vì người khác,
 Khi đến thời vũ trang,
 Sao lại còn than khóc?
 Thế giới này toàn động,
 Chờ đợi là như vậy.
 Nên ta đã ra đi,
 Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vì nói điều khó nói,
 Tôi thương loài hai chân,
 Bậc Y vương vĩ đại,
 Đánh xe điệu ngự người,
 Với tâm không tham dục,
 Ngài khéo ché ngự được,
 Người khó lòng ché ngự,
 Ché ngự được tâm người,
 Vọng động như con vượn.

1113. Các dục có nhiều vẻ.
 Điều ngọt, rất khả ý,
 Ở đây, hàng phàm phu,

*Vô trí, bị trói buộc.
Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dần bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

*1114. Trong khu rừng vang lên,
Tiếng chim công, chim cò,
Chỗ trú xú ưu tiên,
Của loài beo, loài cọp,
Ngươi sống tại chỗ ấy,
Chớ chờ đợi về thân,
Chớ có quá đam mê,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước,*

*1115. Hãy tu thiền, căn, lực
Hãy tu định giác chi,
Hãy giác chứng ba minh,
Trong lời dạy đức Phật,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

*1116. Hãy tu tập con đường
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thế nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có tám ngành,
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

*1117. Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa ngươi,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

*1118. Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy ché ngự tâm ngươi,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1119. Trọc đầu và xáu sắc,

*Đi đến bị nguyễn rủa,
Khi khát thực gia đình,
 Tay cầm hình đầu lâu,
 Nay người có chủ tâm,
 Vào lời dạy Bốn Sư,
 Vào lời Đại ẩn sĩ,
 Nay tâm, hãy khích lệ
 Hãy khuyên ta như trước.*

*1120. Hãy đi trên con đường,
 Tự ngã khéo ché ngự,
 Giữa các nhà, tâm ý
 Không ái luyến các dục,
 Như trăng vào tháng tròn,
 Không có bợn mây mù.
 Nay tâm, hãy khích lệ,
 Hãy khuyên ta như trước.*

*1121. Hãy sống trong rừng núi,
 Ăn đồ ăn khát thực,
 Sống tại chỗ nghĩa địa,
 Mặc y lượm đồng rác.
 Chỉ có ngồi không nằm
 Luôn vui hạnh Đầu-đà,
 Nay tâm, hãy khích lệ,
 Hãy khuyên ta như trước.*

*1122. Như người đã trồng cây,
 Liền tìm cho được trái,
 Nay người ước muốn trái,
 Há chặt rẽ cây sao?
 Nay tâm, thật giống như,
 Ví dụ người đã làm,
 Khi người khích lệ ta,
 Trong vô thường dao động.*

*1123. Người, vô sắc, cô độc,
 Kẻ lữ hành từ xa,
 Nay ta sẽ không làm,
 Theo lời nói của người.
 Các dục là khổ đau,
 Cay đắng, sợ hãi lớn,
 Tâm hướng vọng Niết-bàn,
 Ta sẽ bước, đi tới.*

*1124. Ta đi tới xuất gia,
 Không phải vì bất hạnh,
 Không đùa vô liêm sỉ,
 Không vì duyên tâm hưng,
 Không bị đày đi xa,
 Không vì nhân mạng sống,*

*Khi ta đã băng lòng,
Này tâm, đối với người.*

*1125. Ít dục được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kẻ cả đoạn giả đổi,
Và an tĩnh đau khổ.
Như vậy, hối này tâm,
Khi người khích lệ ta,
Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.*

*1126. Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc tho,
Dục trướng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cõ gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

*1127. Nay tâm, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,
Khổ do chính người tạo.*

*1128. Nay tâm, chính người làm
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

*1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rời đây địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngạ quỷ,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

1130. Người sẽ không lừa ta,

Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,
Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi làm.

1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.

1132. Vói ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiêm thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bộc lưu,
Rất khó được vượt qua.

1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tốn thất.

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Người sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hởi này tâm,
Đích ta thật vững chắc,
Người sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực người,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hai miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đầy chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, người sẽ ưa sống,
Trên đảnh suòn núi cao,

*Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thâm mát mưa nước mới,
Tại đây người sẽ thích,
Người lấy hang làm nhà.*

*1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sám vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.*

*1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bón phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.*

*1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như người chủ nhà,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thơ da không nháy,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.*

*1140. Như vậy ta sẽ làm,
Giống như người chủ nhà,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dấn người,
Rơi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc ché ngựa.*

*1141. Với người khéo nghiệp phục,
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện ngựa,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dấn bước
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị
Hộ trì tâm thường dùng.*

1142. *Ta sẽ trói chặt ngươi,*
Vào đồi tượng cần thiết,
Như con voi bị dây
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì ngươi,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, ngươi sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. *Với tuệ, chặt tà đạo,*
Với lực, chặn, hướng chánh
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Ngươi sẽ là thừa tự
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. *Này tâm, ngươi dẫn ta,*
Đến ngôi làng thô lỗ,
Khiến trú vào thế lực
Của bốn tướng điên đảo,
Hãy đến, theo vị ấy
Vị chặt đứt kiết sợi,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. *Như loài thú tự do,*
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Ngươi vào núi xinh đẹp
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng ngươi sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy
Ngươi sẽ đến bờ kia.

1146. *Những ai còn roi vào,*
Thế lực ý muốn ngươi,
Nam nhân và nữ nhân,
Hướng an lạc ngươi cho
Không trí, bị roi vào
Trong thế lực Ác-ma,
Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ ngươi,
Hỡi này tâm của ta.

CHƯƠNG XX
PHẨM SÁU MUOI KỆ

(CCLXIII) Mahà-Moggallàna (Thera. 104)

Đời ngài được kể với đời ngài Sàriputta (CCLIX). Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng *Kallavàla* tại *Magadha*, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thé Tôn dạy: 'Này *Moggallàna*, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh'. Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đê tài về các giới do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán. Một thời, Thé Tôn ở tại *Jetavana*, xác chứng ngài là bậc thần thông đệ nhất. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

1147. *Chúng ta người ở rừng,*
Sóng đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.

1148. *Chúng ta người ở rừng,*
Sóng đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Dẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. *Chúng ta ở gốc cây,*
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. *Chúng ta ở gốc cây,*
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Dẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một kỹ nữ muốn cám dỗ ngài:

1151. *Với am, sườn bằng xương,*
May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thổi!

*Mang tay chân người khác,
Làm thân thể của mình!*

*1152. Cái bị đựng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Với vú bị ung nhọt,
Thân Người chín dòng nước
Luôn luôn được tuôn chảy.*

*1153. Thân Người chín dòng nước
Hôi thối, tạo trói buộc,
Tỳ-kheo tránh thân ấy,
Như kẻ sạch tránh phân.*

*1154. Nếu người khác biết Người
Như ta biết được Người,
Người ấy tránh xa Người,
Như khi mưa tránh phân.*

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lẽ vị Trưởng lão rồi thưa:

*1155. Thật là vây, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:
Ở đây, có kẻ dám,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến
Như chim roi đống lửa.*

*1158. Hãy xem bóng trang sức
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng
Nhưng không gì trưởng cữu.*

III

Khi được tin Trưởng lão Sàriputta viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lông tóc dựng ngược,*

*Bậc đủ nhiều đức tánh,
Xá-lợi-phất nhập diệt.*

*1160. Các hành là vô thường
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão Tissa:

*1161. Những ai thấy năm uẩn,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật té nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các hành,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt té nhị,
Như tém đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão Vaddhamàna
*1163. Như bị kiém chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiém chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hối.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến kinh Pàsàdakamma:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tối hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu dài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.

1167. Vì Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

1168. Giữa đồi Vebhara,
Giữa đồi Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bắc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.

IX

Đi vào Rājagaha (Vương Xá) để khất thực, ngài khuyến giáo người cháu của Sàriputta, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài Đại-ca-diếp, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

An tĩnh và thoái mái,
Ân sỉ trú vùng xa,
Thùa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.

1169. Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lẽ Ca-diếp,
Ngài là con thùa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ân sỉ trú vùng xa
An tĩnh và thoái mái.

1170. Vì trải trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.

1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lẽ vị như vậy,
Chỉ giá một mươi sáu.

1172. Vì áy trước bùa ăn,
Thấy được tám giải thoát.

*Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

*1173. Chớ có đến tấn công
Một Tỳ-kheo như vậy,
Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đảo tự ngã,
Hãy khởi ý tín nhiệm
Vị La hán như vậy,
Chắp tay đánh lể gáp,
Chớ để đầu ông hỏng.*

X

Khi khuyên giáo một Tỳ-kheo tên *Potthila*:

*1174. Người không thấy diệu pháp,
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.*

*1175. Như con sâu đinh phân,
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Tróng rỗng, hỡi Pôt-thi.*

XI

Tán thán Tôn giả *Sàriputta*:

*1176. Hãy xem Tôn giả này
Xá-lợi-phất đẹp sắc,
Giải thoát cả hai phàn,
Nội tâm khéo định tĩnh.*

*1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thần chét,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.*

XII

Do ngài *Sàriputta* nói lời tán thán *Moggallāna*:

*1178. Có nhiều chư Thiên này,
Có thần lực danh xưng,
Đến mươi ngàn chư Thiên
Tất cả Phạm phụ Thiên.*

*Họ đứng chắp hai tay
Đánh lê Mục-kiền-liên.*

*1179. Đánh lê thượng sanh nhân!
Đánh lê vô thượng nhân!
Lại hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.*

*1180. Được trời người đánh lê,
Đã sanh, bậc thắng chét,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.*

*1181. Vị trong một sát-na,
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỳ-kheo ấy Thiên tử
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được những thời cơ
Chết sống của mọi loài.*

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

*1182. Xá-lợi-phát với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỳ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.*

*1183. Nhưng ta ngay giây phút
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thân thông.*

*1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sóng thiền định trí tuệ
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các cẩn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Như voi bứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.*

*1185. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.*

1186. *Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới danh được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhổ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.*

La mắng Māra đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. *Địa ngục áy thé nào,
Dù si bị nǎu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kà-kusandha.*

1188. *Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm tho riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nǎu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

1189. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.*

1190. *Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiêu diệu,
Tiên nữ múa tai đây,
Trang sức màu dị biệt.*

1191. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.*

1192. *Ai Thé Tôn khuyển khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển
Lâu mẹ Migara.*

1193. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.*

1194. Voi ngón chân rung chuyền,
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.

1196. Ai hỏi vị Sakka,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, ngươi có biết,
Ái tận được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.

1198. Ai từng hỏi Phạm thiên
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp
Các tà kiến thuở xưa.

1200. Tôi thấy sự huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ tho.

1202. Ai với sự giải thoát,
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha
Và người nằm trên đất,

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,

*Hiểu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1204. Thật sự lửa không nghĩ:
'Ta đốt cháy kẻ ngu',
Kẻ ngu đốt kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.*

*1205. Cũng vậy này Ác-ma,
Người đốt kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.*

*1206. Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.*

*1201. Điều ác Ác ma làm,
Chất chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

CHƯƠNG XXI
PHẨM BÁY MUOI KỆ
(Đại Tập)

(CCLXIV) Vangisa (Thera. 109)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Vangisa* và được dạy ba tập Vệ-đà. Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy *Vangisa* là một nguồn lợi dường nên đem ngài đi chở này chở khác. Trong ba năm, *Vangisa* đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, *Kahapana* (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi *Vangisa* biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gỗ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm. Thế Tôn bảo *Vangisa* đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. *Vangisa* có thể đoán số mạng ba hạng người kia nhưng đối với vị đã giải thoát thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

*Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn,
Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chở sọ thú,
Lại hoặc được đoạn trù,
Bậc Úng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, *Vangisa* yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán. Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (*Si, 185*) và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo đệ nhất về thuyết pháp. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài *Ananda* và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thô được nghiệp phục của ngài:

*1209. Với ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khỏi lên từ hắc ám.*

1210. Nhà bẩn cung thiện xảo,

*Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Đầu nhiều hay đồng hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

*1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.*

*1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.*

II

Được nói khi nghiệp phục các cảm thọ của mình như sân hận v.v...

*1214. Ta bỏ lạc bất lạc,
Mọi tâm tư gác sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới ứng danh Tỷ-kheo.*

*1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.*

*1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.*

*1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phàm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Tỷ-kheo.*

1219. Vạn toàn, tâm thường định,

*Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tĩnh,
Tuy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.*

III

Nói đến khi ngài nghiệp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

*1219. Đệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hồi trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rời địa ngục,
Chúng sâu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sâu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chọn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với minh, tâm an tĩnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lể Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại bị kích thích và tham dục khởi lên. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

*1223. Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,*

Pháp tiêu diệt lửa hùng.

Và Tôn giả Ananda trả lời:

1224. Chính vì đên đảo tướng,
Tâm ông bị thiêu灼,
Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hé lụy đến tham dục.

1225. Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đai tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yém ly.

1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về 'Sự vật được khéo nói', tán thán Thế Tôn:

1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.

1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là ái ngữ.

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phản khởi hoan hỷ.

VII

Nói lên sau khi Thé Tôn thuyết trong kinh *Pavaranà* (Tự Tú):

1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.

1235. Như vua chuyền luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biển.

1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thân,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.

1237. Tất cả con Thé Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đánh lẽ,
Bậc nhổ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính
Bậc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên tán thán Thé Tôn khi Thé Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo

*Hàu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết vô cữu pháp
Niết-bàn vô bối úy.*

*1239. Họ nghe pháp rộng lớn
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.*

*1240. Bạch Thé Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,
Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đê tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đảnh lẽ dưới chân Ngài.*

Rồi Thé Tôn hỏi:

- Nay *Vangisa*, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?
- Bạch Thé Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.
- Vậy này *Vangisa*, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.
- Thưa vâng, bạch Thé Tôn, Tôn giả *Vangisa* vâng đáp Thé Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thé Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chướng ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.*

*1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bộc lưu nguy hiểm,
Chính trên pháp bất tử,
Được ngài thường tuyên thuyết
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thối chuyển.*

1244. *Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.*

1245. *Pháp như vậy khéo giảng
Ai có thể phóng đạt,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng đạt,
Hãy đánh lễ, tu học.*

IX

Nói lên để tán thán Tôn giả *Annà Kondannà* (*An-nhã Kiều-trần-như*):

1246. *Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

1247. *Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chúng được gì,
Tất cả ngài chúng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

1248. *Đại uy lực ba minh,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để tán thán Tôn giả *Moggallàna*, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả *Moggallàna* nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi *Isigili*, tại *Rajagaha* đều giải thoát khỏi tái sanh:

1249. *Cao trên sườn đồi núi
Những vị chúng Ba minh,
Những vị đoạn tử thân,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

1250. *Đại thần lực Mục-liên,*

*Quán tâm các vị áy
Biết họ được giải thoát
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hâu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để tán thán Thé Tôn, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thé Tôn được chúng Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen *Gaggara* ở Campà:

*1252. Như mặt trăng giữa trời
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cầu ué,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.*

XII

Nói lên khi ngài mới chứng quả A-la-hán, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

*1253. Thuở trước ta mê tho,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác
Đạt bờ kia mọi pháp.*

*1254. Nghe pháp ta tín thành
Tín khởi lên noi ta.*

*1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về uẩn, xú và giới,
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.*

*1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.*

*1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,*

*Ngài thấy luật chi phổi
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.*

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
Bốn sự thật khéo thuyết,
Bởi vị có con mắt
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo Tám nganh,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều
Được nói lên như thật,
Và ta được thấy họ
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.

1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.

1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt Ba minh, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là *Nigrodha Kappa* có nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng
Tại Aggalava
Tỳ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng
Nhập Niết-bàn tịch tĩnh.

1264. *Nigrodha Kappa*
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lẽ cầu Ngài,
Sóng tâm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. *Bạch Thích-ca, chúng con
Đê tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhẫn biến tri!
An trú tai chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con
Ngài là bậc Vô thượng.*

1266. *Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đé Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.*

1267. *Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường sì ám,
Dụ phần với vô trí
Trú xử cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối thăng,
Giữa cặp mắt loài người.*

1268. *Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thoổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm túc bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.*

1269. *Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!*

1270. *Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giường cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,*

*Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.*

1271. *Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được
Điều được ước định làm.*

1272. *Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chọn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!.*

1273. *Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy muru sự hiểu biết!.*

1274. *Kappa sống Phạm hạnh,
Nép sống có mục đích,
Phải chăng sống như vậy,
Là sống không uổng phí!
Vị ấy chứng tịch tĩnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.*

Thê Tôn:

1275. *Vị ấy trên danh sá^c
Đã đoạn tận tham ái,
Thê Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chét,
Không còn có dư tàn,
Thê Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.*

Vangisa:

1276. *Nghe vậy, con tịnh tín,
Với lời nói của ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

1273. *Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đê tử Phật,
Chặt đứt lưỡi rộng chắc,
Của thần chét xảo quyết.*

1278. *Ôi Thé Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thé lực của Ma vương,
Thé lực thật khó vượt.*

1279. *Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bậc tối thượng hai chân
Bậc Hậu duệ, Đại hùng!
Bậc Long tượng đích tôn.*

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

3.2 TRƯỞNG LÃO NI KỆ
PHẨM I
TẬP MỘT KỆ

(I) Bài Kệ Nay Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên (Therì. 123)

*1. Hãy ngủ trong an lạc
Hỡi nàng thân đầy đà,
Đắp phủ trong tâm y,
Chính mình tự làm láy,
Lòng tham, nàng lăng dịu,
Như ghè khô trong lò!*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở *Vesàli* (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đầy đà, nàng được gọi là nàng đầy đà. Nàng trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo Sư đến *Vesàli*, nàng tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi nàng nghe Trưởng lão Ni *Mahàpajàpati* thuyết pháp, nàng muốn xuất gia và thura với chồng ý nguyện của nàng. Người chồng không cho, nên nàng tiếp tục làm tròn bổn phận của nàng, suy tư đến những lời dạy dịu dàng của giáo pháp và chủ tâm đến thiền quán. Rồi một ngày kia, trong khi đang ở trong bếp và nấu món ăn, một ngọn lửa mạnh bùng cháy và thiêu tất cả món ăn với những tiếng cháy xèo xèo, nàng lấy đó làm đề tài để thiền quán về tánh vô thường của sự vật, và chứng được quả Bất Lai. Rồi nàng không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, nàng trả lời nàng không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa nàng đến Trưởng lão Ni *Mahàpajàpati Gotami*, và bằng lòng để nàng xuất gia. *Mahàpajàpati* làm lễ xuất gia cho nàng và đưa nàng đến yết kiến đức Phật. Bậc Đạo Sư giải thích về đề tài thiền quán của nàng và nói lên bài kệ này.

Khi nàng chứng quả A-la-hán, nàng lập lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của nàng.

(II) Muttà (Therì. 123)

(Bài kệ này Thế Tôn thường nói lên để khích lệ *Muttà* khi nàng còn đang học tập).

*2. Hỡi này, giải thoát Ni
Hãy giải thoát các ách,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Miệng hàm của Rahu,
Với tâm tư giải thoát,
Khỏi nợ nần trói buộc,
Hãy tho hưởng món ăn,
Do khát thực đem lại.*

Đây là bài kệ của giới học nữ *Muttà*. Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con gái của một Bà-la-môn, có danh vọng ở *Sàvatthi*. Đến năm hai mươi tuổi, các điều kiện chín muồi, nàng xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Mahàpajàpati Gotami*, và học tập thiền quán. Một hôm, sau khi khát thực, sau khi làm các phận sự đối với các Trưởng lão Ni xong, nàng tìm một chỗ thanh vắng để ngồi thiền, tập trung tư tưởng vào nội tâm. Rồi bậc Đạo Sư, ngồi trong hương phòng ở tinh xá phóng ra hào quang, xuất hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ trên. Còn nàng, vững tin với lời giáo giới ấy, không bao lâu chứng được quả A-la-hán và khi chứng quả nói lên lại bài kệ này. Sau khi tu hành thành đạt, được đề nghị lên những hàng giáo phẩm, nàng vẫn đọc bài kệ này, khi sắp sửa mệnh chung.

(III) Punnà (Therì. 123)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con một gia đình trưởng giả ở Sàvatthi và tên là Punnà. Khi nàng đến hai mươi tuổi và nghiệp duyên thành thục, nàng nghe Mahàpajàpati thuyết pháp và xuất gia. Khi trở thành một giới học nữ, nàng bắt đầu thiền quán, và bậc Đạo Sư từ nơi hương phòng của Ngài phóng hào quang và nói lên bài kệ này:

3. *Hồi này, thành Mᾶn ni,
Hãy tràn đầy Chánh pháp,
Như mặt trăng tròn đầy,
Trong ngày rằm trăng tròn,
Hãy tràn đầy trí tuệ,
Phá tan khối si ám.*

Sau khi nghe bài kệ này, thiền quán được tăng trưởng và nàng chứng quả A-la-hán. Bài kệ này nói lên lòng phấn khởi và xác chứng chánh trí của nàng.

(IV) *Tissà* (Therì. 123)

Bài kệ sau này là của Tissà, một giới học nữ trải qua nhiều đức Phật, nàng tích lũy các công đức, và trong đời đức Phật hiện tại, nàng được tái sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vê) trong gia đình quý tộc Thích-ca, được tuyển vào nội cung của vị Bồ-tát. Nàng cùng với Mahàpajàpati xuất gia và tu tập thiền quán. Bậc Đạo Sư hiện ra trước nàng và nói lên bài kệ:

4. *Tissà hãy học tập,
Học trong những học pháp,
Chớ để cho các ách,
Vượt khỏi chi phối nàng.
Hãy sống không liên hệ,
Mọi ách không trói buộc,
Sống giữa thế giới này,
Không có các lậu hoặc.*

Và nàng nghe bài kệ này, được tăng trưởng thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó nàng thường đọc lên bài kệ này.

(V) Một *Tissà Khác* (Therì. 123)

5. *Tissà, hãy cột tâm
Tập trung trên các pháp,
Chớ để từng sát-na
Uống phí vượt khỏi nàng!
Những sát-na đã qua
Họ sâu muộn, đau khổ,
Khi họ bị rơi vào
Trong cảnh giới địa ngục.*

(VI) *Dhīra* (Therì. 124)

6. *Dhīra, hãy cảm xúc,
Những cảm chứng đoạn diệt,
Tịnh chỉ các vọng tưởng,*

Là chân chánh an lạc,
Hãy thuận hướng Niết-bàn,
Ách an ốn, vô thường.

(VII) Một Dhīra Khác (Therī. 124)

7. Dhīra, hãy kiên trì,
Năm giữ các thiện pháp,
Hỡi này Tỳ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Hãy mang cái thân này,
Là cái thân cuối cùng,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma nữ quân lực,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma với quân lực.

(VIII) Mittà (Therī. 124)

8. Hỡi này Mittà bạn!
Với lòng tin xuất gia,
Hãy tu tập rèn luyện,
Hân hoan trong bạn lành,
Hãy tu tập rèn luyện,
Trong các pháp hiếu thiện,
Có gắng đạt cho được,
An ốn khỏi ách nạn.

(IX) Bhadha (Therī. 124)

9. Hỡi Bhadha hiền thiện,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy sống vui hoan hỷ,
Trong các pháp hiền thiện,
Hãy tu tập rèn luyện,
Trong các pháp chí thiện,
Có gắng đạt cho được,
An ốn khỏi ách nạn.

(X) Upasanà (Therī. 124)

10. Hỡi Upasanà
Hãy vượt dòng nước mạnh,
Dòng nước khó vượt qua,
Bị thần chét chi phổi,
Hãy mang cái thân này,
Là cái thân cuối cùng,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma với quân lực.

Sáu Tỷ-kheo-ni này, câu chuyện giống như *Tissà* (VI) trừ *Dhirà*, được gọi là một *Dhirà* khác. Nàng không được bài kệ nào đọc cho nàng, nhưng nàng cảm thấy dao động khi được nghe lời Phật dạy. Dựa trên những lời này nàng tinh tấn nhất quán, và khi nàng chứng được quả A-la-hán, nàng nói lên sự sung sướng của nàng. Các Tỷ-kheo-ni khác cũng có thái độ tương tự.

(XI) *Muttà* (Therì. 123)

Nhờ tích lũy các thiện nghiệp dưới thời các đức Phật khác, *Muttà* được sinh ở *Kosalà*, con gái của một Bà-la-môn nghèo tên là *Oghataka*. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phải làm vợ một người Bà-la-môn cùm, nhưng nàng thua với chồng rằng nàng không thể sống trong gia đình và được chồng bàng lòng cho nàng xuất gia. Trong khi thiền quán, tâm tư vẫn chạy theo các đối tượng ở ngoài. Do vậy, nàng kiên trì tự chế ngự và đọc lên bài kệ của nàng. Nàng tinh tấn quán cho đến khi nàng chứng được quả A-la-hán. Rồi hân hoan nàng lập lại bài kệ:

11. *Lành thay giải thoát Ni,*
Ta thật khéo giải thoát,
Giải thoát ra khỏi được,
Ba vật cùm và cong,
Thoát cối xay, cái chày,
Thoát ống chòng lưng cùm,
Hỡi này giải thoát Ni!
Ta thoát được sống chét,
Những gì dẫn tái sanh,
Được nhổ lên tận gốc.

(XII) *Dhammadinnà* (Therì. 124)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở *Rājagaha* (Vương Xá) và trở thành vợ của *Visàkha*, một người có địa vị trong xã hội. Một ngày kia, chồng nàng đi nghe đức Phật thuyết pháp, chứng được quả Bát lai. Khi *Visàkha* về, *Dhammadinnà* đưa tay ra đỡ chồng lên gác, nhưng người chồng không nắm tay và không nói với nàng trong bữa ăn chiều. Nàng hỏi chồng duyên cớ, người chồng nói không phải vì lỗi gì của nàng, nhưng nay vì đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cù chỉ như trước nữa. Người chồng trả quyền tự do cho nàng, một là ở lại gia đình người chồng, hai là lấy tiền bạc rồi về lại gia đình cha mẹ, nhưng nàng không chịu, và xin được xuất gia. *Visàkha* đưa nàng đến các Tỷ-kheo-ni trong một chiếc kiệu vàng. Được cho phép xuất gia, nàng xin sống nhập thất, không muốn sống chung đụng ồn ào và đi đến một tinh xá ở làng. Tại đây, nhờ những thiện nghiệp quá khứ, nàng chế ngự thân, miệng, ý, chứng được quả A-la-hán, với Tứ vô ngại giải: Nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện tài vô ngại giải. Rồi nàng đi về *Rājagaha* (Vương Xá), với các Tỷ-kheo-ni. *Visàkha* chồng cũ của nàng đến hỏi pháp, nàng như đã được diễn tả trong kinh Tiêu *Vedalla* (M.i. 299), nàng trả lời rất rõ ràng đúng đắn các câu hỏi của *Visàkha* và được đức Phật tán thán. Nàng trở thành thuyết pháp đệ nhất trong hàng các Tỷ-kheo-ni. Chính trong khi nàng ở lại một tinh xá ở làng và nàng nói lên bài kệ này:

12. *Trong ai, lòng ước muón,*
Đat được quả vô sanh,
Được sanh khởi tỏa rộng,
Đầy tràn cả tâm ý,
Tâm không bị trói buộc,
Trong các dục chi phói,
Vị ấy được tên gọi

Là bậc vào dòng trên.

(XIII) *Visakhà (Therì. 124)*

Câu chuyện của *Visakhà* cũng giống như câu chuyện của *Dhīra*. Sau khi chứng quả A-la-hán, nàng suy tư trên lạc giải thoát và nói lên chánh trí nàng đã chứng được, để khuyến khích đồng bạn tu hành.

*13. Hãy làm, hãy thực hành
Đúng theo lời Phật dạy.
Và sau khi làm xong,
Không có lòng ăn năn,
Hãy gấp rửa chân sạch,
Và ngồi xuống một bên.*

(XIV) *Sumànà (Therì. 124)*

Câu chuyện của nàng giống như chuyện của *Tissà* phóng hào quang, đức Phật hiện ra ngồi trước mặt nàng và nói lên bài kệ này:

*14. Sau khi thấy các giới,
Với cái nhìn đau khổ,
Chớ có đi trở lại,
Vào con đường tái sanh,
Hãy từ bỏ, xả ly
Lòng dục trong sanh hưu,
Sóng đời sóng hành trì,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

(XV) *Uttarà (Therì. 125)*

Câu chuyện của *Uttarà* cũng giống như câu chuyện của *Tissà* (IV). Và khi nàng chứng quả A-la-hán, nàng nói lên bài kệ này:

*15. Ta đã ché ngự được,
Thân miêng và tâm tư,
Ta chinh phục khát ái,
Cho đến tận gốc rễ,
Ta sống được mát lạnh,
Trong tịch tịnh, an lặng.*

(XVI) *Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già (Therì. 125)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Sàvatthi* làm chị của vua *Kosala*. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, bắt đầu với bốn chữ: 'Có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường...' (*S. I. 68*), nàng khởi lên lòng tin, thọ tam quy và ngũ giới. Vì mắc hầu hạ bà ngoại, nàng không xuất gia được. Sau khi bà ngoại mất, nàng cùng đi với vua tới tịnh xá, đem theo nhiều màn, nhiều vải cúng dường giáo hội. Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng chứng được quả Bát hoản và xin được xuất gia và Thế Tôn thấy được sự trưởng thành trong trí tuệ của nàng nên nói lên bài kệ này:

16. Hỡi này, lão Ni kia,

*Hãy an lạc nằm nghỉ,
Đắp phủ trong tấm y,
Chính tự mình làm láy,
Lòng tham người an tịnh,
Người mát lạnh tịch tịnh.*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được quả A-la-hán, với thâu triệt pháp, thâu triệt nghĩa. Trong sự sung sướng nội tâm, nàng lập lại những câu kệ này và chúng trở thành lời tuyên bố chánh trí của nàng. Rồi nàng được xuất gia ngay.

(XVII) *Dhammà (Therì. 125)*

Sau khi chất chứa công đức trong nhiều đời, nàng được sanh trong một gia đình quyền quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lấy chồng, nàng được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Nàng chờ cho khi chồng mất, mới xuất gia. Một hôm, sau khi khát thực, trên con đường về tinh xá, nàng mất thăng bằng bị ngã. Dùng sự kiện ấy để thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, nàng nói lên bài kệ;

*17. Sau khi khát thực xong,
Yếu sức, chống trên gậy,
Với chân tay run rẩy,
Ta ngã trên mặt đất,
Thấy nguy hiểm của thân,
Tâm ta được giải thoát.*

(XVIII) *Sanjhà (Therì. 125)*

Đời nàng giống như đời của Tỷ-kheo-ni Dhīra, nhưng bài kệ của nàng như sau:

*18. Bỏ gia đình, xuất gia,
Ta từ bỏ con cái,
Từ bỏ gia súc quý,
Từ bỏ tham và sân,
Còn đối với vô minh,
Ta sống hạnh viễn ly,
Sau khi chinh phục được,
Tận gốc cả tham ái,
Ta được sống mát lạnh,
Tịch tịnh và an lặng.*

PHẦM II
TẬP HAI KỆ

(XIX) Abhirùpa Nandà (Therì. 125)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandà. Vì nàng rất đẹp nên được tên là Abhirùpa Nandà (Nandà đẹp). Ngày nàng lụa Carabhùta làm chồng, thời Carabhùta mệnh chung và cha mẹ cõng bức nàng xuất gia. Sau khi đã xuất gia, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của nàng, và sợ bậc Đạo Sư quở trách, nàng lẩn tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh nàng đã thuần thực nên bảo Mahàpajàpati quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, nàng nhờ người khác đi thê. Đức Phật không chấp nhận nàng phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và nàng bị xúc động mạnh. Rồi đức Phật nói với nàng những bài kệ như sau:

19. *Này Nandà, hãy nhìn,
Tâm thân chỗ quy tụ,
Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh,
Đầy hối hám thói nát,
Tâm nàng hãy tu tập,
Quán tri tánh bất tịnh,
Đạt cho được nhất tâm,
Tâm tư khéo thiền định.*

20. *Hãy tu tập vô tướng,
Hãy bỏ mạn tùy miên,
Do thắng tri được mạn,
Nàng sẽ sống an tịnh.*

Khi Thế Tôn nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Nói lại cho nàng những bài kệ này, nàng xem các bài kệ là lời tuyên bố chánh trí của nàng.

(XX) Jentì (hay Jentà) (Therì. 125)

Câu chuyện về đời sống quá khứ, về hiện tại của nàng giống như câu chuyện của Nandà đẹp. Nhưng nàng sanh ở Vesàli, tại một gia đình hoàng tộc Licchavi. Nàng chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi, trên tự thân, nàng sung sướng nói lên bài kệ này:

21. *Chính Bảy giác chi này
Là đường đạt Niết-bàn,
Tất cả, ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.*

22. *Ta thấy được Thế Tôn,
Đây thân tu cuối cùng
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

(XXI) Mẹ Của Sumangala (Therì. 126)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình nghèo và được gả lấy một người đan mây

làm chồng. Nàng sanh được một người con trai tên *Sumangala*, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Nàng không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của *Sumangala*. Nàng trở thành một Tỳ-kheo-ni và một hôm nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, nàng cảm thấy xúc động và với thiền quán phát triển, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ, nàng nói lên bài kệ như sau:

*23. Hồi thiện giải thoát Ni,
Lành thay khéo giải thoát,
Ta được khéo giải thoát,
Khỏi cái chày giã gạo,
Ta không còn xâu hổ,
Với ông chồng đan dù,
Với soong chảo nấu ăn,
Với nghèo đói tồi tàn.*

*24. Chặt đứt được tham sân,
Ta sống không tham sân,
Ta đi đến gốc cây,
Ôi, an lạc ta thiền.*

(XXII) *Addhakasi* (Therì. 126)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ *Kàsi* con của một công dân giàu có và có danh tiếng. Nhưng vì ảnh hưởng của khẩu nghiệp của đời trước nàng trở thành một kỹ nữ. Về sau nàng xuất gia và được làm lễ xuất gia với một vị đại diện đặc biệt được ghi trong tập *Cula vagga* (Tiểu phẩm)

Nàng muôn đi đến *Sàvatthi* để được xuất gia nhưng bị dân làng ăn chơi ở *Benerees* chặn đường không cho nàng đi. Nàng cho người đến hỏi ý kiến Thé Tôn và Thé Tôn cho phép nàng được xuất gia với một vị đại diện đặc biệt. Rồi nàng nhứt tâm quán tưởng và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi nàng nói lên bài kệ như sau:

*25. Tiền lạc thú của ta,
Không thua thuế Kàsi,
Sau khi so sánh giá,
Thôn trưởng định giá vậy.*

*26. Nay ta lại nhảm chán,
Chính sắc đẹp của ta,
Ta chán ngấy sắc áy,
Ta không còn luyến tiếc.
Ta chớ có liên tục,
Chạy theo vòng luân hồi,
Ba minh ta chứng được,
Thành tựu lời Phật dạy.*

(XXIII) *Città* (Therì. 126)

Nàng được sanh vào một gia đình ưu tú ở *Ràjagaha* (Vương Xá), khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở cửa thành *Ràjagaha*, trở thành một tín nữ và được *Mahàpajàpati* cho xuất gia. Sau khi nàng vê già, trong khi leo núi Linh Thủ, với thiền quán được phát triển, nàng chứng quả A-la-

hán. Suy nghĩ đến kết quả này, nàng nói lên bài kệ:

27. *Dâu ta có mỏi mệt,
Bệnh hoạn quá yếu đuối,
Dựa trên gãy ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.*

28. *Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta dựa mình tảng đá,
Phá tan khối si ám.*

(XXIV) *Mettikà (Therì. 126)*

Nàng được sanh làm con một gia đình quyền quý Bà-la-môn ở *Rājagaha*. Đời nàng cũng giống như đời của *Città* chỉ khác là nàng leo một ngọn núi khác, đối diện với núi Linh Thú. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ:

29. *Dâu ta có đau đớn,
Sức yếu, tuổi trẻ qua,
Dựa trên gãy, ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.*

30. *Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta ngồi trên tảng đá,
Tâm ta được giải thoát.
Ba minh chứng đạt được,
Thành tựu lời Phật dạy.*

(XXV) *Mittà (Therì. 127)*

Nàng được sinh ra trong gia đình công chúa *Sakya* (Thích-ca) ở *Kapilavatthu*, từ bỏ gia đình xuất gia cùng với *Mahāpajāpati*, rồi sau những năm tháng tu hành càn mẫn, nàng chứng được quả A-la-hán nghĩ đến thành quả của mình, nàng vui vẻ nói lên những bài kệ này:

31. *Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày mồng tám giữa tháng,
Ngày thần túc nguyệt phản,
Ta thọ trì tám giới.*

32. *Ta gìn giữ trai giới,
Khiến chư Thiên hoan hỷ,
Mỗi ngày ăn một bữa,
Cạo đầu đáp đại y,
Ta đâu muôn thiên giới,
Ta nghiệp phục tâm khở.*

(XXVI) *Mẹ Của Abhayà (Therì. 127)*

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh là một hoa khôi ở *Ujjeni*, tên là *Badumavati*. Vua *Bimbisara* ở *Magadha* nghe tiếng và muốn gặp nàng. Với sự giúp đỡ của vị giáo sĩ của vua, vua được gặp nàng và nàng có thai với vua. Vua bảo khi nào nó lớn thì đưa vào cung. Nàng sinh được một đứa con trai, đặt tên là *Abhaya* (Vô Úy). Khi được bảy tuổi, nàng gửi con trai đến vua *Bimbisara* và vua thương yêu nó và nuôi dưỡng nó với các người con khác của vua. Sau này đứa trẻ lớn lên tin theo đạo Phật, xuất gia, như đã được tướng trình trong Trưởng lão Tăng Kệ. Về sau, mẹ của *Abhaya* nghe *Abhaya* thuyết pháp, cũng xin xuất gia và sau một thời gian tu hành, chứng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ. Nàng nhớ lại những câu kệ do con nàng giảng cho nàng và thêm vào những bài kệ của chính nàng:

33. Hồi thân mẫu thân yêu!

*Từ bàn chân trở lên,
Từ đầu tóc trở xuống,
Hãy quán sát thân này,
Thân này thật bất tịnh,
Thật hối hám thói tha.*

34. Ta an trú như vậy,

*Mọi tham dục nhở sạch,
Nhiệt não được đoạn trừ,
Ta mát lạnh, tịch tĩnh.*

(XXVII) *Abhaya* (Therī. 127)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Ujenni*, tại một gia đình quyền quý và trở thành bạn thân với mẹ của *Abhaya*. Khi nghe mẹ của *Abhaya* xuất gia, *Abhaya* vì thương mẹ của nàng nên cùng xuất gia theo. Cùng ở tại *Rājagaha* (Vương Xá), một hôm nàng đi đến một khu vườn để quán bất tịnh. Bậc Đạo Sư tại hương phòng, Ngài hiện cho nàng thấy đối tượng nàng muốn thiền quán. Thấy hình ảnh ấy, nàng hốt hoảng. Bậc Đạo Sư phóng hào quang hiện ra như ngôi trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

36. Hồi này vô úy Ni!

*Thân này thật mỏng manh,
Chính ở đây phàm phu,
Ưa thích, thường tham đắm.
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm
Chú tâm không phóng dật,
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán, hoan hỷ, nàng hướng các bài kệ về nội tâm như là những bài kệ nói lên cho mình.

(XXVIII) *Sàmà* (Therī. 127)

Do làm các thiện sự trong các đời trước, trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Kosambi*, trong một gia đình có danh vọng. Khi *Samavatī*, bạn thân của nàng chết, vì quá đau khổ, nàng xuất gia. Nhưng vì không nghiệp phục được đau khổ đối với bạn của nàng, nàng không nấm được con đường Thánh đạo. Một thời, khi ngồi nghe Tôn giả *Ananda* thuyết pháp, nàng chứng được Pháp nhãn và bảy ngày sau nàng

chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ.

Suy tư đến quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này:

37. *Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tinh xá,
Nhưng tâm không an tĩnh,
Không nghiệp phục được tâm.*

38. *Nhưng đến đêm mồng tám,
Ái được ta nhổ sạch
Chú tâm không phóng dật,
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy.*

**PHẦM III
TẬP BA KỆ**

(XXIX) Một Sàmà Khác (Therì. 127)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc ở *Kosambi*, nàng cũng trở thành người bạn của *Sàmàvati*, khi *Sàmàvati* chết đi, vì quá đau khổ, nàng xuất gia. Trong hai mươi lăm năm nàng không nghiệp phục được tâm nàng, cho đến khi trở về già, nàng nghe được một bài thuyết pháp, tu tập thiền quán, chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư đến quả chứng này, nàng nói lên bài kệ:

39. *Đã được hăm lăm năm,
Từ khi ta xuất gia.*

40. *Ta không thắng tri tâm,
Không được tâm thắng bằng,
Tâm không được an tịnh,
Không nghiệp phục được tâm
Do vậy ta dao động,
Nhớ đến lời Phật dạy.*

41. *Chú tâm không phóng dật
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy
Hôm nay đêm mồng bảy,
Khái ái được khô cạn.*

(XXX) Uttama (Therì. 128)

Sau nhiều đời làm việc lành, nàng được sanh trong nhà một triệu phú ở *Sàvatthi*, trong thời đức Phật hiện tại. Khi nàng lớn tuổi, nàng nghe *Patàcàrà* thuyết pháp và xin xuất gia. Nhưng nàng chưa chứng được quả vị thiền quán. *Patàcàrà* biết được tâm trạng của nàng, nên thuyết giảng cho nàng và nhờ vậy nàng chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên sự sung sướng của nàng.

42. *Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tinh xá.
Nhưng tâm không an tịnh,
Không nghiệp phục được tâm.*

43. *Ta đến Tỳ-kheo -ni,
Với ta đồng tín nữ,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Với uẩn, xú và giới.*

44. *Nghe xong pháp nàng thuyết,
Như nàng đã dạy ta,*

Bảy ngày ngồi kiết-già,
Ta thọ hưởng hỷ lạc,
Mòng tám ta đuổi chân,
Phá tan khói si ám.

Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của nàng.

(XXXI) Một Uttarà Khác

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở *Kosala*. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng xuất gia, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. *Bảy pháp giác chi này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.*

46. *Do quán không vô tướng
Ta đạt quả mong muón,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.*

47. *Trong an lạc Niết-bàn,
Mọi dục được đoạn diệt,
Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

(XXXII) Dantikà

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Sàvatthi* trong gia đình vị giáo sĩ nhà vua. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành tín nữ ở *Jetavana* (Kỳ Viên) và về sau xuất gia, dưới sự chỉ đạo của *Mahāpajāpati*. Một thời khi đang ở *Rājagaha* (Vương Xá), nàng leo lên núi Linh Thủ; và sau buỗi ăn, khi đang còn ngồi nghỉ, nàng thấy một người nài điều khiển một con voi; và nhờ vậy nàng chứng quả A-la-hán; với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Về sau, vô cùng hân hoan với quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ như sau:

48. *Ra khỏi ngôi tịnh xá,
Để nghỉ trưa ban ngày,
Trên đỉnh núi Linh Thủ,
Ta thấy một con voi,
Dầm nước xong đi lên,
Trên bờ một con sông.*

49. *Một người cầm cái móc,
Yêu cầu đưa chân lên,
Con voi đuổi chân ra,
Và người leo lên voi.*

50. *Thấy kẻ chưa nghiệp phục,
Đi đến được nghiệp phục,
Ta thấy nó vâng chịu,
Theo quyền lực của người.
Như vậy, ta định tâm,
Di vào trong rừng ấy.*

(XXXIII) Ubirì

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình khá giả quyền quý. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là *Jivà*. Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái *Jivà* bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc. Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông *Aciravàti* và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- Tại sao nàng khóc?

Nàng đáp:

- Bạch Thê Tôn, con khóc đứa con gái của con.

Thê Tôn nói:

- Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!.

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, Thê Tôn nói lên bài kệ:

51. *Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
Trong bài đốt thân này
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà
Nàng khóc Jivà nào?*

Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy. Nhờ thiền quán tác động, nhưng lời dạy tốt đẹp của bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt được, nàng nói lên nữa bài kệ sau:

52. *Mũi tên khó nhìn thấy,
Đâm dính nỗi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhổ lên khỏi tâm ta,
Sâu muộn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.*

53. *Nay mũi tên được nhổ,*

Mọi ham muốn lảng dìu,
 Ta đi đến quy y
 Bậc Mâu-ni ẩn sỹ,
 Quy y Ba ngôi báu
 Phật, Pháp và chúng Tăng.

(XXXIV) Sukkà (Therì. 129)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quý ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khát thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tịnh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, thuyết hay cho đến nỗi các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường nét ngọt ngào, thâm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một vị thần cây, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng, nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. *Hồi này người Vương Xá,
 Các người đã làm gì?
 Giống như người nảm mê,
 Bị say vì uống mật!
 Các người không hâu hạ,
 Sukkà thuyết lời Phật.*

55. *Chúng tôi nghĩ bậc trí,
 Uống được nước cam lồ,
 Dòng nước thật thuần tinh,
 Không gì chướng ngại nổi
 Chẳng khác kẻ đi đường,
 Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp. Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.

56. *Hồi này nàng Sukkà!
 Người con của ánh sáng!
 Được ly tham định tĩnh,
 Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
 Hãy mang thân cuối cùng,
 Sau khi thấy ma quân.*

(XXXV) Sielà

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm công chúa con vua nước Alavì, tên là Sielà. Nàng cũng được biết với tên là Alavika (người nước Alavì). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư cảm hóa

được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và cùng đi đến Alavi. Siela chưa lập gia đình, cùng đi với phu vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. Về sau nàng xuất gia, chuyên tu thiền quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, nàng nghiệp phục được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A-la-hán.

Về sau trở thành một Trưởng lão Ni, nàng ở Sàvatthi. Một hôm, nàng đi ra khỏi Sàvatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma muốn phá sự an tịnh độc cư của nàng, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với nàng và nói như sau:

*57. Nàng sẽ không thoát khỏi,
Thoát ly khỏi đời này,
Như vậy hạnh viễn ly,
Nàng dùng để làm gì?
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Chớ bứt rút về sau.*

Rồi nàng suy nghĩ: 'Đây là Ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mờ mắt và nàng nói lên bài kệ':

*58. Các dục giống guom giáo,
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời.*

*59. Ngày nay dục lạc áy,
Với ta không hấp dẫn,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khỏi tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma
Ngươi đã bị bại trận.*

(XXXVI) Somà (Therì. 129)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisara. (Bình Sa Vương) và được đặt tên là Somà. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành một tín nữ, và về sau nàng xuất gia và nhờ triển khai thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sàvatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma đến và muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

*60. Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt.*

Rồi nàng cự lại Ác ma:

61-62. *Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khỏi tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.*

**PHẦM IV
TẬP BỐN KỆ**

(XXXVII) Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapilà. (Therì. 130)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ *Kosiya* ở *Sàgala*. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là *Pippali* ở làng *Mahātittha*. Khi người chồng xuất gia, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia. Nàng sống năm năm tại *Titthiyàràma*, sau đó nàng được *Mahàpajàpati* cho thọ đại giới, nhờ triển khai thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán. Sau nàng trở thành một vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ. Nàng được đức Phật xem là người biệt tài đệ nhất về đời sống quá khứ, khi bậc Đạo Sư ở *Jetavana* (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni. Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão *Kassapa*:

63. Con được thừa tự Phật,
Ca-diếp khéo thiền định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xú.

64. ẩn sĩ đoạt diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà
Người xú Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được ché ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.

**PHẨM V
TẬP NĂM KỆ**

(XXXVIII) Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh (Therì. 130)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Devadaha* và trở thành người nữ điêu duồng cho *Mahàpajàpati*. Nàng tên là *Vàddhesi* nhưng tên gia tộc nàng không được biết đến khi chủ nàng xuất gia, nàng cũng xin xuất gia theo. Nhưng trong hai mươi lăm năm nàng bị các dục chi phối ám ánh, không được thiền định dầu cho đến một sát-na. Nàng than van tình trạng của nàng cho đến khi nàng được nghe *Dhammadinnà* thuyết pháp. Rồi tâm nàng xa lánh các dục, nàng tu tập thiền định và cuối cùng nàng chứng được sáu thắng trí. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ:

67. *Đã được hai lăm năm,*

Từ khi ta xuất gia,

Cho đến bùng ngón tay,

Tâm ta không lảng dịu.

68. *Tâm không được an tĩnh,*

Vì đầy ứ dục tham,

Ta giơ tay khóc than,

Ta đi vào tinh xá.

69. *Ta đến vị Ni ấy,*

Đồng tín nữ với ta,

Nàng thuyết pháp cho ta,

Về uân, xúi và giới.

70. *Nghe pháp nàng giảng dạy,*

Ta ngồi vào một bên,

Ta hết đời quá khứ,

Thiên nhẫn được thanh tịnh,

Với trí biết tâm người,

Lỗ tai được thanh tịnh.

71. *Ta chứng thân túc thông,*

Ta đạt được lậu tận,

Sáu thắng trí ta chứng,

Lời Phật dạy đã làm.

(XXXIX) Vimala, Xưa Làm Một Kỹ Nữ (Therì. 131)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Vesàli* làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Nàng được đặt tên là *Vimalà*. Khi nàng lớn lên, và suy tư với những tư tưởng uế nhiễm, nàng thấy Tôn giả *Mahà Moggallàna* đang đi khất thực ở *Vesàli*, nàng cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cám dỗ. Có người nói nàng được các ngoại đạo xúi dục nên làm như vậy. Tôn giả chỉ trích hành động không tốt đẹp của nàng và thuyết pháp cho nàng, như đã được ghi trong Trưởng lão Tăng Kệ. (*Therà. 1150-57*), nàng cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ. Về sau cùng nàng xuất gia, tinh tấn tu tập, và không bao lâu chứng quả A-la-hán, nghĩ đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

72. *Say mê với gai cáp,*

Với dung sắc tuổi xuân,
 Với danh xưng, danh vọng,
 Ta ỷ lại tuổi trẻ,
 Đối với những người khác,
 Ta khinh bỉ khinh thường.

73. Thân này ta trang điểm,
 Ta khêu gợi kẻ ngu,
 Ta đứng trong khung cửa,
 Tại cửa hàng buôn sắc,
 Như thợ săn, ác độc,
 Đang gieo đặt bẫy mồi.

74. Ta khoa trương trang sức,
 Phô bày nhiều chỗ kín,
 Để châm biếm nhiều người,
 Ta làm nhiều ảo thuật,
 Hôm nay ta khát thực,
 Đầu trọc, đặc đại y,
 Ta ngồi dưới gốc cây,
 Ta chứng định không tâm.

75. Mọi khổ ách đoạn tận,
 Cả cõi trời, cõi người,
 Quăng bỏ mọi lậu hoặc,
 Ta mát lạnh tịch tĩnh.

(VL) Sìha (Therì. 131)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli, con gái của một người chị vồ tướng Sìha. Do vậy, nàng được đặt tên là Sìha, như tên của người cậu của nàng. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sìha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia. Khi nàng tu tập thiền quán, nàng không thể chặn đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả áy. Bảy năm bị dày vò, nàng kết luận: 'Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn'. Rồi nàng cột sợi dây trên cây, đút cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chất chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng triển khai thiền quán. Đối với nàng đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, trí tuệ nàng được viên mãn, và với nội tâm thiền quán nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Mở thòng lọng ra nàng trở về tinh xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phân khởi nói lên bài kệ;

77. Không như lý tác ý,
 Bị dục tham ám ảnh,
 Ta trước bị dao động
 Không chế ngự được tâm.

78. Bị phiền não chi phổi,
 Lạc tướng ngự trị ta
 Tâm ta không thăng bằng,
 Bị tham tâm chi phổi.

79. *Bảy năm sống óm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu
Đêm ngày không an lạc
Ta sống chịu khổ đau.*

80. *Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hả liệt.*

81. *Làm chắc dây thòng lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thòng lọng quanh cổ,
Tâm ta liền giải thoát.*

(XLI) Sundari Nandà (Therì. 132)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc dòng họ Thích-ca. Được tên là *Nandà*. Nàng có danh là *Nandà* hoa khôi. Khi bậc Thệ Tôn giác ngộ, đi đến *Kapilavatthu* và độ cho *Nandà* và *Rahula* xuất gia. Khi vua *Suddhodana* (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà *Mahàpajàpati* xuất gia, nàng *Nandà* tự nghĩ: 'Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đẳng Thệ Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là *Rahula* cũng xuất gia, anh của ta vua *Nandà* cũng xuất gia. Mẹ của ta *Mahàpajàpati*, chị của ta, mẹ *Rahula* cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia'. Như vậy nàng xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình và không chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quở trách nàng. Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni *Abhirupa Nandà* (xem kệ XIX) với sự sai khác nhau: khi nàng thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh bất tịnh, hôi thui,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tĩnh.*

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được những quả vị cao hơn, Thê Tôn dạy thêm cho nàng: Nay *Nandà*, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt bị già, chết chi phôi. Như đã được nói trong tập Pháp cú:

*85. Thành này làm bằng xương,
Quét tó bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chúa.
(Pháp Cú. 150)*

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bổn Sư và nói thêm:

*86. Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân áy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhảm chán thân thế,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hê,
Ta an bình tịch tĩnh.*

(XLII) Manduttara (Therì. 132)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong một gia đình Bà-la-môn, nước *Kuru* thành *Kammàsadamma*. Sau khi học hỏi ngoại đạo, nàng xuất gia theo phái Ni-kiền-tử và vì nàng thuyết pháp giỏi, nàng cầm cành cây diêm phù và đi khắp xứ Ấn Độ như nàng *Bhaddà* (XLVI). Nàng gặp Tôn giả *Mahà-Moggallàna* và bị ngài chiến thắng trong cuộc tranh luận. Nàng nghe theo lời dạy của Tôn giả *Moggallàna*, xuất gia trong giáo pháp đức Bổn Sư và không bao lâu chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư trên chiến thắng của mình, nàng sung sướng nói lên bài kệ:

*87. Trước ta đánh lẽ lửa,
Trăng, mặt trời chư thiên
Ta đi đến bến sông,
Ta xuống nước, lê tắm.*

*88. Chấp nhận nhiều giới cấm
Ta chỉ cạo nửa đầu
Ta nằm ngủ dưới đất,
Cơm tối ta không ăn.*

*89. Thích trang điểm trang sức,
Ua tắm rửa, xoa bóp,
Thân này ta cung dưỡng,
Thỏa mãn các dục tham,*

*90. Từ khi được lòng tin
Không nhà ta xuất gia,
Ta thấy thân như Phật,
Nhờ sạch các dục tham.*

91. Mọi sanh hữu chặt đứt,
Cả ham muốn hy cầu,
Mọi ách nạn giải tỏa,
Ta đạt tâm an tịnh.

(XLIII) *Mittakali* (Therì. 132)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng *Kuru*, tại thành *Kammàsadamma*. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được nghe giảng về Bốn niêm xứ và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Trong bảy năm nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết như lý tác ý, triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phán khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.

93. Từ bỏ địch tối thượng,
Phục vụ địch hạ liệt,
Bị phiên não ngự trị,
Bỏ địch Sa-môn hạnh.

94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.

95. Ngắn ngủi sinh mạng ta,
Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.

96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.

(XLIV) *Sakulà* (Therì. 133)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở *Sàvatthi*, tên là *Sakulà*. Khi đức Phật nhận tinh xá *Jetavana*, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thé Tôn tán thán là Thiên nhãn đệ nhất. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phán khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ-kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.

98. Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia
Sống đời sống không nhà.

99. Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.

100. Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhẫn ta thanh tịnh,
Không ué, khéo tu tập.

101. Thấy các hàng ngoại diệu,
Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tĩnh.

(XLV) Sonà (Therì. 133)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được mười người con trai, con gái và được biệt danh là 'người nhiều con'. Khi người chồng xuất gia nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng. Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nấm các cột trong mái hiên, hay chụp nấm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm. Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là 'Tỷ-kheo-ni tinh tấn đệ nhất'. Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chira này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.

103. Nàng thuyết pháp cho ta,
Về uẩn xú và giới,
Nghe pháp nàng thuyết giảng.

Cắt tóc ta xuất gia.

104. *Ta học lời nàng dạy,
Thiên nhẫn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.*

105. *Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.*

106. *Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiến tri?
Từ nay ta không còn
Vấn đề phải tái sanh.*

(XLVI) *Bhadda Kundalakess (Therī. 134)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ra ở *Rajagaha* (Vương Xá), trong gia đình vị thủ khoả của nhà vua, và được tên là *Bhaddà*. Lớn lên và luôn luôn có người hầu hạ, nàng thấy ngang qua khe cửa, *Satthuka*, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình, theo lệnh của vua. Nàng bỗng yêu *Satthuka* và nằm trên giường nàng nói: 'Nếu ta không được chàng, ta sẽ chết'. Người cha vì thương nàng, nên hối lộ cho những người lính và đưa *Satthuka* đến gặp nàng. *Satthuka* khởi lòng tham đồ trang sức của nàng nên nói với nàng là khi bị dẫn đến 'hòn núi của kẻ trộm', chàng có phát nguyện: Nếu chàng được tha, chàng sẽ làm lễ cúng tạ ơn và nhờ nàng sửa soạn lễ tạ. Muốn được chàng bằng lòng, nàng vâng theo ý muốn của *Satthuka*, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe đi với chàng và cùng đi đến 'hòn núi của kẻ trộm' *Satthuka* không cho người hầu hạ đi theo, lấy đồ trang sức cúng dường, và leo lên núi một mình với nàng, nhưng không nói lời thân ái với nàng. Do thái độ của chàng, nàng tìm ra được mưu kế của chàng. Rồi *Satthuka* bảo nàng cởi áo ngoài ra, dùng áo gói đồ trang sức nàng đang mang theo, Nàng hỏi chàng nàng có làm điều gì sai quấy chàng, và chàng trả lời: 'Nàng thật ngu si ta đến đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của nàng'. Nàng nói: 'Này chàng thân yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em'. Chàng nói: 'Ta không biết gì về sự phân chia này'. Nàng nói: 'Thôi được, chàng thân yêu, nhưng chàng cho em một sở nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn chàng! *Satthuka* băng lòng và nàng ôm hôn chàng đằng trước, rồi ôm chàng hôn đằng sau, và trong khi ấy xô chàng ngã xuống vực núi. Một Thiên nhân ở trên núi, thấy nàng làm vậy liền khen rằng:

*Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân khi lanh lẹ,
Cũng tỏ khôn ngoan hơn,
Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân cũng khôn ngoan,
Chỉ nghĩ một phút giây!*

Rồi *Bhaddà* suy nghĩ: 'Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ

xuất gia'. Rồi nàng xuất gia theo phái Ni-kiền Tử. Họ hỏi nàng: 'Nàng ưng xuất gia đến mức độ nào?' Nàng trả lời: 'Tôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!' Rồi họ nhổ tóc của nàng và khi tóc nàng dài và quấn lại, nàng được gọi là *Bhaddà* tóc quấn. Nhưng trong khi nàng tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni-kiền Tử, nàng biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Nàng từ giã chúng Ni-kiền Tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiếng và cuối cùng không ai có thể tranh luận với nàng. Nàng vun lên một đống cát gần cửa đi vào làng, trồng lên một nhánh cây diêm phù, bão mây đúra con nít xem ai nhổ lên nhánh cây ấy. Sau một tuần không có ai nhổ lên cành cây, nàng liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.

Thé Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tinh xá *Jetavana* gần *Sàvatthi*, đúng lúc *Bhaddà* tóc quấn trồng nhánh cây ấy tại cửa thành *Sàvatthi*. Tôn giả *Sàriputta* vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nghiệp phục nàng, bảo các đúra con nít dẫm lên cành cây ấy, để mở đầu cuộc tranh luận, nàng nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kết quả nếu không có quần chúng đỡ đầu. Vì vậy nàng quy tụ một số đông quần chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa nàng và Tôn giả *Sàriputta*. Trước hết Tôn giả *Sàriputta* để cho nàng hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi nàng không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng.

Rồi Tôn giả hỏi nàng: 'Thế nào gọi là một?' Nàng *Bhaddà* tóc quấn thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói, một chút như vậy mà nàng không trả lời được, thì nàng có thể biết thêm được gì? Rồi Tôn giả giáo giới cho nàng và nàng xin quy y Tôn giả. Tôn giả *Sàriputta* khuyên nên quy y Thé Tôn, bậc Đạo Sư loài Người và Trời. Nàng vâng lời, chiêu lại đi đến yết kiến Thé Tôn khi ngài đang thuyết pháp. Sau khi đánh lễ nàng đứng một bên, Thé Tôn thấy căn cơ nàng đã thuần thực liền nói:

*Dẫu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không chút lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong được tịnh lạc.*
(Pháp cú 101)

Khi đức Phật nói xong bài kệ này, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nàng xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao đại giới cho nàng. Rồi nàng đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Nàng sung sướng phần khởi nói lên những bài kệ:

*107. Trước ta sống một y,
Tóc cao, thân mang bùn,
Không lỗi xem có lỗi,
Có lỗi xem là không.*

*108. Ban ngày rời tinh xá,
Trên ngọn núi Linh Thứu,
Ta thấy Phật vô ué,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo.*

*109. Quỳ gối ta đánh lẽ,
Đối diện ta chấp tay,
Hãy đến này Bhaddà,
Ta được thọ đại giới.*

*110. Ta đi khắp Angà,
Mogadhà, Vajji,
Quốc đô Kosala,*

*Mười lăm năm không nợ,
Ăn đồ ăn quốc độ.*

*111. Làm được nhiều công đức,
Tín nam này có tuệ,
Cho Bhaddà chiết y,
Thoát khỏi mọi triền phược.*

(XLVII) Patacàrà (Therì. 134)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi. Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hồi cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng. Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mối bò ra cắn chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng. Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thời thấy một con diều hâu, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Đầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tướng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thê là hai đứa con và cả người chồng bị chết. Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chất, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đứa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toi, nàng được gọi là Patacàra (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng. Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất. Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quần y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: 'Thê Tôn hãy cứu độ cho con. Một đứa con bị chim diều hâu mang đi; một đứa con bị nước cuốn trôi; còn chồng con bị rắn cắn chết; cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng. Đức Phật nói: 'Này Patacàra, đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều

hơn nước sông bốn biển'.

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thê Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: 'Ôi Patàcàrà, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn. Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này,
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: 'Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già'. Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: 'Hồi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mang chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thê Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

113. Sao ta, giới đầy đủ
*Làm theo Đạo Sư dạy,
 Lại không chứng Niết-bàn,
 Không nhác, không dao động.*

114. Khi ta đang rửa chân,
*Làm cho dòng nước chảy,
 Thấy được nước rửa chân
 Từ cao chảy xuống thấp,
 Nhờ vậy, tâm được định,
 Như ngựa hiền khéo luyện.*

115. Rồi ta cầm cây đèn,
*Bước vào ngôi tịnh xá,
 Nằm trên chiếc giường nhỏ,
 Ta nhìn quán ngọn đèn.*

116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
*Dìm tim đèn xuống dần,
 Thấy cây đèn Niết-bàn,
 Tâm ta được giải thoát.*

(XLVIII) 30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Của Patàcàrà (Therì. 135)

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong nhiều gia đình sai khác, được nghe Patàcàrà thuyết pháp, trở thành tín nữ và cuối cùng xuất gia. Trong khi họ làm trọn những phận sự của mình, và sống đầy đủ giới hạnh, nàng thuyết cho họ lời giáo huấn như sau:

117. Loài Người trong tuổi trẻ,
*Cầm chày giữa lúa gạo,
 Loài Người được tài sản,
 Nuôi dưỡng vợ và con.*

118. Hãy hành lời Phật dạy,
*Không làm gì nhiệt não,
 Rửa chân thật mau lẹ,
 Hãy ngồi xuống một bên,
 Chú tâm tu tâm chỉ,
 Làm theo lời Phật dạy.*

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, nghe theo lời dạy của Patàcàrà, an trú trên thiền quán, tu tập trí tuệ cho đến khi căn cơ thuần thực, chứng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy nghĩ trên quả chứng, họ phần khởi sung sướng và họ thêm vào các bài kệ của Patàcàrà với những bài kệ của mình:

119. Sau khi nghe lời dạy,
*Lời Patàcàrà,
 Sau khi rửa chân xong,
 Họ vào ngồi một bên,
 Chú tâm tu tâm chỉ,*

Làm theo lời Phật dạy.

120. Trong đêm canh thứ nhất,
Họ nhở đời quá khứ
Trong đêm canh chẵng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khối si ám phá tan.

121. Đứng dậy họ lẽ chân,
Vị giáo giới cho họ,
Như Chư Thiên ba mươi
Đánh lẽ vi Sakka,
Vị không bị đánh bại,
Ở lại chỗ chiến trường,
Đặt Patàcàrà,
Vào hàng bậc lãnh đạo,
Chúng tôi sẽ được sống,
Ba mình, không lâu hoặc.

(XLIX) Candà (Therì. 135)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng làm con một vị Bà-la-môn, ít được người biết đến, tại một làng Bà-la-môn. Từ lúc nhỏ, gia đình bị mất hết tài sản, và nàng lớn lên trong điều kiện rất thiếu thốn.

Trong gia đình, một bệnh thời khí phát ra giết hại cả nhà, và nàng phải đi xin nhà này qua nhà khác với một cái bát vỡ. Một ngày kia, nàng đến chỗ Tỷ-kheo-ni Patàcàrà khi vị này vừa ăn xong. Các Tỷ-kheo-ni thấy nàng trong tình cảnh đáng thương hại, tiếp nàng với lòng từ悯 và cho nàng ăn. Sung sướng được thấy hạnh phúc tốt đẹc của các Tỷ-kheo-ni, nàng đến gần Patàcàrà, đánh lễ, nàng ngồi xuống một bên để nghe pháp. Nàng nghe với tâm hồn phán khởi, và lo lắng vì kiếp sống luân hồi, nàng xuất gia. Nàng theo lời giáo giới của vị Tỷ-kheo-ni, nàng an trú thiền quán, nhiệt tâm tinh cần. Rồi với nghị lực và lời phát nguyện và sự chín muồi của trí tuệ, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

122. Trước ta sống bất hạnh,
Không chồng và không con,
Không bè bạn, bà con,
Không có cơm, có áo.

123. Ta cầm gậy bình bát
Đi ăn xin từng nhà,
Bị lạnh nóng dày dặa,
Bảy năm ta sống vậy.

124. Thấy được Tỷ-kheo-ni,
Ta nhận đồ ăn uống,
Sau khi đến, ta xin,
Được xuất gia không nhà.

125. Nàng Patàcàrà,

*Thưong ta, cho xuất gia,
Rồi giảng dạy cho ta,
Hướng dẫn đến chân đé.*

126. *Nghe xong lời nàng giảng.
Ta làm theo lời dạy,
Lời giảng bậc tôn Ni,
Không phải lời trống không,
Ta chứng được Ba minh,
Ta không còn lậu hoặc.*

PHẦM VI
TẬP SÁU KỆ

(L) Năm Trăm Patàcàrà (Therì. 136)

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong những gia đình khá giả, tại nhiều chỗ khác nhau, lầy chồng, có con, sống lo việc bếp núc trong gia đình. Họ đều chịu sự đau khổ khi con của họ bị chết. Rồi họ đi tìm đến Patàcàrà, đánh lễ nàng, ngồi xuống một bên nàng và nói cho nàng biết nỗi đau khổ của họ. Patàcàrà, làm cho họ với bớt sự đau khổ, nói lên những bài kệ như sau:

137. Ông không biết con đường

Nó đến hay nó đi,

Từ đâu con trai đến,

Ông lại khóc: 'Con tôi'.

138. Ông đâu biết con đường,

Nó đến hay nó đi,

Ông khóc nó làm gì?

Pháp hữu tình là vậy.

129. Không có ai yêu cầu,

Từ chỗ kia, nó đến,

Không có ai cho phép,

Từ chỗ này, nó đi,

Từ đâu, nó đến đây!

Được sống bấy nhiêu ngày.

130. Từ chỗ này nó đến,

Từ chỗ kia, nó đi,

Nó đến một con đường!

Nó đi một con đường,

Mệnh chung, hình sắc người,

Luân hồi, nó sẽ đi!

Đến vậy, đi như kia,

Ở đây, khóc than gì?

Sau khi nghe nàng giảng, họ đều cảm thấy dao động và xin xuất gia, dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà. Sau khi tinh cần triển khai thiền quán, chứng đạt được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, các vị ấy lập lại bài kệ giáo hóa của Patàcàrà và cộng thêm những bài kệ của chính mình như sau:

131. Cây tên, khó thấy được,

Từ tim ta, nhổ lên:

Nàng diệt sâu vì con,

Sâu ấy ám ảnh ta.

132. Nay cây tên được nhổ

Không dại cầu, tịch tĩnh

Ta quy y ẩn sĩ,

Phật, Pháp và chúng Tăng.

Về sau Tỷ-kheo-ni này rất giỏi về lời dạy của *Patàcàrà*, nên chúng được gọi là: tùy thuộc của *Patàcàrà*.

(LI) *Vàsitthi* (Therì. 136)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở *Vesàli*. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng. Khi có được đứa con, mới tập chạy, nó chết đi và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, nàng bỏ trốn và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến *Mithilà*. Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhớ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh. Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vấn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bồn phận của mình, nàng an trú vào thiền quán, và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín tho, nghĩa tín tho. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. *Ta sầu muộn vì con
Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lõa thể, tóc rối ren,
Đời sống vậy, ta sống.*

134. *Lang thang đường, đồng rác,
Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống,
Kham khổ, chịu đói khát.*

135. *Rồi ta thấy Thiện Thệ,
Đến thành Mi-thi-la,
Diều ngự kẻ chưa diều,
Bậc Giác Ngộ, vô úy.*

136. *Lấy lui tâm bình tĩnh,
Ta đánh lě đến gần.
Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

137. *Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo Sư,
Ta chứng đạo an ổn.*

138. *Mọi sầu muộn chặt đứt,
Đoạn tận, được chấm đứt,
Ta liễu tri nền gốc,
Từ đây sầu muộn sanh.*

(LII) *Khemà* (Therì. 137)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước *Magadha* (Ma-kiệt-dà) ở *Sàgala*, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là *Khemà*. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua *Bimbisàra*. Khi Thế Tôn ở tại *Veluvana* (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng

bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thé Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thé Tôn, dàu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giã tinh xá nhưng không gặp được Thé Tôn, các người hầu cản giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thé Tôn một cách miễn cưỡng. Đức Thé Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, như nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. *Khemà* thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thé Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kệ không màng.*
(Pháp cú, 347)

Tập Só ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập *Apadàna*, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở *Jetavana* (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng thiền quán đệ nhất.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, Ác ma hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,
Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Hãy vui hưởng, Khemà.*

Nàng trả lời:

*140. Voi thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhảm chán ghét bỏ,
Đục ái đã nhổ lên.*

*141. Đục ví như guom giáo,
Các uẩn đoạn đau dài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.*

*142. Mọi noi, hỷ duyệt đoạn,
Khói si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.*

*143. Người đánh lẽ vàng sao!
Ngươi thờ lửa rừng sâu,
Ngươi không biết như thật,*

Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.

144. *Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo Sư dạy.*

(LIII) *Sujàtà (Therì. 137)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Sàketa* trong gia đình thủ khố nhà vua. Được gả chòng với con vị thủ khố tương xứng với gia đình, nàng sống hạnh phúc với chòng. Một hôm, trong khi đi dự lễ các Sao (*Nakkhatakilam*), nàng đi về với những người hầu hạ, và nàng thấy bậc Đạo Sư ở vườn *Anjana*. Nàng cảm thấy bị hấp dẫn, đến gần đảnh lễ ngài và nghe ngài thuyết pháp. Bậc Đạo Sư biết căn cơ nàng đã chín muồi, nên đặc biệt thuyết pháp cho nàng, và thuyết pháp xong, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ. Đảnh lễ bậc Đạo Sư, về nhà được chòng và cha mẹ chấp thuận và với sự đồng ý của bậc Đạo Sư, nàng được xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Suy tư đèn quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên như sau:

145. *Trang sức, mặc áo đẹp
Vòng hoa, xúc chiên đàn,
Đeo mọi loại nữ trang
Cầm đầu chúng nữ tỳ.*

146. *Mang theo đồ ăn uống,
Nhiều món ăn cứng mềm,
Từ nhà ta đi ra,
Di đến vườn thường ngoạn.*

147. *Tại đây ta vui chơi,
Rồi ta đi về nhà,
Ta thấy ngôi tinh xá,
Khi ta bước vào rừng,
Rừng tên Anjanà,
Tại xứ Sàketa.*

148. *Thấy hào quang thế giới,
Đánh lễ, ta tới gần,
Thương ta, bậc Pháp nhân,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

149. *Nghe xong bậc Đại tiên,
Ta thèm nhập chân lý,
Tại đây ta chứng pháp,
Ly trần tạo bất tử.*

150. *Do liễu tri diệu pháp,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Không trống rỗng lời Phật.*

(LV) Anopanà (Therì. 138)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Sàketa*, trong gia đình vị thủ kho *Majha*. Vì nàng rất đẹp, nàng được tên là *Anopanà* (không ai sánh nổi). Khi nàng đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử, cùi các sứ giả đến xin cưới nàng. Nghe tin vậy, nàng có tâm nguyện khác, nàng muốn sống đời sống không có gì hết. Nên nàng tìm đến bậc Đạo Sư ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, nàng chứng được quả thứ ba, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo Sư cho xuất gia, nàng được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, nàng chứng được quả A-la-hán. Suy tư trên quả chứng, nàng sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

151. *Sanh gia đình cao quý,
Nhiều cháu báu, tài sản,
Đầy đủ dung sắc đẹp,
Con gái cưng Majha.*

152. *Được con vua cầu hôn,
Con phủ gia xin cưới,
Sứ giả đến cha ta,
Cho tôi Anopham.*

153. *Công chúa con gái ngài,
Cân nặng như thế nào
Tôi sẽ tặng tám lòn
Bằng vàng ròng cháu báu.*

154. *Ta thấy đáng Giác ngộ,
Bậc Thэт Tôn vô thượng,
Ta đánh l  ch n Ngài,
Đến gần, ngồi một bên.*

155. *Thuong ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.
Ngay tại chỗ ngồi ấy,
Ta chứng quả thứ ba.*

156. *Rồi ta cạo bỏ tóc,
Xuất gia, sống không nhà,
Hôm nay, đêm thứ bảy,
Khát ái được gột sạch.*

(LV) Mahàpajàpatì Gotamì (Therì. 138)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở *Devadaha*, trong gia đình *Mahà-Suppabuddha*. Tên gia đình của nàng là *Gotama*, và nàng là em gái của *Mahàm y *. Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị ch n lu n vương. Vua *Suddhodana*, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em. Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp lu n, ngài đi đến *Vesali*, và phu vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi *Mahàpajàpati* muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người

chồng đã xuất gia, đi đến *Vesàli*, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả *Ananda*. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy Tám kinh pháp cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, *Mahàpajàpati* đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe *Nandaka* giáo giới, chúng được sáu thắng trí.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa thánh chúng tại tinh xá *Jetavana* (Kỳ Viên), Ngài xác nhận *Mahàpajàpati* là vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn. Để nói lên lòng biết ơn của mình, *Mahàpajàpati* tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thé Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. Bậc Giác ngộ anh hùng!

*Con xin đánh lê Ngài,
Ngài là bậc Tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.*

*158. Liễu tri mọi đau khổ,
Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám nganh,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.*

*159. Trước ta sống là mẹ,
Là con, là cha, anh,
Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vây,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi, tìm không gặp.*

*160. Nay ta thấy Thé Tôn,
Thân này thân tối hậu,
Sanh tử được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
Siêng, tinh cần nỗ lực,
Thường, kiên trì tinh tấn,
Hãy thắng đệ tử Phật,
Hòa hợp, đánh lê Ngài.
Vì hạnh phúc nhiều người,
Ma-yà sanh Cù-dàm,
Giải tỏa nhóm khổ đau
Cho người bị bệnh chết?*

(LVI) **Guttà (Therì. 139)**

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Sàvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn và tên là *Guttà*. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nhảm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia, dưới

sự lãnh đạo của *Mahàpajàpati*. Sau đó nàng hành trì với tín tâm, nhưng tâm của nàng cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy nàng không thiền định được. Rồi bậc Đạo Sư muôn khích lệ nàng, phóng hào quang và hiện ra trước mặt nàng và nói lên bài kệ như sau:

163. Vì mục đích tối thượng,
Guttà, người xuất gia,
Từ bỏ cả con cái,
Cho đến bản thân mình,
Hãy nhiệt tâm hành trì,
Chớ để tâm chi phổi.

164. Tâm lừa đảo chúng sanh,
Ưa ác ma lãnh vực,
Luân hồi nhiều đời sống,
Chúng dong ruồi, si mê.

165. Dục vọng và sân hận,
Kẻ cản với thân kiến,
Cộng thêm giới cảm thủ
Với nghi hoặc thứ năm.

166. Hồi này, Tỳ-kheo-ni,
Từ bỏ kiết sử này,
Là hạ phần kiết sử,
Ngươi hết lại đời này.

167. Hãy tránh xa tham mạn,
Vô minh và trạo cử,
Chặt đứt kiến sử xong,
Ngươi sẽ đứt đau khổ.

168. Quảng bỏ vòng sanh tử,
Liễu tri sự tái sanh,
Hiện tại không ước vọng,
Ngươi sẽ sống an tĩnh.

(LVII) Vijayà (Therì. 139)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành bạn của *Khemà*, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ. Khi nghe *Khemà* xuất gia, nàng nói: '*Khemà* là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta'. Nàng đi đến *Khemà*, và *Khemà* biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp. Rồi *Khemà* cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập thiền quán và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

169. Bốn lần và năm lần
Ta ra khỏi tinh xá,
Tâm không được an tĩnh,
Không chế ngự được tâm.

170. *Ta đến Tỷ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về giới và về xứ.*

171. *Bốn sự thật bậc Thánh
Về các căn, các lực,
Giác chi, tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.*

172. *Nghe lời vị áy dạy,
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.*

173. *Trong đêm canh chẵng giữa
Thiên nhẫn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khối si ám tan tành.*

174. *Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khối si ám tan tành.*

PHẨM VII
TẬP BÁY KỆ

(LVIII) Uttarà (Therì. 140)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình thường dân, tên là Uttarà. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp, trở thành một tín nữ, xuất gia và trở thành vị A-la-hán. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

175. *Loài Người trong tuổi trẻ,
Cầm chày giã lúa gạo,
Tuổi trẻ được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

176. *Hãy hành lời Phật dạy,
Không làm gì nhiệt não,
Rửa chân thật mau le,
Hãy ngồi xuống một bên.*

177. *Sau khi an trú tâm,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Hãy quán sát các hành,
Thuộc ngoại, không thuộc ngã.*

178. *Ta nghe lời giáo huấn,
Lời Patàcàrà;
Sau khi ta rửa chân,
Bước vào, ngồi một bên.*

179. *Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đời quá khứ,
Trong đêm canh chẵng giữa
Thiên nhân được thanh tịnh.*

180. *Trong đêm canh cuối cùng,
Khỏi si ám tan tành,
Từ ba minh, đứng dậy
Giáo huấn Ngài, làm xong.*

181. *Như Thiên chủ Sakka,
Ở cõi trời Ba mươi,
Không bao giờ bại trận,
Ở tại các chiến trường,
Ta sống, tôn xưng Ngài,
Là bậc Thầy lãnh đạo,
Ta chứng được ba minh,
Ta không còn lậu hoặc.*

Một hôm nàng tu tập thiền quán dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà, ngồi trong phòng của nàng, nàng suy nghĩ: 'Ta sẽ không ngồi dậy nếu tâm ta không giải thoát khỏi các lậu hoặc'. Quyết định như vậy, nàng

triển khai trí tuệ, thiền quán, chứng được quả A-la-hán, với sức mạnh trực giác và triệt quán Chánh pháp. Sau khi tiếp tục quán mười chín đề tài với ý thức 'không biết ta có làm đủ những điều cần phải làm chăng', nàng nói lên sự sung sướng của nàng với những bài kệ ghi ở trên và nàng duỗi chân ra. Khi trời rạng đông và đêm đã sáng, nàng tìm gặp vị Tỷ-kheo-ni và lập lại những bài kệ của nàng.

(LIX) Càlà (Therì. 141)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Magadha, tại làng Nàlaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surùpasàri. Khi đến tuổi đặt tên, nàng được gọi là Càlà. Em gái nàng tên là Upacàlà và em nhỏ nhất tên là Sisupacàlà và cả ba là em của Tôn giả Sàriputta. Khi ba đứa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo chúng suy nghĩ: 'Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người anh như người anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo; ba nàng cũng xuất gia, dẫu gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành, chứng quả A-la-hán và sống an lạc giải thoát.'

Rồi Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khất thực, đi vào rừng Andho để nghỉ trưa và tại đây Ác ma hiện ra để cám dỗ nàng. Trong kinh, có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, đi vào trong rừng an lạc để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andho, nàng ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để lung lạc nàng và hỏi nàng những câu trong các bài kệ của nàng. Sau khi nàng nói lên những đức hạnh của vị Đạo Sư, và sức mạnh của Chánh pháp, nàng làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình muôn cám dỗ nàng và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi nàng nói lên sự sung sướng phần khởi của nàng và câu chuyện với Ác ma như sau:

182. Sau khi an trú niệm,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tĩnh,
An lạc tĩnh các hành.

Ác ma:

183. Vì ai, người đâu trọc,
Hiện tướng, Sa-môn ni?
Không theo hệ phái nào,
Sao sống si mê vậy?

Càlà:

184. Các hệ phái ngoại đạo
Nương tựa trên tà kiến,
Họ không hiểu Chánh pháp
Họ không thuận thực pháp.

185. Sanh gia tộc Thích-ca,
Đức Phật, bậc vô tợ
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua các tà kiến.

186. Ngài thuyết Tám thánh đạo,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ

Và con đường khổ diệt.

187. Ta nghe lời Phật dạy,
Sóng vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành!
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị hại, Ma vương.

(LX) Upacàlà (Therì. 141)

Câu chuyện giống như Tỳ-kheo-ni Càlà. Như Càlà, nàng chứng quả A-la-hán, và bị Ác ma cám dỗ nhung Ác ma đã thất bại:

189. Trú niệm có pháp nhân
Tỳ-kheo-ni luyện cẩn,
Thể nhập đạo an tĩnh,
Bậc thương nhân hành trì.

Ác ma:

190. Sao ngươi không thích sanh,
Có sanh mới hưởng dục,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Chớ hối tiếc về sau.

Upacàlà:

191. Đã sanh, thời bị chết,
 Tay chân bị đứt đoạn,
 Bị giết, trói, phiền não.
 Sau đura đến khổ đau.

192. Sanh gia bậc Thích-ca
Đức Phật không chiến bại.
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua khỏi sự sanh.

193. Ngài thuyết Tâm thánh đạo,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.

194. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sóng vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

195. Mọi nơi, hãy duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.

PHẨM VIII
TẬP TÁM KẾ

(LXI) Sìsupacàlà (Therì. 142)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. *Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các cẩn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.*

Ác ma:

197. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trùi Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tụ Tại.
Hãy hướng tâm chồ ấy,
Chồ xưa kia nàng sống.*

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: 'Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chồ ấy, người có trí không ưa thích'. Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trùi Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tụ Tại.*

199. *Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử,*

200. *Toàn thế giới bốc cháy
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.*

201. *Phật thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỳ,
Được bậc không phàm phu,
Phục vụ và nhiệt hành,
Chồ ấy, tâm ý ta,
Hân hoan và ưa thích.*

202. *Ta nghe lời vị áy,
Sóng vui trong giáo pháp,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

203. *Mọi chỗ, hỷ diệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.*

PHẨM IX
TẬP CHÍN KẾ

(LXII) Mẹ Của Vaddha

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố *Bhàrukaccha*, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là *Vaddha* và nàng được biết là mẹ *Vaddha*. Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. *Vaddha* đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. *Vaddha, chó bao giờ,
Rời vào cõi tham dục,
Này con, chó chia phần,
Trong đau khổ liên tục.*

205. *Hạnh phúc là ân sỉ,
Không tham, nghi đoạn tận,
Sóng mát lạnh, ché ngư,
Không còn các lậu hoặc.*

206. *ân sỉ áy hành trì,
Con đường đạt chánh kiến,
Chấm dứt sự khổ đau,
Vaddha! Hãy tiến tu.*

Rồi *Vaddha* suy nghĩ: 'Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán', nên nói như sau:

207. *Với tự tín mẹ nói,
Mục đích này cho con,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,
Mẹ không còn tham dục.*

Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. *Vaddha! Phàm hành gi,
Tháp, cao hay bắc trung,
Một tí nhỏ tham dục,
Không có ở noi ta.*

209. *Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Không phóng dật, thiền tu,
Ba minh đã đạt được,
Làm xong lời dạy.*

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chõ mình thường ngồi, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, *Vaddha* đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

210. *Vì diệu thay, mẹ ta,*

*Khích lệ, thúc đẩy ta,
Những kệ thuộc chân đế,
Với lòng từ thương tưởng.*

*211. Ta nghe lời mẹ dạy,
Lời giáo giới mẹ hiền,
Ta hành pháp cảm kích,
Đạt an ổn khổ ách.*

*212. Ta tinh tấn tinh cần,
Ngày đêm không biếng nhác,
Được mẹ khéo khích lệ,
Ta chứng tịnh tối tượng.*

PHẨM X
TẬP MUỜI KỆ

(LXIII) Kisà Gotamì (Therì. 143)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình nghèo khổ, tên là Gota mì, vì nàng yếu đuối nên được gọi là *Kisà Gotamì* (Gotamì ôm yếu). Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng. Khi người con lớn lên và có thể chạy được, nó chết, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: 'Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa'. Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: 'Hãy cho con tôi thuốc'. Và được trả lời: 'Nay thuốc còn gì dùng nữa'. Nhưng nàng không hiểu. Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: 'Hãy cho con tôi thuốc'. Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: 'Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cài!' Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: 'Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta', nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tùng tròn,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cài không, nàng trả lời: 'Việc làm đã làm xong về hột cài. Hãy xác nhận cho con'.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người áy,
Như lụt trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được Sơ quả (quả Dự lưu) và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng. Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu hạnh khắc khổ nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào hạnh mặc thô y đệ nhất. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc

Hiền Thánh:

213. Bạn lành được ân sỉ,
Khắp thế giới, ngoại khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.

214. Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.

215. Hãy biết, Bốn thánh đế,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đoạn Thánh tâm ngành.

216. Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bậc đánh xe điệu ngự,
Những ai đáng điệu ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.

217. Trong đau khổ đâm họng,
Mẹ yêu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.

218. Khi mang thai đi vè,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,
Ta không về đến nhà.

219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Đồn chung trên đồng lửa.

220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kẻ xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.

221. *Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

222. *Ta tu tập Thánh đạo,
Đường tâm nganh, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. *Trên ta, mũi tên đâm,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotami,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên đời này.*

PHẨM XI
TẬP MƯỜI HAI KỆ

(LXIV) Uppalavanna

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da nàng màu tim của sen xanh, nàng được gọi là *Uppalavannà*. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân dành nhau đến cưới nàng. Vị trưởng kho bạc, không thể làm cho mọi người bằng lòng, nghĩ đến một kế để giải quyết. Ông cho gọi *Uppalavannà* và yêu cầu nàng xuất gia. Và vì căn cơ đã thuần thực, nàng nhận lời ngay, và được đưa đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi nàng phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bồ-tát, nàng thắp ngọn đèn quét phòng. Rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán. Nàng trở thành vị thần thông đệ nhất.

Và bậc Đạo Sư, ngồi giữa đại chúng ở *Jetavana* án chứng cho nàng là thần thông đệ nhất. Nàng suy tư trên quả an lạc của thiền và thánh quả, nói lên một số bài kệ. Đây là những lời thốt ra từ miệng một bà mẹ trở thành tình địch với con gái của mình, đối với một người mà sau này trở thành vị Tỷ-kheo tên là Tỷ-kheo ở trên bờ sông Hằng. Những bài kệ này nói lên sự nguy hiểm, sự hả hê và sự uế nhiễm của các dục:

I

224. Hai, mẹ và con gái,
Chúng tôi sống một chồng,
Lời nàng đã nói lên
Làm ta xúc động mạnh,
Cánh ngô thật hy hữu,
Làm tóc lồng đựng ngược.

225. Đáng ngán thay các dục,
Bất tĩnh, hôi, nhiều gai,
Ở đây, mẹ, con gái,
Chúng tôi lấy một chồng.

226. Thấy nguy hiểm trong dục,
Viễn ly an ồn vũng
Nàng xuất gia Vương Xá,
Bỏ nhà, sống không nhà.

II

Sung sướng nàng nói lên quả chứng của mình.

227. Ta biết các đời trước,
Thiên nhân được thanh tĩnh,
Trí biết được tâm người,
Nhĩ giới được trong sạch.

228. Ta chứng được thần thông,

*Lại tận ta đạt được,
Ta chứng sáu thắng trí,
Lời Phật dạy, làm xong.*

III

Nàng hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bậc Đạo Sư và ghi như sau:

*229. Do hiện hóa thần thông,
Ta đến xe bốn ngựa,
Ta đánh lỗ chân Phật,
Thế giới chủ, quang vinh.*

IV

Nàng bị Ác ma đến quấy phá, tại rừng cây *Sàla* và trách móc Ác ma.

Ác ma:

*230. Nàng đi đến gốc cây,
Đang nở hoa tuyệt đẹp,
Nàng đến, đứng một mình,
Dưới gốc cây có hoa!
Nàng đến chỉ một mình;
Này kẻ dại khờ kia,
Sao nàng lại không sợ,
Có kẻ cám dỗ nàng!*

Nàng:

*231. Trăm ngàn người cảm dỗ,
Có đến đây như ngươi,
Mảy lóng ta không động,
Ta không gì hoảng hốt,
Ác ma, làm gì ta,
Khi ngươi đến một mình.*

*232. Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng nhà ngươi,
Ta đứng giữa hàng mi,
Ngươi không thấy ta đứng.*

*233. Với tâm khéo nghiệp phục,
Thần túc khéo tu trì,
Sáu thắng trí, ta chứng,
Lời Phật dạy, làm xong.*

*234. Các dục giống guom giáo,
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà ngươi gọi,*

*Là lạc thú cuộc đời.
Ngày nay, dục lạc ấy.
Với ta, không hấp dẫn.*

235. *Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khôi tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.*

PHẨM XII
TẬP MƯỜI SÁU KỆ

(LXV) Punnà hay Punnikà (Therì. 146)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong gia đình ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) con gái của một người nô lệ. Nàng chứng được quả Dự lưu khi nghe kinh Sư tử hổng (Trung Bộ Kinh, kinh số 11 hay 12). Về sau, sau khi nàng hóa độ được một Bà-la-môn tin tưởng nhờ nước làm cho thanh tịnh và được cảm tình của ông chủ, nàng được thoát ly khỏi giới nô lệ, và với sự bằng lòng của ông chủ, nàng được xuất gia. Và nhờ triền khai thiền quán, nàng chứng quả A-la-hán với hiêu pháp và hiêu nghĩa. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ như sau:

236. *Mùa đông ta mang nước,
Luôn luôn xuống dòng nước,
Ta sợ các hình phạt,
Lời trách móc các bà.*

237. *Hồi này Bà-la-môn,
Ngươi sợ hãi vì ai?
Luôn luôn xuống dòng nước,
Tay chân run cầm cập.
Ngươi phải chịu cảm thọ,
Rét lạnh quá đỗi vậy?*

238. *Và nàng có biết chăng
Hồi này Punnikà?
Sao nàng lại đến hỏi
Vị làm các nghiệp lành,
Vị đã chặn đứng lại,
Các nghiệp ác bất thiện.*

239. *Vị ấy già hay trẻ,
Làm các nghiệp ác độc,
Người ấy nhò rỉy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.*

240. *Ai nói với ngươi vậy,
Kẻ ngu với kẻ ngu,
Người tin nhò rỉy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.*

241. *Tất cả những éch, rùa,
Sẽ được lên cõi trời,
Cùng các rắn cá sấu,
Và các thủy vật khác.*

242. *Kẻ giết bò giết heo,
Kẻ đánh cá sanh thú,
Các kẻ cuớp giết người,
Các người làm ác khác,
Họ nhò có rỉy nước,*

Có thể thoát ác nghiệp.

243. *Nếu những con sông này,
Có thể làm trôi mắt,
Ác nghiệp xưa người làm,
Chúng cũng làm trôi luôn,
Các thiện nghiệp người làm,
Khiến người thành rỗng không.*

244. *Phạm chí vì cái gì,
Người sợ phải xuống nước,
Cái áy chớ có làm,
Chớ để lạnh hại da.*

245. *Ta đi theo tà đạo,
Nàng hướng ta Thánh đạo,
Thưa nàng ta cho nàng,
Cái áo thâm nước này.*

246. *Người giữ cái áo lại,
Ta không muốn cái áo!
Nếu người sợ đau khổ,
Nếu người không thích khổ.*

247. *Chớ làm các điều ác,
Công khai hay kín đáo,
Nếu người làm sẽ làm,
Làm các điều ác nghiệp.*

248. *Người không thoát đau khổ,
Đầu thấy đến, người chạy,
Nếu người sợ đau khổ,
Không ra thích đau khổ.*

249. *Hãy đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận Giới luật,
Người sẽ được lợi ích.*

250. *Ta đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Ta chấp nhận Giới luật,
Ta sẽ được lợi ích,*

251. *Trước ta là bà con,
Với tộc họ Phạm thiên,
Nay ta là Phạm chí,
Chân thật là như vậy,
Ta chứng ngộ Ba minh,
Đầy đủ trí Vệ-đà,*

*An ẩn đến với ta,
Tâm tư được gột sạch.*

Vị Bà-la-môn quy y và thọ năm giới. Về sau được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp trở thành một thiện nam và xuất gia. Nhờ tinh cần tu tập không bao lâu chứng được Ba minh, và nghĩ đến quả chứng của mình, nói lên bài kệ này. Và vị Tỳ-kheo-ni, lập lại bài kệ ấy trở thành bài kệ của mình.

**PHẨM XIII
TẬP HAI MUOI KỆ**

(LXVI) Ambapàli (Therì. 147)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua *Vesàli* và được gọi là *Ambapàli*. Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do nghiệp lực của nàng, nàng trở thành một kỹ nữ. Vì lòng tin đối với bậc Bồ Tát, nàng xây dựng một tịnh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe con nàng, tức là Trưởng lão *Vimalakondanna* thuyết pháp, nàng triển khai thiền quán về lý vô thường, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,*
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

253. *Thơm như hộp ướp hương,*
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

254. *Như rừng khéo vụn tròng,*
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật

255. *Trang điểm với bện tóc,*
Sáng chói nũ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

256. *Trước lông mày của ta,*
Chói sáng khéo tô vẽ,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

257. *Mắt ta xanh và dài,*
Sáng đẹp như châu báu,

Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

258. Lỗ mũi mềm và thon,
Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

259. Trước tai ta sáng chói,
Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhúi chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

260. Trước răng ta sáng chói,
Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bé gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

261. Ngọt là giọng nói ta,
Như chim cu hót rìng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bể bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

262. Trước cổ ta chói sáng,
Mềm đầy dặn nhu nhuyễn,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

263. Trước cánh tay của ta,
Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

264. Trước bàn tay của ta,
Mềm mại như cánh hoa,
Sáng như nữ trang vàng,

Nay biến đổi vì già,
 Như rẽ cây khô cằn,
 Nhăn nhúi và thô nhám,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

265. Trước vú ta sáng chói,
 Căng thẳng và tròn đầy,
 Nay biến đổi vì già,
 Tróng rỗng treo lủng lẳng,
 Như da không có nước,
 Tróng không, không căng tròn,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

266. Trước thân ta chói sáng,
 Như giáp vàng đánh bóng,
 Nay biến đổi vì già,
 Đầy vết nhăn nhô xíu,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

267. Trước bắp vẻ của ta,
 Sáng chói như voi,
 Nay biến đổi vì già,
 Giống như những ống tre,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

268. Trước ống chân của ta,
 Mềm mại như vòng vàng,
 Nay biến đổi vì già,
 Chẳng khác gậy cây mè,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

269. Trước chân ta chói sáng,
 Voi lồng mềm như bông,
 Nay biến đổi vì già,
 Nứt nẻ đầy đường nhăn,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

270. Thân này là như vậy,
 Nay già chira nhiều khô,
 Ngôi nhà đã cũ kỹ,
 Voi trét tường rơi xuống,
 Đúng như lời giảng dạy,
 Của bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và phát triển tuệ quán trên con đường tu tập chứng được quả A-la-hán.

(LXVII) *Rohini* (Therī. 150)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Vesali* trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là *Rohini* (con bò đỏ, nâu). Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở *Vesali*, nàng đến nghe pháp, chứng được quả Dự lưu. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng khai triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phụ thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

271. *Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.*

272. *Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?*

273. *Họ nhác không thích làm,
Sóng với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?*

274. *Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ
Tuệ giới hạnh tinh cần.*

275. *Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thảng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.*

276. *Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.*

277. *Thân nghiệp họ trong sạch,
Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.*

278. Không cầu ué giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ tráng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ châm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chira, kho cát,
Họ tâm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.

284. Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.

285. Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.

286. Hồi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tin kính sắc bén.

287. Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phuóc vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,

*Té đàn thiết lập đây,
Đối với tôi rất lớn.*

288. *Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.*

289. *Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.*

290. *Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt Ba minh,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tâm rửa thật sạch.*

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng để tố lộ sung sướng của mình.

(LXVIII) Càpà (Therì. 151)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ *Vankahàra*, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà. Trong lúc ấy, *Upaka* một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bổn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: 'Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Nay Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?' Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bổn Sư,
Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nại,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp
Thúc tịnh và hướng dẫn,*

*Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trong bất tử,
Rười cam lồ giải thoát.*

Vị ân sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: 'Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt'. Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng đường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyên thà chịu chết nếu không lấy được Càpà. Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bàng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho. Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là Subhadda. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để ché nhạo chồng mình; 'Con của Upaka! Con của vị ân sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con'. Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: 'Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy'. Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thệ Tôn ở Sàvatthi. Thệ Tôn dặn các Tỳ-kheo khi nào có ai đến hỏi: 'Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?' thời đưa người ấy vào gặp đức Phật. Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: 'Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?' Các Tỳ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn Càpà, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phẫn khởi của mình:

Upaka nói:

*291. Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đâm khổn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

*292. Càpà chọc đứa con,
Mỉa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

*293. Chớ có tức giận em,
Hỡi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hỡi bậc đại ân sĩ,
Kẻ bị giận chi phổi,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.*

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sóng đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quyến rũ.

295. *Hãy trở lui thưa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hướng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hướng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tu,*
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lụu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thoi kèn,
Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. *Uớp thơm với mùi hương,*
Hương chiên đan đở thăm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thượng,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. *Như thợ săn bắt chim,*
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu búa giăng sắc đẹp,
Nàng không trí ta được!

300. *Còn quả con trai này,*
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đứa con trai của thiếp,
Đứa con trai của chàng.

301. *Bậc trí bỏ con trai,*
Bỏ bà con, tài sản,
Bậc đại hùng xuất gia,

Như voi biết trói buộc.

302. *Con trai này của chàng,*
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sầu muộn đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. *Nếu nàng quăng con trai*
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. *Nay mong chàng tốt lành,*
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. *Xưa đời sông chúng tôi,*
Tổ chức thành đô chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Sông trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.

306. *Nay thật Thé Tôn này,*
Đọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.

307. *Nay chàng đi đánh lេ,*
Bậc Thé Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. *Càpà, như nàng nói!*
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lេ Thé Tôn vô thượng,

*Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

309. *Rời Kàla ra đi,
Đọc sông Ni-liên-thiền,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,
Thuyết pháp đạo bất tử.*

310. *Thuyết khổ, khổ tập khởi!
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết đường Thánh tám nganh,
Đưa đến khổ tịnh chỉ.*

311. *Đánh lẽ chân Ngài xong,
Hữu nhiều quanh Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Của Càpà vợ chàng!
Rời chàng xin xuất gia,
Sóng đòi không gia đình,
Chứng đạt được Ba minh,
Làm xong lời Phật dạy.*

(LXIX) *Sundari (Therī. 153)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Benares (Ba-la-nại), con cái của Sujata, một Bà-la-môn. Vì thân nàng đẹp đẽ, nàng được gọi là *Sundari*, khi nàng lớn, em trai nàng chết. Cha nàng quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni Vasitthi. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha nàng bị đau khổ gì, cha nàng trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khổ, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp, và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của nàng. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy. Vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và quy y. Khi được biết bậc Đạo Sư nay ở Mithilā, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilā, yết kiến đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán, sau khi tinh tấn, tinh cần phát triển thiền quán.

Người đánh xe, đánh xe về nhà Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. *Sundari* nghe vậy, nàng xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản đều thuộc của nàng, hãy thọ hưởng tài sản ấy. *Sundari* nói tài sản không có nghĩa gì đối với nàng, nàng chỉ muôn xuất gia. Sau khi được bà mẹ bằng lòng, nàng bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chủng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sóng trong sự an lạc giải thoát, nàng nghĩ: 'Ta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử trước mặt bậc Đạo Sư!'. Sau khi xin phép bậc thầy của mình nàng rời khỏi Benares, với một số đồng Tỷ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sāvatthi, yết kiến đức Phật, đánh lẽ Ngài rồi đứng một bên. Nàng nói lên chánh trí của nàng, xem nàng như là con gái sanh ra từ miệng đức Bổn Sư. Và tất cả bà con nàng, bắt đầu từ mẹ nàng và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người cha, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng như sau:

Sujata:

312. *Hỏi nữ Bà-la-môn,
Những con nàng đã chết,*

*Trong thời gian quá khứ,
Thân chết ăn nghiên chúng,
Cả ngày và cả đêm
Khổ đau nung nấu nàng.*

*313. Nay có đến bảy con
Bị thân chết vồ lấy,
Nhưng này Vàsitthi
Chính vì lý do gì?
Nàng không bị đau khổ,
Não hại và nung nấu?*

Vàsitthi:

*314. Nhiều trăm con trai ta
Hàng trăm chúng bà con,
Đã bị thân chết ăn,
Của ta và của người!*

*315. Ta biết đường giải thoát,
Khỏi sanh và khỏi chết,
Ta không sầu, không khóc,
Ta không bị nung nấu.*

Sujàta:

*316. Hồi nàng Vàsitthi
Vì diệu thay, lời người!
Nàng biết pháp của ai,
Nàng nói được như vậy?*

Vàsitthi:

*317. Hồi này, Bà-la-môn,
Bậc Chánh Đẳng Giác này,
Ở thành Mithila,
Ngài thuyết cho hữu tình,
Chánh pháp thật vi diệu,
Đoạn tận mọi khổ đau!*

*318. Hồi này Bà-la-môn,
Ta nghe La-hán ấy,
Thuyết pháp không sanh y,
Ở đây nhở hiểu rõ
Ta biết pháp vi diệu
Sầu vì con quét sạch.*

Sujàta:

319. Con sẽ đi ngay đến

*Thành phố Mithila!
Mong bậc Thé Tôn ấy,
Giúp con thoát mọi khổ,
Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát mọi khổ.*

*320. Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát vô sanh
Bậc Mâu-ni, vượt khổ
Thuyết pháp cho vị ấy.*

*321. Thuyết khổ, khổ tập khởi,
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết Thánh đạo tám ngành,
Con đường lắng dịu khổ.*

*322. Ở đây, hiểu Diệu pháp,
Hoan hỷ chọn xuất gia,
Sujàta ba đêm,
Chứng đạt được Ba minh.*

*323. Hãy đi, người đánh xe,
Đánh xe này về nhà,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Được súc khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm,
Chứng đạt được Ba minh.*

*324. Người đánh xe lấy xe,
Cùng với ngàn đồng tiền,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Được súc khỏe, không bệnh
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm
Chứng đạt được Ba minh.*

Mẹ của Sundari:

*325. Hỡi này người đánh xe,
Xe ngựa, ngàn tiền này,
Khi nghe vị Phạm chí
Đã đạt được Ba minh,
Ta cho người đầy bát
Cả xe và ngàn tiền.*

*326. Hỡi nữ Bà-la-môn!
Hãy giữ lại cho người,*

*Xe ngựa và ngàn tiền,
Tôi sẽ đi xuất gia,
Sóng thân cận gần gửi
Bậc trí tuệ tối thắng.*

327. *Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên giàu có này,
Cha con đã xuất gia,
Đã bỏ lại tất cả....
Này con Sundari,
Con thừa tự gia đình,
Hãy thọ hưởng tài sản,
Của đại gia đình này,*

328. *Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên cảm dỗ nàng;
Sầu khổ vì đứa con,
Cha con đã xuất gia,
Đã từ bỏ tất cả
Gia sản sự nghiệp này,
Con nay sẽ xuất gia,
Sầu khổ vì anh con*

329. *Hỡi nay Sundari
Nếu đây ước nguyện con,
Mong rằng tâm tư ấy,
Được thành tựu viên mãn;
Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Với miếng vải lượm lặt,
Những nếp sống như vậy,
Được thành tựu viên mãn,
Khiến lậu hoặc đoạn tận,
Trong thế giới đời sau.*

Sundari:

330. *Kính thưa Trưởng lão Ni,
Con đã học, tu tập,
Thiên nhẫn được thanh tịnh,
Con biết các đời trước,
Tại chỗ con được sống,
Trước kia như thế nào.*

331. *Nhờ Ni sư, con được
Ôi, bạn lành của con!*

*Bậc sáng chói tốt đẹp,
Trong chúng Trưởng lão Ni!
Ba mình đã chứng đạt,
Lời Phật dạy, làm xong.*

*332. Ni sư hãy cho phép
Con đi đến Xá Vệ!
Con sẽ rồng vang lên,
Tiếng rồng con sư tử!
Trước mặt bậc Giác ngộ,
Phật-dà, bậc tối thượng.*

*333. Hồi này Sundari,
Nàng thấy bậc Đạo Sư,
Màu da, sắc màu vàng,
Như vàng ròng sáng chói!
Bậc Chánh Đẳng, Chánh giác,
Không điều gì sơ hãi,
Bậc đã điều phục được,
Kẻ chưa được điều phục.*

*334. Đang đi đến trước Ngài,
Ngài thấy Sundari!
Ly tham không hệ lụy,
Giải thoát, không sanh y,
Đã làm việc phải làm,
Không còn các lậu hoặc.*

*335. Từ thành Ba-la-nại!
Con đã bước ra đi!
Con đến bậc Đại hùng.
Con là Sundari,
Con chính đệ tử Ngài!
Con đánh lẽ chân Ngài.*

*336. Ngài là bậc Giác ngộ!
Ngài là bậc Đạo Sư!
Con là con gái Ngài
Ôi bậc Bà-la-môn!
Con sanh từ miệng Ngài!
Đã làm việc phải làm,
Không còn có lậu hoặc,
Con là Sundari*

*337. Hiền nữ, Ta mừng con
Đường còn lại, không xa!
Như vậy, bậc Tự điều,
Đánh lẽ chân Đạo Sư!
Bậc ly tham, ly hệ,
Không hệ lụy trói buộc,
Đã làm việc phải làm,*

Không còn các lậu hoặc.

(LXX) Subhà, Con Người Thợ Vàng (Therì. 156)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là *Subhà*. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại *Ràjagaha*, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lẽ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư biết được cẩn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về ly Bốn sự thật và nàng chứng được quả Dụ lưu. Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà *Mahàpajàpati Gotamì*, hướng tâm đến con đường siêu thoát. Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mòi nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi bệnh tham vọng. Rồi nàng phát triển thiền quán, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đổi moi dục,
Không còn tham muôn lớn,
Thấy sợ hãi thân kién,
Ta mong muôn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Từ bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu
Vật gì thuận gia sản
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?*

342. *Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tĩnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản thánh.*

343. *Chính vàng hay bạc này
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi tràn,*

*Nguy hiểm nhiều ưu não,
Đây, không gì trường cửu.*

344. *Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm ué hiểm,
Chồng đối thù địch nhau
Rộng đường đấu tranh nhau.*

345. *Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sâu, ưu tư
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.*

346. *Vì sao bà con ta
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.*

347. *Bạc, vàng không có thể
Đoạn được các lâu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.*

348. *Vì sao bà con ta
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.*

349. *Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành
Với miếng vải lượm lặt
Sóng vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhả.*

350. *Dục đại sĩ từ bỏ
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát
Không dao động an lạc.*

351. *Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân
Gây khổ, dù đồng lửa.*

352. *Đường hiềm, đầy sợ hãi,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.*

353. *Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đau rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lòa phàm phu.*

354. *Chúng sanh chìm bùn dục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.*

355. *Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phân nhiêu đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.*

356. *Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.*

357. *Dục làm cho diên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.*

358. *Dục nguy hiềm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngot ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.*

359. *Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.*

360. *Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mót, lăng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.*

361. *Ta đi theo đường ấy
Đường đại sĩ đi qua,
Không sầu, không cầu ué,
An ủn, thăng, Tám ngành.*

362. Hãy xem Subhà này,
 An trú trên Chánh pháp,
 Con gái một thợ vàng,
 Đat được không tham dục,
 Ngồi hành trì thiền định,
 Ở dưới một gốc cây.

363. Hôm nay, ngày mồng tám
 Từ khi nàng xuất gia,
 Với lòng đầy tin tưởng,
 Sáng chơi chân Diệu pháp,
 Up-pa-la-van-na,
 Huấn luyện giảng dạy nàng,
 Nàng chứng được Ba minh,
 Vượt qua được thân chết.

364. Nàng tự mình giải thoát,
 Không còn có nợ nần.
 Là vị Tỷ-kheo-ni,
 Các căn được tu tập,
 Ly hệ mọi khổ ách,
 Việc cần làm làm xong,
 Đối với các lậu hoặc,
 Nàng đoạn diệt hoàn toàn.

365. Sakka đến với nàng,
 Cùng với chúng chư Thiên,
 Với thân thông diệu dụng,
 Chúng đánh lễ Subhà,
 Nàng chỉ là con gái,
 Con một người thợ vàng,
 Nhưng nay là hội chủ,
 Của mọi loài chúng sanh.

Vào ngày thứ tám, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thê Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương Sakka đã đến đánh lễ nàng.

**PHẨM XIV
TẬP BA MƯƠI KỆ**

(LXXI) Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka (Theri. 150)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng. Nàng được đặt tên là *Subhà* và thân nàng rất tuyệt đẹp, nhất là về tay chân. Do vậy nàng được gọi là *Subhà* (người đẹp). Khi bậc Đạo Sư ở *Ràjagaha* (Vương Xá), nàng khởi được lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, nàng lo nghĩ đến kiếp người, thấy sự nguy hiểm các dục lạc, và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly. Nàng xuất gia với sự hướng dẫn của bà *Mahàpajàpati*, và phát triển thiền quán, nàng chứng được quả Bát lai.

Một hôm, một thanh niên ăn chơi ở *Ràjagaha*, trong khi còn trẻ tuổi, đứng ở nơi vườn xoài ở *Jivaka* và thấy nàng đi vào rừng để nghỉ trưa. Nó chặn đường nàng lại và xin thỏa mãn dục lạc. Nàng dạy cho nó biết, với nhiều bài kệ, sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của nàng về đời sống viễn ly, thuyết pháp cho chàng thanh niên ấy. Nhưng chàng thanh niên không có nghe nàng và vẫn đòi thỏa mãn các dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, không có dùng những lời khuyên nhủ của mình, thấy chàng ấy mê say con mắt của nàng, liền móc một con mắt của nàng và đưa con mắt ấy cho chàng và nói: 'Đây là con mắt có tội của nàng'. Chàng thanh niên hoảng sợ, khủng khiếp và xin lỗi nàng. Nàng đi đến trước mặt vị Đạo Sư, và khi thấy Ngài, con mắt của nàng được chữa lành như cũ. Do vậy, trước mặt Thệ Tôn, nàng cảm xúc rung động, hoan hỷ sung sướng. Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng của nàng, dạy nàng và giúp nàng đạt được quả vị cao nhất. Dẫn lòng sự vui sướng của nàng, nàng phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu về pháp. Sau đó, an trú trong an lạc Niết bàn, nàng nghĩ đến những gì nàng chứng được và nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên ăn chơi bằng những câu kệ như sau:

366. *Trong rừng xoài tươi đẹp,
Của ông Jivaka,
Tỳ-kheo-ni Subhà,
Đang bộ hành đi tới,
Có chàng trẻ ăn chơi
Ngăn chặn Subhà lại
Nàng nói lên người ấy
Những lời nói như sau.*

367. *Ta đã xúc phạm gì,
Để chàng đứng chặn tôi?
Thật là không xứng đáng
Để một người đàn ông
Xúc phạm nữ xuất gia,
Hồi Hiền giả, hiểu cho.*

368. *Bậc Tôn sư ta dạy,
Chính học pháp như vậy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Là con đường thanh tịnh,
Không có cầu ué nào.
Sao chàng đứng chặn ta.*

369. *Tâm ta thật thanh tịnh,
Tâm người không thanh tịnh,*

*Tâm người đầy tham ái,
Ta không tham, không ué,
Mọi nơi, ý giải thoát
Sao chàng đứng chặn ta?*

370. *Nàng trẻ, không ác pháp,
Nàng xuất gia làm gì?
Hãy bỏ áo Cà sa!
Đến, lạc hưởng rừng hoa.*

371. *Toàn hoa tỏa hương ngọt,
Cây rưới bụi muôn hoa,
Xem tuổi xuân tuổi trẻ,
Là thời tiết hạnh phúc,
Hãy đến thọ hưởng lạc
Trong rừng nở trăm hoa.*

372. *Con đường dưới vòm hoa,
Xào xạc gió lay động,
Nàng được lạc thú gì,
Khi một mình vào rừng.*

373. *Trú xú chúng thú dữ,
Vang tiếng voi rồng dục,
Rừng lớn trống không người,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Nàng lại muốn đi vào,
Không một ai bạn đường?*

374. *Như búp bê vàng chói,
Giống tiên nữ vườn trời,
Nàng đáp vai Kàsi,
Đẹp mịn, sáng chói nàng.*

375. *Ta sống nô lệ nàng,
Nếu nàng sống ở rừng,
Không một sanh loại nào,
Mà ta yêu hơn nàng,
Hồi nàng mắt dịu hiền,
Như mắt Kin-na-ri.*

376. *Nếu nàng theo lời ta,
Nàng sẽ được hạnh phúc,
Hạnh phúc sống già đình,
Sóng lâu dài che gió,
Sóng có các nữ nhân,
Hầu hạ phục vụ nàng.*

377. *Mang lụa mịn Kàsi,
Dùng vòng hoa, sáp đỏ,*

Ta làm nhiều trang sức,
Vàng châu báu ngọc ngà.

378. Nàng leo lên giường quý,
Gỗ chiến đàn, lối thơm,
Che màn đẹp tinh sạch,
Trái nệm mới lông dài.

379. Như sen vươn từ nước,
Phục vụ cho phi nhân,
Như vậy nàng Phạm hạnh,
Sóng toàn hảo đến già.

380. Ở đây là cái gì,
Chàng xem là tuyệt diệu,
Trong nghĩa địa ẩn đây,
Tràn đầy những thân xác,
Chàng được thấy cái gì,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi chàng thoát ra lời,
Si mê, vô ý thức?

381. Chính mắt như son dương,
Như Kinri giữa rừng,
Ta thấy con mắt nàng,
Dục lạc liền tăng trưởng.

382. Trong gương mặt không uế,
Sáng chói như vàng ròng,
Chẳng khác gì hoa sen,
Đặt chính giữa dài sen,
Thấy con mắt của nàng,
Lòng dục liền tăng trưởng.

383. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Không gì ta yêu hơn,
Mắt Kinri của nàng.

384. Chàng muốn dùng phi đạo,
Tìm mặt trăng mà chơi,
Muốn nhảy qua Mê-ru,
Muốn tìm đến con Phật.

385. Trên đồi này, cõi trời,
Ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.

386. Quăng đi như hó than,
 Than hừng đang cháy đỏ,
 Đánh giá như thuốc độc,
 Đang xâm nhập đến thân,
 Ta không biết người ấy,
 Người ấy như thế nào,
 Đường đạo đã giết sạch,
 Giết hại đến gốc rễ.

387. Hãy cám dỗ nữ nhân,
 Không có biết quán sát,
 Hay Đạo Sư người ấy,
 Đang còn phải học tập,
 Chàng mê hoặc người ấy,
 Làm hại được người ấy.

388. Còn ta đã chán niệm,
 Đối khen chê lạc khổ,
 Biết hữu vi bất tịnh,
 Bám chặt tư tưởng ấy.

389. Ta là đệ tử Ni,
 Của bậc đại Thiện Thệ,
 Ta đã dần thân bước
 Trên đường đạo tám nganh,
 Mũi tên đã nhổ lên
 Không còn các lậu hoặc,
 Ta đi đến nhà trống,
 Tâm tư ta hoan hỷ.

390. Ta đã được thấy nó,
 Một búp bê khéo vẽ,
 Với trực quay gỗ mới,
 Khéo cột với dây que,
 Búp bê ấy nhảy múa,
 Nhiều điệu múa khác nhau.

391. Dây que ấy được rút,
 Mở lòng rời phân tán,
 Thành trống không, miếng nhỏ,
 Chỗ nào ý say đắm.

392. Thân ta ví dụ vậy,
 Không bộ phận không động.
 Không bộ phận, không động.
 Chỗ này ý say đắm.

393. Như thấy một bức vẽ,
 Tô màu đỏ trên tường,
 Cái thấy chàng đảo lộn,
 Vì trí người thiều sót.

394. ảo thuật xem tối thượng,
Như cây vàng trong mộng,
Mù lòa người chạy theo,
Cái trống không, không thực,
Như cái trò múa rối,
Dược xem giữa quần chúng.

395. Mắt nàng như hòn bi,
Đặt lỗ trống của cây,
Như những bong bóng nước,
Đây dây những nước mát,
Những con người đa dạng,
Sanh ra những mủ ghèn.

396. Thiếu nữ đẹp tuyệt áy,
Với tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt nàng.
Trao liền cho người áy,
Và nói hãy cầm lấy,
Con mắt này của người.

397. Khi áy tham liên diệt,
Chàng khẩn cầu xin lỗi,
Mong rằng Phạm hạnh ni,
Được an ủn trở lại,
Tôi sẽ không còn dám,
Xâm phạm thế này nữa.

398. Hai hạng người thế này,
Chẳng khác ôm lửa hừng,
Tôi như nắm rắn độc,
Mong an ủn tha thứ.

399. Thoát khỏi bị xúc phạm,
Vị Tỷ-kheo-ni áy,
Từ đây đi đến gần
Bậc Giác ngộ thù thắng,
Thấy được tướng công đức,
Tốt đẹp và thù thắng,
Mắt của nàng hồi phục,
Được trở lại như xưa.

PHẨM XV
TẬP BỐN MUỖI KỆ

(LXXII) Isidàsi (Therì. 162)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở *Ujjeni*, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là *Isidàsi*. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì nghiệp đời trước của nàng, chồng nàng trở thành lạnh nhạt đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tò không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni *Jinadattà*. Sau khi tu học thiền quán, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sóng trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành *Patna*, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni *Bodhi*, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

400. *Trong thành được đặt tên,*
Tên chỉ một đóa hoa,
'Pàtaliputta',
'Con của đóa bông kèn',
Sóng hai Tý-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.

401. *Một I-xi-đa-xi,*
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưa thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.

402. *Họ đi khát thực xong,*
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viễn ly,
Nói lên những lời này.

403. *Hồi I-xi-đa-xi,*
Căn nàng thật thoải mái,
Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.

404. *Như vậy sống viễn ly,*
Thiện xảo về thuyết pháp,

*I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

405. *Tại thành phố thù thắng
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

406. *Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dám hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. *Sáng và chiều, ta đến
Đánh lê cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lê chân,
Như ta được dạy bảo.*

408. *Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

409. *Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cắt giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

410. *Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lê chồng ta.*

411. *Cầm theo lược trang liệu
Thuốc xoa mắt gwong nhở,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

412. *Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,
Ta hầu chồng như vậy.*

413. *Như vậy phục vụ chồng,*

Với phục vụ tối thượng
 Dậy sớm không biếng nhác,
 VỚI TÂM TƯ KHIẾM TỐN,
 VỚI GIỚI HẠNH TỐT ĐẸP,
 NHƯNG CHỒNG ÁC CẢM TA.

414. Chồng ta nói mẹ cha,
 Xin phép con sẽ đi,
 VỚI I-xi-đa-xi,
 Con không thể sống chung,
 Cùng dưới một mái nhà,
 Con không thể cùng ở.

415. Chớ nói vậy, này con!
 Vợ con người có trí,
 Thông minh, biết dậy sớm,
 Sao con không hoan hỷ.

416. Nàng không hại gì con,
 Nhưng con không bao giờ
 Có thể sống chung được
 VỚI I-xi-đa-xi
 Con ghét cay chán ngây
 Xin phép, con sẽ đi.

417. Được nghe lời chồng nói,
 Cha mẹ chồng hỏi con.
 Làm gì xúc phạm chồng?
 Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
 Không hại, không mưu tính.
 VỚI LỜI NÓI KHÓ CHỊU,
 CÓ THỂ LÀM GÌ ĐƯỢC?
 Tuy vậy chồng của con,
 Lợi ác cảm chồng con.

419. Họ đưa ta về nhà,
 Nhà thân phụ của ta,
 VỚI TÂM TƯ KHỔ NÃO,
 Sưng sốt và bối rối
 Không muôn mắt con trai,
 Họ muốn bảo vệ nó.
 Ôi, chúng ta bại trận,
 Bởi nữ thần may rủi.

420. Cha ta lại gả ta,
 Cho gia đình thứ hai,
 Một gia đình giàu có,
 Bằng lòng nửa số tiền

Là tiền gả bán ta.

421. *Ta chỉ sống một tháng,
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Đầu ta tận tuy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi làm có đúc.*

422. *Cha ta nói khát sĩ,
Sóng điều phục chế ngự,
Ngươi hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.*

423. *Vị ấy sống nửa tháng,
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghè khát sĩ của con.*

424. *Cha, mẹ, toàn bà con,
Liền nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.*

425. *Được nói vậy, vị ấy,
Liền trả lời như sau:
Nếu đổi với tư ngũ,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!*

426. *Tù giã vị áy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.*

427. *Rồi Ji-na-đat-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.*

428. *Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,*

*Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lẽ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lẽ xong, ta cúng đường,
Các đồ ăn đồ uống.*

429. *Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thưa với Ni sư,
Nay ta muôn xuất gia,
Sóng đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
'Này con hãy ở đây'.*

430. *Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.*

431. *Vừa nói, ta khóc lóc,
Chắp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.*

432. *Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lưỡng Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.*

433. *Ta đánh lẽ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau bảy ngày xuất gia,
Ta chứng được Ba minh.*

434. *Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thục,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.*

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.*

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,*

*Ta bị đốt, nung nấu
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt
Ta sanh trong bụng khỉ.*

*437. Bảy ngày từ khi sanh,
Ta bị khỉ chúa thiến,
Đây là quả của nghiệp,
Do đi đến vợ người.*

*438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-da,
Sanh trong bụng con dê,
Một mắt và què quặt.*

*439. Mười hai năm bị thiến,
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.*

*440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con bò cái,
Của một lái buôn bò,
Con nghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiến.*

*441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.*

*442. Từ đây chết được sanh,
Nhà nữ tỳ giàn đường,
Không là nữ không nam,
Do đi lại vợ người.*

*443. Đến tuổi ba mươi năm,
Bị chết, ta được sanh
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lũ đoàn bắt ta.*

*444. Kéo ta, dây ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.*

445. Khi ta mươi sáu tuổi,

*Lớn lên thành thiều nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.*

*446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biệt thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hận.*

*447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chồng ta,
Dù ta như nô tỳ,
Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chán dirt,
Mọi sự việc như trên.*

PHẨM XVI
ĐẠI PHẨM

(LXXXIII) Sumedhà (Therì. 167)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavatì con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bàng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tịnh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: 'Bốn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia', cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: 'Nhu vậy, ta sẽ được phép xuất gia', và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền, Khi nàng ở trong định Sơ thiền cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện giả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập thiền quán, và giải thoát được chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thăng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

448. *Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

449. *Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: 'Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!'.*

450. *Con hân hoan Niết-bàn,
Dầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu áy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.*

451. *Các dục thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.*

452. *Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đón sầu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nghiệp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.*

453. *Kẻ ngu có liết tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,
Không biết lo học hỏi,
Không giác tri Thành đé.*

454. *Những sự thật, thưa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muôn sanh thiên giới.*

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu không sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. *Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rời đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.*

457. *Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của bậc chứng Mười lực,
Sóng thong dong nhàn hạ,
Nỗ lực đoạn sanh tử.*

458. *Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

459. *Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,*

*Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

460. *Sumedha nói vậy,
Nàng lại thưa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

461. *Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sưng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sầu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sóng đời sóng Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thưa rằng:
Thôi đứng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lôi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,
Con chỉ cưới như vậy.*

466. *Sá gì thân hôi nhói,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đồ bất tịnh.*

467. *Sá gì thân ta biết,*

*Ghê tởm, lám máu thịt,
Chỗ chúa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thíc tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân áy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lối,
Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiêu hôi hám.*

471. *Nếu thân được mổ xé,
Lợi nội phàn ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

472. *Chính do uẩn, xú, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

473. *Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mồi đâm thân,
Đầu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ áy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

474. *Kẻ trí quyết bằng lòng
Sư giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dài,
Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.*

475. *Trong cảnh giới Trời, Người,*

*Bàng sanh, a-tu-la,
Nga quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.*

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. Những ai đạt Niết-bàn,
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thong dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. Thưa cha ngày hôm nay
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rõng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,
Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Với lời nói như vậy.
Anikaratta
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Với guom, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được Sơ thiền.

481. Nàng sống trong cảnh thiền,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập tưởng vô thường.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chắp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Với tiền của uy quyền,
Với tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiềm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bồ thí,
Nàng chó có buồn nán,
Khiến mẹ cha khổ đau.
Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc áy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví gurom giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy
Giống xương gầm trơn tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyền,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như gurom, như cọc,
Bệnh tật và cục bướu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hùng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngai pháp,
Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.

492. Ai giúp gì tôi được,
Khi dầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!

493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tò lỗi,
Thưa mọi người như sau:

494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thi đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.

495. Hãy nhớ từ vô thi,
Nước mắt, sữa và máu,
Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đống.

496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.

497. Hãy nhớ từ vô thi,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nấm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.

498. Hãy nhớ từ vô thi,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bồn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.

499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hổng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,
Được làm người khó vạy.

500. Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lõi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.

501. Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sanh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường luồng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.

502. Nước bát tử có dây,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.

503. Nước bát tử có dây!
Sao người ưa dục não!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.

504. Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,
Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để dục giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. Được cỏ đang cháy rực,
Nǎm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. Chớ nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. Hãy nghiệp dục trong dục,

Như chó bị dây cột,
Chó đê dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. Khô thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dục bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi,

511. Đây không già, không chết.
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trói buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đây.

512. Dịch này, nhiều người đạt,
Dịch này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,
Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu thăng trí chứng đạt.

515. Chứng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

516. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,

Thời trước đời cuối cùng.

517. Trong thời đức Thé Tôn,
Konàgamana!

Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

518. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

519. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta hoàng hậu, bảy báu!
Ta chính là nữ báu.

520. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dày chuyền thứ nhất
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mén pháp.

521. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

HẾT TẬP III - TIỂU BỘ KINH